

LỜI GIỚI THIỆU

Xã hội hóa giáo dục là yêu cầu thực tiễn của nền giáo dục nước ta. Chính vì vậy, song song với loại hình đào tạo tập trung, Bộ Giáo dục & Đào tạo đã cho phép một số trường Đào tạo theo mô hình trực tuyến/từ xa. Để nhìn lại một chặng đường đã qua nhằm đúc kết những kinh nghiệm quý báu, nhìn nhận những mặt được và chưa được của mô hình đào tạo này, Viện Nghiên Cứu Giáo Dục - Trường Đại Học Sư Phạm TP.HCM tổ chức hội thảo khoa học với chủ đề: **"ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN TRONG NHÀ TRƯỜNG VIỆT NAM: THỰC TRẠNG và GIẢI PHÁP"**.

Hội thảo bao gồm các nội dung chính như sau:

1. Trao đổi kinh nghiệm về mô hình đào tạo trực tuyến của các trường (những thuận lợi và khó khăn trong việc tổ chức, đào tạo...)
2. Kinh nghiệm của những nhà quản lý giáo dục về việc tổ chức quản lý, đầu tư sử dụng thiết bị và phần mềm trong đào tạo trực tuyến.
3. Giới thiệu, trao đổi ý kiến của các chuyên gia, kỹ thuật viên trong việc quản lý bài giảng, điều hành diễn đàn...
4. Những giải pháp thực hiện đào tạo trực tuyến trong thời kỳ phát triển, đổi mới giáo dục.

Mọi ý kiến đóng góp xây dựng về nội dung chương trình cũng như hình thức cho kỹ yếu xin được gửi về theo địa chỉ sau đây:

Viện Nghiên cứu Giáo dục, 115 Hai Bà Trưng – Quận 1 – TP.HCM.

Điện thoại: 08. 38236748 hoặc 38224813(19); Fax: 08.38273833

Email: ier@ier.edu.vn

Ban Tổ chức Hội thảo

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	1
Mục lục	2
PHẦN NỘI DUNG	
1. Hệ thống đánh giá độ khó câu hỏi dựa vào người thi	6
2. Hệ hỗ trợ đào tạo theo học chế tín chỉ cho các trường đại học và cao đẳng	10
3. Từ thực trạng mô hình giáo dục từ xa trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đề xuất thêm một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo	16
4. Những thách thức về công nghệ của giáo dục đại học trong dạy học trực tuyến	27
5. Chiến lược phát triển đào tạo trực tuyến trong nhà trường	31
6. Dạy học online – Trường học ảo trong thế giới thật	38
7. Ứng dụng E-learning tại khoa Công nghệ thông tin và truyền thông – Trường ĐH Cần Thơ	42
8. Đào tạo qua mạng phát huy tính giao tiếp của người học	55
9. Đào tạo trực tuyến – hướng đi chung của các trường đại học	58
10. Đào tạo trực tuyến – Mảnh đất giàu tiềm năng	63
11. Thực trạng về mô hình đào tạo trực tuyến ở trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên	66
12. Bài giảng điện tử - Bàn thêm về hai chữ «tương tác»	70
13. E-learning trong trường học Việt Nam	76
14. ED TOEFL IBT 2.0 – Giải pháp toàn diện cho việc giảng dạy, học tập và luyện thi TOEFL IBT trực tuyến tại khoa Anh – ĐH Sư phạm TP.HCM	88
PHẦN PHỤ LỤC	
15. E-learning và hệ thống quản lý khóa học PHPBB	102
16. Sử dụng hệ thống Moodle phục vụ cho việc quản lý khóa học E-learning	118
17. E-learning sự lựa chọn của thời đại	135
18. Một số vấn đề về đào tạo trực tuyến	138
19. Đào tạo trực tuyến – Một hình thức học tập hữu hiệu trong tương lai	163
20. Giới thiệu chương trình: Training online	169

PHẦN
NỘI DUNG

HỆ THỐNG ĐÁNH GIÁ ĐỘ KHÓ CÂU HỎI DỰA VÀO NGƯỜI THI

ThS. Võ Đình Bảy

Viện Nghiên cứu Giáo dục

Tóm tắt: Cùng với sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông, đào tạo trực tuyến đang là một loại hình cần được nhân rộng nhằm tạo cơ hội cho người học có thể tự học, tự nghiên cứu và trau dồi kiến thức. Bên cạnh đó, vấn đề kiểm tra đánh giá cũng phải được quan tâm đúng mức để đánh giá mức độ hoàn thành bài học của học viên. Hiện nay, đã có nhiều trang web hỗ trợ thi trắc nghiệm phục vụ cho các đối tượng khác nhau như học sinh phổ thông, cao đẳng, đại học... Bài viết nhằm giới thiệu một hệ thống hỗ trợ thi trắc nghiệm trực tuyến có quan tâm đến phản hồi của người thi.

I. Giới thiệu:

Thi trắc nghiệm đã không còn xa lạ với hầu hết chúng ta hiện nay. Từ những bài thi trắc nghiệm trong khuôn khổ một môn học, một chủ đề hẹp đến những bài trắc nghiệm với những yêu cầu kiến thức bao quát đã được áp dụng để giúp người học kiểm tra lại kiến thức của mình hay đánh giá khả năng của người học. Gần đây, thi trắc nghiệm đã được áp dụng trong các kì thi cuối cấp, tuyển sinh đại học... cho thấy tầm quan trọng của hình thức thi này.

Vấn đề đặt ra liên quan đến đề thi. Làm thế nào để soạn thảo đề thi phù hợp với khả năng của học sinh, sinh viên nhưng vẫn phân loại được người học? Làm thế nào để có thể tạo ra một ngân hàng đề thi phong phú đa dạng nhưng vẫn “biết” được mức độ khó dễ của từng câu hỏi nhằm tạo ra đề thi phù hợp?

Để giải quyết các câu hỏi này, chúng tôi đã nghiên cứu và đề xuất một hệ thống đánh giá độ khó câu hỏi tự động để từ đó tạo ra ngân hàng đề thi tự động dựa vào độ khó.

II. Giới thiệu hệ thống:

Hệ thống được xây dựng với một số ràng buộc chặt chẽ như sau:

- **Đối với người ra đề (soạn câu hỏi):** Phải là các giáo viên am hiểu về môn học mà mình phụ trách ra đề. Có thể phân loại được các dạng đề nhằm tạo ra các nhóm đề phù hợp nhằm đánh giá chính xác khả năng của người học. Đây là nhân tố quan trọng nhất trong hệ thống vì nếu việc ra đề không bao quát sẽ dẫn đến bỏ sót một số kiến thức nhất định nào đó làm mất ý nghĩa môn học.
- **Đối với chuyên gia đánh giá:** Phải là những người có kinh nghiệm, am hiểu chuyên môn. Các chuyên gia chủ yếu tham gia vào hệ thống bằng việc nhận xét mức độ phù hợp của câu hỏi, đáp án, kiểm tra tính đúng, tính đủ của môn học nhằm hoàn thiện ngân hàng đề. Ngoài ra, hệ thống còn có một lựa chọn cho dạng câu hỏi được chuyên gia đánh giá về độ khó, đây là độ khó dựa trên yếu tố chủ quan của các chuyên gia.
- **Đối với người thi:** Do hệ thống sẽ đánh giá câu hỏi dựa vào người thi nên đòi hỏi chỉ những đợt thi thực sự (có tính điểm) mới cập nhật kết quả vào hệ thống. Mẫu người thi phải rộng (theo cả số lượng người thi lẫn khu vực thi) để bao quát được đối tượng nhằm đánh giá kết quả chính xác.

Sau đây là một số chức năng của hệ thống.

1. **Chức năng hệ thống:** đây là một chức năng không thể thiếu đối với một Website thi trắc nghiệm trực tuyến. Chức năng này nhằm cấp user account cho GV (ra đề), SV (thi, xem điểm...), chuyên gia (để đánh giá)...
2. **Chức năng soạn câu hỏi:** Chỉ có giáo viên (GV) mới có chức năng này. Các câu hỏi được soạn tương ứng với một môn học cụ thể, GV là người soạn thảo và chịu trách nhiệm về nội dung và đáp án. Có quyền sửa hay xóa các câu hỏi mà mình đã soạn cho đến khi nó thực sự được đưa vào ngân hàng câu hỏi dùng để ra thi.

3. Chức năng của chuyên gia: Hệ thống cho phép các chuyên gia được quyền nhận xét, đánh giá mức độ đáp ứng của câu hỏi, đáp án. Việc đánh giá toàn bộ các câu hỏi của một môn học cũng được quan tâm nhằm kiểm tra xem các câu hỏi đã rải đều nội dung môn học hay chưa? Tính đa dạng, phong phú đã đáp ứng chưa? Đưa ra một số nhận xét và thậm chí cũng có thể đề nghị các câu hỏi phù hợp nhằm để đưa vào hệ thống.

4. Chức năng thi: Sẽ có hai dạng thi chính.

4.1. **Thi tự do:** Đây là các đối tượng muốn tự kiểm tra kiến thức chuyên môn. Hệ thống có chức năng hỗ trợ họ kiểm tra và sẽ không cập nhật kết quả thi của từng câu hỏi để đánh giá độ khó câu hỏi.

4.2. **Kiểm tra, đánh giá theo lớp/ theo đợt:** Đây là phần quan trọng của hệ thống. Mỗi đợt thi (hay lớp thi) sẽ có một danh sách được đưa vào hệ thống dưới dạng file excel, hệ thống sẽ cấp một danh sách các user name và pass để thí sinh có thể login vào và thực hiện bài thi. Bài thi đã hoàn tất của mỗi thí sinh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc cập nhật lại độ khó cho từng câu hỏi đã được thi. Điểm của thí sinh sẽ được kết xuất ra file excel.

5. Chức năng cập nhật độ khó câu hỏi: Mỗi khi thí sinh đã hoàn tất bài thi, hệ thống sẽ dựa vào đó để cập nhật lại độ khó cho từng câu hỏi. Ứng với các câu hỏi đã có đủ mẫu (đây là một ngưỡng được cho trước), hệ thống sẽ tự động đưa vào ngân hàng đề thi phục vụ cho các kì thi quan trọng hơn.

III. Một số khó khăn khi thực hiện hệ thống:

Đây là một hệ thống mà trung tâm chúng tôi “ước mơ” từ lâu. Tuy nhiên lại vướng phải những khó khăn nhất định.

1. Về đội ngũ giáo viên ra đề: Làm thế nào tập hợp được một đội ngũ đủ mạnh để soạn các câu hỏi và đáp án phù hợp, đủ và mang tính thực tiễn? Làm được điều này cần phải có sự phối hợp của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở giáo dục địa phương, ...

2. **Đội ngũ chuyên gia:** Làm thế nào để tập hợp được lực lượng chuyên gia đủ mạnh để giải quyết vấn đề thẩm định câu hỏi và góp ý cho ngân hàng đề?
3. **Người thi:** Đây là vấn đề khó khăn nhất của hệ thống. Để tạo ra ngân hàng đề thi với độ khó khách quan, chúng ta cần phải ra đề và cho thi trên diện rộng (nghĩa là từ Bắc vào Nam) với các đề thi chưa được đánh giá độ khó. Việc tổ chức thi như thế đòi hỏi phải có sự kiểm soát chặt chẽ của những người có trách nhiệm nhằm đánh giá đúng độ khó cho từng câu hỏi. Một vấn đề nữa là số người thi phải đủ lớn để đánh giá tốt mức độ trả lời của người thi đối với câu hỏi. Chính vì vậy, việc tổ chức sẽ rất công phu và tốn kém nhằm tạo ra một ngân hàng có độ tin cậy cao.

IV. Tóm lại:

Đây là một hệ thống rất thiết thực cho việc hình thành nên các ngân hàng câu hỏi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đặt ra của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Để đi đến thành công vẫn còn một con đường khá xa! Thực tế, nếu không có sự góp sức của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở Giáo dục địa phương, hệ thống sẽ không thể hoạt động đúng theo yêu cầu đặt ra. Vì vậy, chúng tôi mong muốn được sự quan tâm, đôn đốc, góp sức của các cấp lãnh đạo.

Hiện nay, hệ thống đã hoàn thiện xong phần ứng dụng, chúng tôi đang chuyển qua cài đặt trên Web nhằm tạo điều kiện dễ nhất cho các cá nhân liên quan (Giáo viên, Chuyên gia, Thí sinh) tham gia vào hệ thống.

HỆ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG

ThS. Võ Đình Bảy – Viện Nghiên cứu Giáo dục

Lê Xuân Mạnh – SV Trường ĐH Kỹ thuật Công nghệ Tp. HCM

Tóm tắt: Thực hiện theo quyết định của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo về chuyển mô hình đào tạo tại các trường đại học và cao đẳng trong cả nước từ niên chế sang học chế tín chỉ. Với mô hình đào tạo tín chỉ, thời lượng sinh viên lên lớp sẽ giảm lại và thời lượng tự học và nghiên cứu sẽ phải tăng lên. Do đó, cần thiết phải xây dựng hệ thống nhằm tạo một công cụ hiệu quả trong việc điều hành việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên. Hệ thống ra đời đáp ứng một số tiêu chí: Giúp giáo viên chuyển tải được bài học, bài tập, phân nhóm làm việc...; giúp sinh viên tự học, thảo luận nhóm, thảo luận theo lớp...; giúp giáo viên theo dõi được quá trình trao đổi của sinh viên, đóng góp ý kiến vào các trao đổi và cuối cùng là hỗ trợ giáo viên trong việc chấm điểm tự học của sinh viên.

1. Giới thiệu hệ thống hỗ trợ đào tạo theo mô hình đào tạo tín chỉ (bậc đại học/cao đẳng):

1.1. Mô hình chức năng:

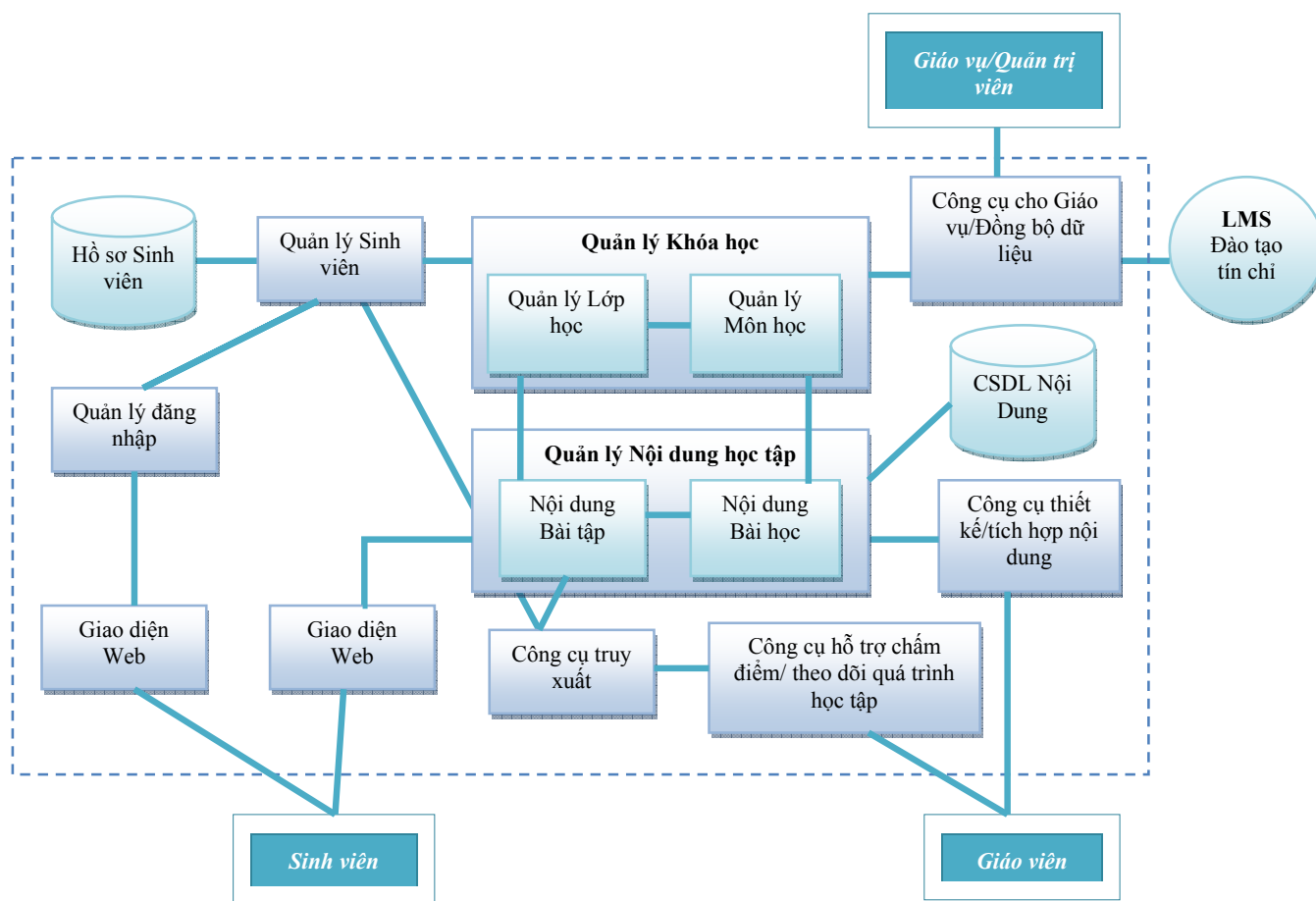
1.1.1. **Quản lý khóa học:** Bao gồm việc quản lý các môn học, tổ chức các lớp học theo từng môn, quản lý sinh viên tham gia các lớp học.

[1]. **Môn học:** Ứng với mỗi ngành đào tạo, giáo vụ (Quản trị viên) sẽ tổ chức các môn học tương ứng với các môn học đào tạo thực tế.

[2]. **Lớp học:** Lớp học ảo tương ứng với lớp học thực tế của mô hình đào tạo tín chỉ. Lớp học phát sinh theo môn học, và chỉ tồn tại trong học kỳ nhất định. Danh sách các sinh viên tham gia lớp học được lấy từ (cập nhật gián tiếp hoặc trực tiếp) danh sách sinh viên đăng ký học thực tế từ CSDL Đào tạo của Trường.

1.1.2. Quản lý Nội dung học tập:

- [1]. **Bài học (giáo trình):** Bao gồm các tài liệu, tài nguyên dùng cho giảng dạy, được giảng viên/giáo viên đưa lên, ứng với từng môn học cụ thể. Các giáo trình này xuyên suốt trong quá trình học tập của tất cả các lớp học của môn học đó. Các giáo trình này có thể thay đổi, cập nhật phiên bản khác nhau theo mỗi niên khóa.
- Công cụ nhập liệu HTML Editor.
 - Import từ Word Documents, PowerPoint Slides.
 - Import/Export từ các LCMS/LMS khác theo chuẩn SCROM, XML, ...
- [2]. **Bài tập:** Bao gồm các bài tập theo bài học, các bài kiểm tra... được đưa ra cho từng lớp học cụ thể và có thể được phân cho các nhóm sinh viên. Việc các sinh viên hoàn thành các bài tập này (dưới dạng các bài nộp) là cơ sở để giảng viên/giáo viên đánh giá kết quả học tập của từng sinh viên.
- Công cụ nhập liệu HTML Editor.
 - Import từ Word Documents, PowerPoint Slides.
- [3]. **Thảo luận:** Là một diễn đàn thu gọn, thảo luận là khu vực thảo luận cho các sinh viên trong mỗi lớp, phục vụ cụ thể cho các sinh viên trong lớp có thể trao đổi, thảo luận về các vấn đề, tạo môi trường học tập tốt hơn. Thảo luận có thể dùng làm cơ sở tham khảo để giáo viên/giảng viên đánh giá thái độ chuyên cần của học viên.

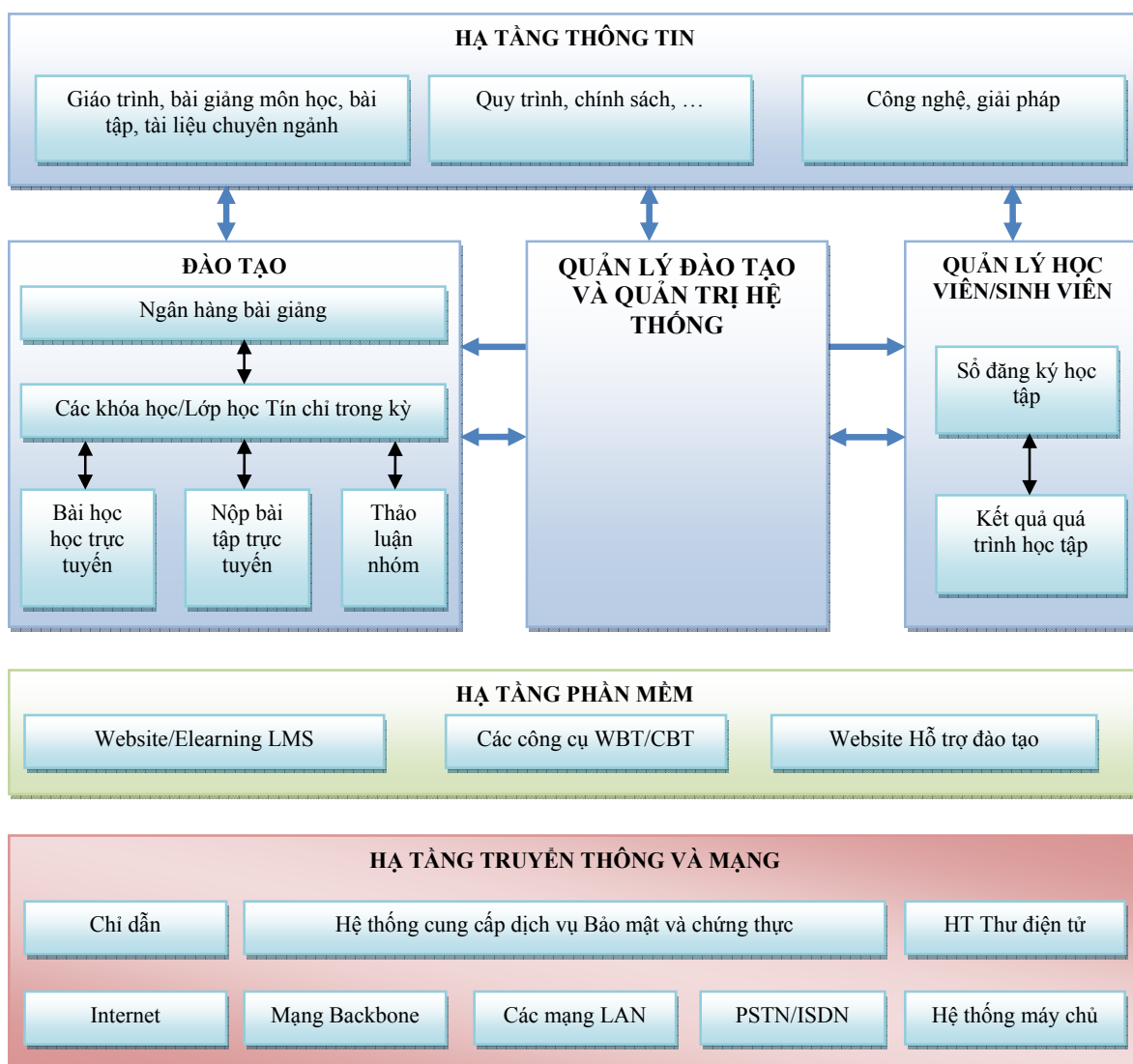


Hình 1: Mô hình chức năng Hệ thống E-learning hỗ trợ đào tạo theo mô hình tín chỉ

1.1.3. Quản lý Sinh viên:

- [1]. **Quản lý tài khoản/truy nhập:** Mỗi sinh viên sau khi đăng ký các lớp học (Môn học) thực tế từ các LMS (của Trường, Cơ sở đào tạo), sẽ được cập nhật vào hệ thống (tự động, bán tự động), cho phép sinh viên có thể tham gia vào các khóa học mà mình đã đăng ký (giáo trình/bài học, làm bài tập, tham gia thảo luận).
- [2]. **Quản lý quá trình học tập (trực tuyến):**
 - Sinh viên có thể tự kiểm tra danh sách các lớp mình đã và đang theo học, kết quả học tập của từng lớp (môn) đã học.
 - Giảng viên/Giáo viên có thể kiểm tra quá trình học tập của sinh viên trong lớp mình phụ trách, kiểm tra việc sinh viên nộp bài tập và hỗ trợ chấm điểm.

1.2. **Mô hình hệ thống:** Bao gồm 3 phần chính:



Hình 2: Mô hình Hệ thống hỗ trợ đào tạo.

Trong đó:

1. **Hạ tầng truyền thông và mạng:** Bao gồm các thiết bị đầu cuối cho người dùng (học viên, giáo viên, giáo vụ). Các thiết bị tại các cơ sở cung cấp dịch vụ, mạng, truyền thông, hệ thống máy chủ website (Webserver), bản quyền phần mềm...
2. **Hạ tầng phần mềm:**
 - i. Website, LMS của Trường, Cơ sở đào tạo dùng cho việc quản lý đào tạo theo hình thức tín chỉ trực tuyến hoặc phi trực tuyến.

- ii. Các công cụ hỗ trợ soạn thảo, thiết kế bài giảng, bài học, bài tập, tài liệu...
 - iii. Website hỗ trợ đào tạo.
3. **Hạ tầng thông tin:** Là phần quan trọng nhất, bao gồm:
- i. Các khóa học/Lớp học: Là các lớp học theo môn học phát sinh trong kỳ. Tên lớp học, danh sách học viên/sinh viên tham dự, giảng viên phụ trách được cập nhật/đồng bộ từ CSDL của LMS quản lý đào tạo tín chỉ của Trường.
 - ii. Nội dung đào tạo, nội dung bài học, tài liệu chuyên ngành: Được thiết kế cho từng môn học, được tổ chức lưu trữ và cập nhật các phiên bản theo từng năm học (khóa học).
 - iii. Nội dung bài tập: Do giáo viên phụ trách tự đưa ra hoặc đi kèm theo giáo trình giảng dạy.
 - iv. Nội dung thảo luận, tài liệu, download... là các tính năng hỗ trợ, mở rộng của hệ thống.

1.3. Thực tế thực hiện: Các chức năng chính

1.3.1. Đã thực hiện:

- [1]. Quản lý Khóa học (Môn học):
 - Tổ chức, cập nhật các môn học theo từng chuyên ngành cụ thể.
 - Ứng với mỗi môn học và năm học sẽ tổ chức các giáo trình, bài học.
 - Import bài giảng từ tập tin Word.
- [2]. Các lớp học:
 - Tổ chức, cập nhật danh sách các Lớp học trong từng môn và sắp xếp theo năm học.
 - Cập nhật danh sách các sinh viên đăng ký tham dự.
- [3]. Quản lý nhóm sinh viên theo lớp.
- [4]. Quản lý, tạo và phân công bài tập cho nhóm.
- [5]. Quản lý các mục thảo luận theo từng lớp.
- [6]. Quản lý hồ sơ sinh viên

1.3.2. Đang thực hiện:

- [1]. Cập nhật/đồng bộ danh sách sinh viên từ CSDL khác (Excel, XML, ...): Chức năng cập nhật danh sách sinh viên đăng ký tham dự các lớp từ Website/Phần mềm LMS đăng ký học theo tín chỉ của Trường được xuất ra dưới dạng file Excel hoặc XML.
- [2]. Phần hỗ trợ chấm điểm: là phần thống kê các hoạt động của sinh viên trên website, bao gồm việc nộp bài tập, tham gia thảo luận... làm cơ sở cho giáo viên đánh giá, chấm điểm và theo dõi quá trình học tập của sinh viên.

1.3.3. Sẽ thực hiện:

- [1]. Hỗ trợ thiết kế bài giảng, bài học theo chuẩn SCORM, import từ PowerPoint slides.
- [2]. Cập nhật các phiên bản mới cho các giáo trình, bài giảng và chương trình học theo năm.
- [3]. Sổ đăng ký học tập của sinh viên
- [4]. Gợi ý chấm điểm dựa trên nội dung bài viết (text)
- [5]. Cố vấn học tập
 - Các câu hỏi thường gặp (faqs)
 - Tư vấn chọn môn học tự chọn.
 - Tư vấn chọn các môn học trong 1 kỳ.

TỪ THỰC TRẠNG MÔ HÌNH GIÁO DỤC TỪ XA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI ĐỀ XUẤT THÊM MỘT SỐ GIẢI PHÁP GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO.

*ThS. Trương Quang Dũng
Sở GD&ĐT Quảng Ngãi*

I. Mở đầu:

Xã hội càng phát triển, nhu cầu học tập của nhân dân ngày càng lớn, hệ thống trường lớp tuy đã được đầu tư, phát triển vượt bậc cả về số lượng và chất lượng song cũng không thể đáp ứng được nhu cầu học tập đa dạng của người học. Trước thực trạng đó, Đảng ta nêu ra định hướng: “Đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập”. [1]

Từ định hướng trên, Ngành Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2010, trong đó có nhấn mạnh: “Phát triển giáo dục không chính quy như là một hình thức huy động tiềm năng của cộng đồng để xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội cho mọi người ở mọi trình độ, mọi lứa tuổi, mọi nơi có thể học tập suốt đời, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mỗi cá nhân, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực”. [2]

Trong hệ thống giáo dục không chính quy, Giáo dục từ xa (GDTX) là một trong những mô hình giáo dục có nhiều ưu điểm vượt trội, được nhiều nước trên thế giới áp dụng từ những năm cuối thế kỷ XIX. Ở Việt Nam, mô hình Giáo dục từ xa được hình thành từ thập kỷ 60 và phát triển mạnh mẽ từ năm 1994 đến nay. Theo thống kê, đã có trên 50.000 học viên tốt nghiệp đại học hệ giáo dục từ xa và hiện có khoảng 150.000 người đang theo học các chương trình theo hình thức giáo dục từ xa ở trình độ đại học, trong đó, khối ngành sư phạm chiếm gần 50% còn lại là các ngành khoa học khác. [4]

Giáo dục từ xa (Distance Education), đào tạo mở (Open learning), thuộc phương thức giáo dục không chính quy trong hệ thống giáo dục quốc dân. Là một

hình thức giáo dục trong đó giảng viên và học viên không “gần gũi” về mặt địa lý, do đó, họ phải thông qua các hình thức giao tiếp từ xa để thực hiện quá trình dạy và học. Người học theo hình thức GDTX chủ yếu là tự học qua học liệu như giáo trình, băng hình, băng đĩa, phần mềm vi tính, các phương tiện nghe nhìn cá nhân, phát thanh, truyền hình, các tổ hợp truyền thông đa phương tiện, mạng Internet dưới sự tổ chức, trợ giúp của nhà trường. GDTX lấy tự học là chính, đòi hỏi người học phải tự giác, kiên trì và quyết tâm cao để hoàn thành chương trình học tập của mình.

Mục tiêu của đào tạo từ xa là “đưa giáo dục đến với mọi người, thay vì mỗi người tự tìm đến giáo dục” (Jones, G.R.,1996). Giáo dục từ xa góp phần thực hiện bình đẳng trong giáo dục; tạo cơ hội cho nhiều người được học, học suốt đời. GDTX có thể vươn tới những nơi mà giáo dục truyền thống chưa vươn tới được do điều kiện địa lý, đối tượng học tập, cách thức phục vụ... Học viên ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa đều có thể theo học đại học qua các phương tiện truyền tải thông tin. Thế mạnh này có ý nghĩa rất lớn trong việc thực hiện chính sách dân tộc, công bằng xã hội về cơ hội học tập và tạo ra sự phát triển đồng đều giữa các vùng miền khác nhau của đất nước.

Theo phương thức đào tạo này, học viên không nhất thiết phải đến trường nên không phải chi phí cho việc ăn ở, đi lại; tận dụng được nhiều kênh thông tin để tiếp thu kiến thức. Nhà trường giảm bớt được phần chi phí xây dựng cơ sở vật chất, giảm được đội ngũ cán bộ, nhân viên và cán bộ giảng dạy mà vẫn phục vụ được số đông người học, do đó chi phí đào tạo giảm được đáng kể cho cả người học và nhà trường.

GDTX góp phần quan trọng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa quy mô và chất lượng trong GD&ĐT, bổ trợ hữu hiệu cho giáo dục truyền thống. Học liệu sử dụng cho các chương trình giáo dục từ xa, đặc biệt là các chương trình có tính cập nhật trên mạng vi tính, có tác dụng tham khảo, tự học, cập nhật tri thức và mở mang kiến thức cho các học viên đang học theo các chương trình truyền thống.

GDTX là một tư duy mới của thời đại, mở ra một tầm cao mới có vai trò như một công cụ tạo dựng xã hội học tập hiện đại.

II. Vài nét về tình hình phát triển Giáo dục từ xa của tỉnh Quảng Ngãi:

1. Nhu cầu:

Tỉnh Quảng Ngãi hiện có trên 1,3 triệu dân, hàng năm có trên 20.000 học sinh thi vào các trường đại học, cao đẳng, trong số đó có trên 50% học sinh không có điều kiện để theo học hệ chính quy. Bên cạnh đó còn có trên 60 cán bộ, giáo viên các cấp cần được chuẩn hóa, trên 3.000 cán bộ, giáo viên bậc tiểu học, trung học cơ sở có nhu cầu học tập để nâng cao trình độ. Ngoài ra, còn có hàng nghìn cán bộ công nhân viên thuộc các ngành, nghề khác và đông đảo các tầng lớp nhân dân cũng có nhu cầu được học tập song hệ thống trường đại học, cao đẳng đóng trên địa bàn tỉnh không đáp ứng được yêu cầu học tập đa dạng của mọi đối tượng, mặt khác, điều kiện để theo học các lớp tập trung còn gặp rất nhiều khó khăn. Do đó, thực tế nhu cầu được học tập theo phương thức giáo dục từ xa của tỉnh là rất lớn[4].

2. Tình hình phát triển:

Được sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quảng Ngãi là một trong những địa phương sớm triển khai phương thức đào tạo từ xa thông qua sự cộng tác, phối hợp với các trung tâm có chức năng đào tạo từ xa trong toàn quốc theo hình thức: Trung tâm đào tạo từ xa thuộc các viện, trường đại học chịu trách nhiệm về nội dung, chương trình, chất lượng và tiến độ đào tạo theo khung chương trình đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt; tổ chức đào tạo và quản lý học viên theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cử giảng viên hướng dẫn môn học, cung cấp lịch học, lịch thi và học liệu cho học viên theo kế hoạch; tổ chức kiểm tra, đánh giá, tổ chức thi và cấp bằng tốt nghiệp cho học viên. Các đơn vị, trường học được đặt trạm đào tạo từ xa chịu trách nhiệm đảm bảo các thủ tục pháp lý liên quan đến việc mở các lớp học hệ từ xa; đảm bảo cơ sở vật chất, nhân sự phục vụ công tác quản lý học viên tại đơn vị, phối hợp tổ chức coi thi và triển khai tác nghiệp các hoạt động đào tạo như tuyển sinh, tổ chức học, thi, khai giảng, phát bằng tốt nghiệp...

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 3 đơn vị liên kết đào tạo từ xa hệ đại học, đó là Trung tâm Đào tạo từ xa thuộc Đại học Huế, Viện Đại học Mở Hà Nội và Trung tâm Đào tạo thường xuyên - Đại học Đà Nẵng.

Trung tâm Đào tạo từ xa thuộc Đại học Huế là đơn vị có “thâm niên” cao nhất trong việc đào tạo từ xa tại tỉnh Quảng Ngãi. Từ năm 1992 đến nay, Trung tâm Đào tạo từ xa thuộc Đại học Huế đã liên kết với Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi mở nhiều khóa đào tạo từ xa và đã có gần 5.000 học viên theo học các ngành sư phạm Ngữ văn, Lịch sử, Giáo dục chính trị, Địa lý, Tiếng Anh, Toán học, Vật lý, Hoá học, Sinh học, Giáo dục tiểu học, Sư phạm mẫu giáo và ngành Luật học.

Viện Đại học Mở Hà Nội liên kết với Trường Cao đẳng Tài chính - Kế toán III mở các lớp đào tạo từ xa hệ đại học các ngành Quản trị kinh doanh, Kế toán, Luật kinh tế từ năm 1995 đến nay có gần 1.000 học viên đã và đang theo học.

Trung tâm Đào tạo Thường xuyên - Đại học Đà Nẵng liên kết với Trường Cao đẳng Cộng đồng Quảng Ngãi, nay là Trường Đại học Phạm Văn Đồng mở các lớp đào tạo từ xa hệ đại học các ngành Quản trị - Kinh doanh, Xây dựng cầu đường, Kinh tế phát triển, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng từ năm 2001, đến nay có hơn 1500 học viên đã và đang theo học.

Điều đã khẳng định là mô hình giáo dục không chính quy, trong đó có giáo dục từ xa đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực cho địa phương.

Trong quá trình học tập, đa số học viên đã xác định được tinh thần, thái độ và động cơ học tập nên đã đạt được những kết quả khá cao. Nhiều học viên đã chủ động xây dựng kế hoạch học tập, biết tự nghiên cứu, khai thác tư liệu để hoàn thành kiến thức theo yêu cầu quy định của chương trình. Không ít học viên sau khi tốt nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu chuyên môn trong lĩnh vực công tác.

Đối với các trung tâm đào tạo từ xa, việc tổ chức đào tạo các ngành, nghề như hiện nay là phù hợp với nhu cầu của địa phương và điều kiện của người học. Công tác quản lý đào tạo tương đối chặt chẽ, việc cung cấp các loại học liệu và phương

tiện sử dụng trong từng khoá đào tạo tương đối đầy đủ, việc tổ chức ôn tập và giải đáp những vấn đề mà học viên quan tâm tương đối kịp thời; đề thi hết học phần, thi tốt nghiệp được ra theo hệ thống đề mở, cho phép học viên có thể sử dụng tài liệu tham khảo; tổ chức thi tập trung theo đúng quy trình quy định.

Hàng năm, các Trung tâm Đào tạo từ xa có tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh chương trình, lịch trình đào tạo của tất cả các ngành; từng bước biên soạn chương trình theo hướng tương xứng với chương trình mới của hệ chính quy, điều chỉnh cơ cấu các môn thi tốt nghiệp của một số ngành Sư phạm theo hướng tăng cường kiến thức và phương pháp giảng dạy, mở thêm các ngành đào tạo mới và mở rộng địa bàn đào tạo trong cả nước.

Tuy vậy, vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục, đó là theo phương thức đào tạo từ xa thì học viên phải tự nghiên cứu tài liệu trước ở nhà, còn các đợt tập trung chỉ để hướng dẫn thêm và giải đáp thắc mắc của học viên; song trong thực tế có không ít học viên chưa xác định đúng động cơ học tập, chưa nhận thức đầy đủ phương pháp học nên thụ động trong việc nghiên cứu, tìm hiểu tư liệu, giáo trình trước các đợt tập trung củng cố kiến thức và giải đáp thắc mắc. Thậm chí, có một số học viên đến cận ngày tập trung mới nhận giáo trình nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp thu bài khi giáo viên hướng dẫn, hoặc không biết gì để hỏi vì chưa tự học trước ngày tập trung. Do đó, trong một vài ngày ôn tập, học viên thu nhận kiến thức không được bao nhiêu. Số học viên đến dự ôn tập, giải đáp thắc mắc thường cũng không vượt trên mức 60%, số học viên bỏ học hàng năm tương đối nhiều.

Một thực trạng nữa là hiện nay vẫn còn không ít học viên chưa có hoặc chưa biết sử dụng máy vi tính, mạng Internet, đây là một thực tế vô cùng khó khăn trong quá trình học tập.

Đối với các Trung tâm đào tạo từ xa, thì hình thức đào tạo vẫn chưa thực sự phong phú, nhất là về công nghệ đào tạo - một trong những yếu tố quan trọng nhất đối với loại hình này. Cho đến nay, về cơ bản, học liệu của giáo dục từ xa vẫn chủ yếu là tài liệu in kết hợp sử dụng các kênh băng tiếng, băng hình còn việc đào tạo

thông qua phát thanh, truyền hình, phần mềm vi tính và đào tạo trực tuyến qua mạng Internet thì vẫn còn hạn chế.

Theo đánh giá của Bộ Giáo dục và Đào tạo thì hiện nay đang có tình trạng một số trường chạy theo số lượng, chạy theo thành tích, phát triển qui mô quá nhanh so với khả năng đảm bảo chất lượng đào tạo, so với các điều kiện về đội ngũ giảng viên và trợ giảng, phương tiện, thiết bị, học liệu. Việc tổ chức, quản lí, thi, kiểm tra, đánh giá phổ biến vẫn là hình thức tự luận và tổ chức tại địa phương nên chưa bảo đảm tính nghiêm túc, khách quan, chưa có sự sàng lọc mạnh trong quá trình đào tạo, hiện tượng học tập, thi cử đối phó, quay cóp còn khá phổ biến nhưng tỷ lệ tốt của nhiều khoá lại quá cao (thường đạt khoảng từ 70 đến 80%)[4].

Từ thực tiễn dạy học và thi cử còn nhiều bất cập dẫn đến tình trạng nhiều người còn hoài nghi về chất lượng GDTX, cho rằng GDTX chưa sánh được với giáo dục chính quy, chưa thể cấp cùng văn bằng, chứng chỉ với giáo dục chính quy được vì những lý do như chất lượng đầu vào, điều kiện học tập, quy trình kiểm tra, đánh giá. Song theo quy định, chương trình GDTX cấp văn bằng có khối lượng, nội dung và cấu trúc kiến thức tương đương với chương trình chính quy cùng ngành học, cấp học. Văn bằng, chứng chỉ (VBCC) của hình thức giáo dục từ xa do các cơ sở giáo dục có thẩm quyền cấp là VBCC thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, được Nhà nước đảm bảo về tính pháp lý và giá trị sử dụng như VBCC của các loại hình giáo dục khác[3].

Tuy còn một số nhược điểm song những gì đã đạt được trong công tác giáo dục từ xa thời gian qua đã giúp cho ngành giáo dục và đào tạo nói chung, ngành GD&ĐT Quảng Ngãi nói riêng có được những kinh nghiệm bước đầu trong quá trình chỉ đạo, tổ chức và tiến hành giáo dục từ xa. Thực tiễn cho thấy nếu có sự đầu tư đúng mức từ nhiều phương diện, sự nhận thức đúng đắn từ phía người học, người dạy, sự đổi mới về nội dung, chương trình, phương pháp giảng dạy và điều hành thì hiệu quả của giáo dục từ xa sẽ không thua kém so với giáo dục chính quy.

III. Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo Giáo dục từ xa:

1. Nâng cao nhận thức và hình thành kỹ năng tự học cho học viên:

Giáo dục từ xa thực chất là một quá trình hướng dẫn học viên tự học, tự nghiên cứu để hoàn thiện vốn tri thức theo yêu cầu của một khung chương trình nhất định. Do đó, kết quả học tập của học viên từ xa không chỉ do thầy giỏi, tài liệu học tập tốt, các phương tiện dạy học tốt mà còn phụ thuộc rất lớn vào tinh thần và khả năng tự học, tự nghiên cứu của học viên. Vì vậy, cần làm cho học viên nhận thức rõ ý nghĩa, vai trò của tự học, hình thành động cơ học tập đúng đắn, tạo ra tính tự giác, tích cực, ý chí quyết tâm vượt khó trong quá trình học tập.

Phương pháp và kỹ năng tự học là một trong những nhân tố quan trọng đem lại hiệu quả cho quá trình học tập, do đó trong đầu mỗi khóa học cần hình thành cho học viên những kỹ năng tự học. Kỹ năng tự học bao gồm việc xác định mục tiêu, nội dung và trình tự công việc cần làm; biết cách phân phối, sắp xếp thời gian cho từng công việc một cách hợp lý, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của bản thân; biết cách đọc, nghiên cứu, sưu tầm tài liệu, biết cách ghi chép, hệ thống hoá, khái quát hoá, biết tự đánh giá kết quả tự học và biết khai thác các phương tiện hiện có để tự học có hiệu quả.

Học từ xa bắt buộc người học phải hoạt động độc lập và nghiên cứu nhiều tài liệu, ý thức học tập phụ thuộc hoàn toàn vào tính tự giác, người học không chịu sự quản lý trực tiếp hay bị ép vào khuôn khổ theo cách thông thường. Do đó, việc hướng dẫn phương pháp, hình thành kỹ năng học tập cho học viên là điều vô cùng cần thiết.

2. Tăng cường các phương tiện, thiết bị phục vụ công nghệ đào tạo từ xa:

Tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống học liệu đa dạng, phong phú, có chất lượng, mở rộng mô hình đào tạo qua mạng. Trước mắt tập trung đầu tư cho các trung tâm dữ liệu, thiết lập các Website liên quan, biên soạn giáo trình điện tử, phần mềm dạy học trực tuyến, phần mềm kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập theo hình thức trắc nghiệm. Trong quá trình đào tạo cần trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản

về vi tính và hướng dẫn cách khai thác các nguồn tài nguyên tư liệu trên mạng Internet để học viên nghiên cứu, học tập.

Xây dựng và mở rộng tính năng của thư viện điện tử. Faulhabbel (1996) đã khẳng định: “Đào tạo từ xa không thể thực hiện được nếu không có thư viện sách”. Thư viện sách là hình thức số hoá của thư viện truyền thống bao gồm cả tài liệu số hoá và tài liệu truyền thống cũng như tài liệu ở dạng truyền thống đa phương tiện. Vì thế kho tài liệu của thư viện sách bao gồm tất cả các loại tài liệu điện tử và các loại ấn phẩm. Các tài liệu số hoá của thư viện sách tồn tại ngoài những giới hạn về vật lý và quản lý của một thư viện truyền thống. Thư viện sách bao gồm cả quá trình thu thập thông tin và cung cấp dịch vụ, vốn là xương sống và hệ thống thần kinh của các thư viện. [4]

Với tính năng vượt trội so với thư viện truyền thống, thư viện sách cho phép trong cùng một thời điểm có thể có nhiều người cùng truy cập một tài liệu từ bất cứ nơi đâu. Do đó, học viên có thể tìm những tài liệu phù hợp cho khoá học của mình một cách nhanh chóng, thuận lợi, hiệu quả mà không phải tốn nhiều thời gian và công sức để vào các thư viện truyền thống như trước đây.

Thư viện sách phục vụ như những công cụ thông minh để cung cấp phương thức xây dựng kiến thức, hỗ trợ quá trình học tập, nghiên cứu và chuyển giao những sản phẩm tri thức vượt qua sự giới hạn của không gian và thời gian không chỉ cho học viên hệ ĐTTX mà còn cho cả cộng đồng người dùng thư viện nói chung.

3. Xây dựng một chương trình đào tạo chuẩn:

Để đảm bảo các học phần bắt buộc có nội dung, khối lượng và cấu trúc kiến thức giống như các học phần, tín chỉ bắt buộc của hệ chính quy, cần xây dựng một chương trình đào tạo chuẩn trên cơ sở chương trình khung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để các trung tâm đào tạo từ xa có cùng loại hình đào tạo thống nhất thực hiện. Đối với mỗi học phần của từng chuyên ngành đào tạo, phải xây dựng cho được một giáo trình có nội dung hiện đại, những tài liệu tham khảo bắt buộc kèm theo, có bài giảng mẫu của những giáo viên tốt nhất, có các câu hỏi kiểm tra kiến

thức cơ bản và đáp án, tạo điều kiện tối đa để người học được thực hành và đối thoại với giảng viên.

Mở rộng hơn nữa các học phần tự chọn, tạo điều kiện thuận lợi cho học viên nghiên cứu, tự học và phát huy sở trường của mình trong lĩnh vực chuyên môn.

4. Đổi mới cách thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên:

Trong điều kiện hiện nay, với sự phát triển vượt bậc của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, cho phép chúng ta có thể dễ dàng đổi mới cách thức ra đề kiểm tra, hình thức kiểm tra, đánh giá đối với học viên theo hướng tổ chức thi theo hình trắc nghiệm đối với một số môn khoa học mà giáo dục chính quy đã thực hiện, thiết kế những phần mềm kiểm tra theo hình thức trực tuyến tập trung nhằm tăng cường tính chính xác, khách quan của việc đánh giá kết quả tự học của học viên. Đối với các môn chưa áp dụng được hình thức ra đề trắc nghiệm thì ra đề theo hướng mở với nhiều chủ đề và yêu cầu học viên chọn đề tài để nghiên cứu và hoàn thiện theo hình thức bài thu hoạch, bài tiểu luận, khóa luận hoặc niên luận gửi trực tiếp về trung tâm đào tạo để trung tâm đào tạo chọn, phân người chấm, lên điểm theo quy định. Cần hạn chế việc ra đề tự luận theo kiểu truyền thống để tránh hiện tượng học thuộc lòng mà không hiểu nội dung bài học, sao chép, gian lận trong thi cử. Với cách kiểm tra này chắc chắn học viên phải nỗ lực trong việc tự nghiên cứu, tự học, đáp ứng được yêu cầu và mục tiêu của giáo dục từ xa.

5. Xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế, chính sách, tăng cường đội ngũ và cải tiến công tác quản lý:

Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, ban hành hệ thống văn bản quy định chặt chẽ hơn quy trình đào tạo, kiểm tra, đánh giá đối với giáo dục từ xa.

Xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện học tập của học viên và thu hút đội ngũ cán bộ, giáo viên, giảng viên giỏi, các nhà khoa học, các chuyên gia có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao để nghiên cứu, xây dựng biên soạn chương

trình, giáo trình, tài liệu, phục vụ cho công tác đào tạo, đặc biệt là giáo trình, tài liệu dành cho tự học nhằm đảm bảo cho sự phát triển của hệ thống giáo dục từ xa.

Đối với công tác quản lý cần đi sâu vào thực chất, phải tổ chức kiểm tra thường xuyên và định kỳ để nắm bắt thông tin hai chiều, liên tục giữa cơ quan quản lý và học viên nhằm kịp thời khắc phục những hạn chế và bổ sung, cập nhật những tri thức và phương pháp hiện đại đáp ứng yêu cầu học tập ngày càng cao của học viên.

IV. Kết luận:

Nước ta đã và đang chịu sự tác động mạnh mẽ của quá trình toàn cầu hoá, nhu cầu học tập của nhân dân là rất lớn. Thực tế đó đòi hỏi ngành giáo dục phải không ngừng mở rộng các loại hình đào tạo, trong đó đào tạo từ xa được xem như là một loại hình có nhiều ưu điểm nhất. Nhiều học giả trên thế giới đã nhận định rằng nếu như thời kỳ phong kiến do quyền lực và đất đai ngự trị, thời đại công nghiệp bị vật chất và tư bản chi phối, thì thế kỷ XXI sự quyết định tối cao thuộc về kinh tế tri thức. Nền kinh tế đó, lấy giáo dục – đào tạo làm đòn bẩy, trong đó GDTX phải được ưu tiên hàng đầu, vì nó tạo ra được những đột phá mới nhờ có tiến bộ của công nghệ thông tin hiện đại. Hơn nữa, giáo dục thế kỷ XXI phải đến với mọi người, mọi nhà, để mọi người dân được vươn lên trong cuộc sống, lao động và sáng tạo. [4]

Loại hình giáo dục này sẽ tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội học tập cho nhiều đối tượng, đặc biệt là đối với những người đang làm việc, họ vừa công tác, vừa có thể tham gia học tập để nâng cao trình độ. Đối với những học sinh vừa tốt nghiệp trung học phổ thông, không có điều kiện theo học các lớp chính quy tại trường hoặc các sinh viên muốn tham gia học tập một lúc nhiều trường đại học thì vẫn đảm bảo tiếp thu kiến thức như các lớp chính quy. Xét trên góc độ xã hội thì đây là một phương pháp giúp mọi người, mọi đối tượng xã hội có thể tham gia học tập, học tập thường xuyên và học tập suốt đời.

Trong điều kiện hiện nay của nước ta, việc phát triển hình thức đào tạo này có thể coi là một trong những biện pháp để thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 2 về giáo dục và đào tạo đồng thời thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo về

việc đa dạng hoá, xã hội hoá giáo dục đem lại hiệu quả to lớn cả về kinh tế và xã hội.

Trong tương lai, hình thức đào tạo này cần được phát triển mạnh mẽ, vì nó là tiền đề cho việc phát triển một xã hội học tập, đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế tri thức - một xu thế phát triển của kinh tế thế giới trong thế kỷ 21.

Tài liệu tham khảo

1. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX. NXB Chính trị quốc gia, H 2001.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chiến lược phát triển GD 2001 – 2010. NXB Giáo dục, H 2002.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Quy chế về tổ chức đào tạo, thi kiểm tra, cấp chứng chỉ, văn bằng tốt nghiệp theo hình thức giáo dục từ xa. Ban hành kèm theo Quyết định số 40/2003/QĐ BDG&ĐT ngày 08/8/2003 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.
4. Tư liệu của Trung tâm Đào tạo từ xa Sở GD&ĐT Quảng Ngãi; Trung tâm Đào tạo từ xa Trường đại học Phạm Văn Đồng, Quảng Ngãi; Trung tâm đào tạo từ xa Trường Cao đẳng Tài chính - Kế toán III, Quảng Ngãi và một số thông tin truy cập từ mạng Internet, từ các Tạp chí Giáo dục số 82/4/2004, 99/10/2004, 104/12/2004.

NHỮNG THÁCH THỨC VỀ CÔNG NGHỆ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN

*ThS. Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang
Viện Nghiên cứu Giáo dục*

Tóm tắt: Tác giả bài viết đồng quan điểm cho rằng dạy học trực tuyến sẽ đóng vai trò là một hình thức chuyển tải hiện đại trong giáo dục đại học, và việc trực tuyến hoá các tài nguyên học tập và phương pháp giảng dạy là các chiến lược sẽ đóng vai trò quan trọng góp phần để kéo giảm áp lực đại chúng hoá giáo dục đại học. Bài viết phân tích các thách thức mà giáo dục đại học đang và sẽ phải đối mặt trong vấn đề đầu tư đúng đắn cho công nghệ để phục vụ cho mục tiêu và chiến lược phát triển giáo dục đại học.

Internet và Word Wide Web đã tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Trong tương lai, dạy học trực tuyến sẽ đóng vai trò là một hình thức chuyển tải hiện đại trong giáo dục đại học, đây là một xu hướng không thể đảo ngược. Trong tình thế đó, giáo dục đại học đang phải đối mặt với nhiều thách thức về công nghệ.

1. Vấn đề đầu tư cho công nghệ để xây dựng hệ thống thông tin trong giáo dục đại học:

Các trường đại học cần quan tâm đầy đủ đến vấn đề thiết lập một hệ thống thông tin thích ứng với chất lượng thông tin tốt và có thể sử dụng được. Một cơ sở giáo dục đại học không thể đứng bên lề nguồn cung cấp thông tin do Internet mang lại. Để giải quyết vấn đề này thì cần phải đầu tư vào các sản phẩm của công nghệ thông tin. Cần phải rộng tay chi tiêu để mua sắm đủ số lượng và đúng chất lượng những thứ cần dùng, nhưng phải biết sử dụng chúng một cách chuyên nghiệp. Trong thực tế, cũng có nhiều trường hợp người ta dễ dàng thay đổi các thiết bị sau một thời gian ngắn sử dụng hoặc là ném tiền vào các sản phẩm được mua sắm một cách sai lầm.

Nhìn chung, các trường đại học ở các quốc gia giàu có trang bị rất tốt cho giáo viên và sinh viên cả về phần cứng lẫn phần mềm. Hầu hết các nhân viên làm việc trong lĩnh vực học thuật ở Hoa Kỳ được trang bị máy tính ở nơi làm việc. Tương tự, các học giả ở Anh Quốc có tài khoản cá nhân trực tiếp để sử dụng thiết bị phần cứng và các chương trình phần mềm (OECD 2001). Kết quả này có thể có được từ mối quan hệ hợp tác tốt giữa trường đại học và giới công nghiệp.

Việc cấp tài khoản để giáo viên và sinh viên có thể tìm được sách điện tử và tài liệu, tạp chí chuyên ngành trên mạng giúp tiết kiệm tiền bạc hơn là mua sách về xếp đầy các giá sách của thư viện, nhưng chúng sẽ có ít hiệu quả hơn nếu họ không được tập huấn rõ về cách thức sử dụng. Sử dụng tiền bạc một cách khôn ngoan để đầu tư phát triển hiệu quả về công nghệ không phải là việc dễ dàng.

2. Vấn đề đầu tư cho công nghệ và định hướng sự phát triển giáo dục đại học:

Việc thay đổi một cách căn bản cách thức quản lý tri thức đang tạo ra một thách thức khác. Quản lý tri thức không chỉ đề cập đến việc thiết lập một hệ thống thông tin và chuyển giao thông tin, mà là vấn đề thông tin đã được tinh luyện thành kiến thức như thế nào và kiến thức đó được sử dụng như thế nào để có hiệu quả tốt. Kiến thức thì phải cô đọng và khái quát hơn là thông tin. Chẳng hạn như thông tin đã giúp đưa đến một phán đoán có giá trị, hay là thông tin đã mang lại một lợi ích thực tế nào đó, hoặc một cách ứng dụng cụ thể của thông tin, tất cả bao hàm trong vấn đề đang được nói đến. Và, vấn đề này có thể gây nhiều tranh cãi. Nó có mối liên quan với các câu hỏi như: kiến thức là gì? kiến thức được phát triển theo cách thức như thế nào? trong tương lai kiến thức nên được phát triển theo cách thức như thế nào?

Quản lý tri thức đang chiếm vị trí là vấn đề trọng tâm trong hầu hết các ngành học thuật và là vấn đề rất lớn đang tồn tại ở nhiều quốc gia. Mặc dù vấn đề quản lý kiến thức đã có sự phát triển trong các nghiên cứu về kinh doanh, nó vẫn là một nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học và sẽ luôn luôn là vậy. Sử dụng hệ thống thông tin chỉ là một vấn đề thuộc về quản lý tri thức mặc dù tầm quan trọng về mặt học thuật của vấn đề này không ngừng gia tăng.

Chúng ta biết rằng kiến thức đã có thể được định hình và được vận dụng mà *không cần* sử dụng công nghệ thông tin. Các trường đại học đã quản lý tri thức hàng trăm năm mà không dùng công nghệ thông tin. Thế nhưng, trong thập kỷ vừa qua, công nghệ thông tin đã chứng tỏ ưu thế vượt trội của mình như là một công cụ hữu hiệu để quản lý tri thức. Vì thế, thách thức công nghệ chủ yếu đối với giáo dục đại học là phải tập trung vào công nghệ mà không xao lãng tri thức, không xao lãng việc tạo thành kiến thức, việc chọn lọc và ứng dụng kiến thức (S. Bach 2006). Công nghệ thông tin phải được sử dụng theo hướng tăng thêm tiện ích phục vụ cho tiến trình này hơn là làm suy giảm hay gây ra cản ngại. Việc tìm kiếm tri thức phải được đặt ra trước tiên, trước vấn đề về công nghệ.

S. Brown và P. Duguid (2000) cho rằng vai trò trọng tâm của giáo dục đại học trong thời đại thông tin là phê duyệt kiến thức. Trong khi Internet đã làm tốt việc sắp xếp và chia sẻ thông tin, giáo dục đại học cũng không bị tước mất đi vai trò định nghĩa và phân loại về mức độ quan trọng của các sản phẩm thuộc về kiến thức. Hơn nữa, có thể nói vai trò của giáo dục đại học trong việc quản lý tri thức sẽ trở nên khó khăn phức tạp hơn, đây là thách thức rất quan trọng với tính chất là vấn đề tiên phong, dẫn đường cho sự phát triển giáo dục đại học.

3. Vấn đề phát triển kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giảng viên và sinh viên:

Thách thức tiếp theo là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của giảng viên và sinh viên. Sinh viên cần có kỹ năng sử dụng Internet để truy cập vào các web site tốt, tìm kiếm các thông tin có giá trị, và phát triển kỹ năng quản lý tri thức. Theo M. Pettigrew và D. Elliott (1999) thì có một số nguyên tắc cần lưu ý trong việc huấn luyện kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cho sinh viên, đó là: linh hoạt, sử dụng thường xuyên và tự tin, tài liệu học tập đa dạng và cập nhật.

Linh hoạt là khả năng xoay sở để thích nghi với sự khác biệt về phần cứng hay các phiên bản phần mềm được trang bị khác nhau giữa học đường và nơi làm việc. Sinh viên phải được chuẩn bị để có thể thích ứng nhanh với việc nâng cấp các thiết bị. Việc sử dụng thường xuyên là rất quan trọng bởi vì kỹ năng chỉ có thể hình thành

và thuận thực khi được sử dụng thường xuyên. Sinh viên cần được hỗ trợ bởi các phương pháp huấn luyện và tài liệu học tập đa dạng để giúp họ học tập hiệu quả. Sách, các loại sổ tay hướng dẫn, làm mẫu và hướng dẫn, trợ giúp kỹ thuật trực tiếp hoặc trực tuyến, hướng dẫn gián tiếp qua băng hình, tất cả đều có ích để giúp sinh viên lựa chọn phương pháp học tập tốt nhất đáp ứng nhu cầu học tập của họ. Điều này rất quan trọng để giúp sinh viên đạt được bằng cấp đại học bất chấp kỹ năng công nghệ thông tin của họ đã được trang bị ở mức độ nào từ các cấp học phổ thông.

Các giảng viên cũng cần được huấn luyện về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin. Một bộ phận lớn giảng viên đã không được học về các kỹ năng này từ các trường lớp chính thức mà chỉ tự học là chính. Xu hướng tin học hoá trong giáo dục cũng làm gia tăng thêm áp lực nghề nghiệp và khối lượng công việc cho nhóm giáo viên này hơn là giúp tiết kiệm sức lao động của họ. Các cơ sở giáo dục đại học cần có các chiến lược để trợ giúp đội ngũ giảng viên và nhân viên về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin mà họ còn thiếu hụt. Hạn chế về kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của đội ngũ giảng viên và nhân viên cũng như thiếu sự hỗ trợ của giới chuyên môn về công nghệ thông tin sẽ là một lý do làm thất bại các chiến lược thúc đẩy việc trực tuyến hoá các tài nguyên học tập và phương pháp giảng dạy – trong khi các chiến lược này được đánh giá là hữu ích để kéo giảm áp lực đại chúng hoá giáo dục đại học.

Tài liệu tham khảo

1. Bach, Shirley. *Online Learning and Teaching in Higher Education*.
2. Buckingham, , GBR: Open University Press, 2006.
3. Brown, J.S. and Duguid, P. (2000) *The Social Life of Information*. Boston, MA: Harvard Business School Press.
4. OECD (Organisation for Economic Co-operation and Development) (2001) *The Hidden Threat to E-government: Avoiding Large Government IT Failures*. PUMA Policy Brief No 8. Paris: OECD.
5. Pettigrew, M. and Elliott, D. (1999) *Student IT skills*. Aldershot: Gower.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN TRONG NHÀ TRƯỜNG

*ThS. Trương Tinh Hà
Khoa Vật lý – Trường Đại học Sư Phạm TP.HCM*

1. Mở đầu

Với sự phát triển về nhiều mặt của thế giới và xã hội như: chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục, cơ sở hạ tầng, mạng lưới viễn thông - Internet, các giải pháp eLearning, nhu cầu được học tập mọi nơi, mọi lúc của nhiều thành phần: học sinh, sinh viên, người đã đi làm... yêu cầu phát triển các hệ thống đào tạo và học tập trực tuyến đã trở thành một **nhu cầu tất yếu của xã hội**.

Với việc Việt Nam gia nhập WTO và hội nhập vào nền kinh tế thế giới ngày càng sâu rộng, giáo dục Việt Nam đang đứng trước thách thức đào tạo những công dân tương lai có đầy đủ năng lực, trí tuệ, khả năng tự học, khả năng tự nâng cấp mình trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt... Đi cùng nhiều giải pháp, **đào tạo trực tuyến (ĐTTT)** sẽ là **một trong nhiều giải pháp** mà nền giáo dục Việt Nam hướng tới và triển khai.

Bộ GD-ĐT Việt Nam cũng đã thể hiện nhiều động thái khuyến khích việc sử dụng CNTT trong giảng dạy, đưa các kiến thức về eLearning tới những cán bộ quản lý, nhà giáo, những người quan tâm đến giáo dục, HS-SV (chủ đề năm học 2008-2009, chỉ thị số 47/2008/CT-BGDĐT, chỉ thị số 55/2008/CT-BGDĐT, hướng dẫn 9772/BGDĐT-CNTT...)

Thông qua bài tham luận tại Hội thảo này, chúng tôi mong muốn góp một góc nhìn cho các trường phổ thông, cao đẳng, đại học, các nhà lãnh đạo cơ sở giáo dục đang muốn tìm hiểu hoặc triển khai các giải pháp đào tạo trực tuyến cho nhà trường của mình. **Đây là một số câu hỏi mà một dự án triển khai ĐTTT nào cũng phải đặt ra, bất chấp quy mô của dự án và việc trả lời hết hoặc không hết các câu hỏi này**

cùng mức độ của câu trả lời sẽ thể hiện được mức độ mong muốn thực hiện ĐTTT trong nhà trường.

2. Xây dựng Chiến lược phát triển Đào tạo trực tuyến trong nhà trường:

Để thuận tiện cho quá trình theo dõi và sắp xếp các ý tưởng thực hiện một dự án phát triển ĐTTT trong nhà trường, chúng tôi sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi 5WIH. Việc trả lời các câu hỏi được đặt ra không nhất thiết phải đi theo một chu trình tuần tự, mà có thể được thực hiện theo chu trình xen kẽ.

2.1. Cái gì? (What)

- ĐTTT là gì?

Việc giảng dạy trên môi trường học tập mà người dạy và người học có sự cách biệt về thời gian hay không gian, hoặc cả hai, và người dạy cung cấp nội dung khóa học thông qua các ứng dụng quản lý học tập (LMS, LCMS), các nguồn tài nguyên multimedia, mạng Internet, hội thảo trực tuyến, ...Người học nhận nội dung khóa học và tương tác với người dạy qua cùng các phương tiện kỹ thuật trên. (Kurbel, Karl - 2001)

- **Nên lựa chọn mức độ phát triển ĐTTT nào?** Câu trả lời cho câu hỏi này tùy thuộc vào định hướng và chiến lược phát triển của nhà trường, sự quen thuộc với các phương tiện ICT (information and communication technology) và văn hóa mạng của thành viên trong tổ chức... Ví dụ: Nhiều trường có đa số thành viên chưa quen sử dụng với email, chat, công cụ tạo bài giảng, diễn đàn, nhiều trường học khác thì đã hình thành xong văn hóa sử dụng mạng trong giao tiếp, nhiều trường thì việc triển khai ĐTTT là giải pháp bắt buộc, ...

- **Nhà quản lý, nhà giáo, học sinh được lợi gì khi triển khai ĐTTT?**

- **Các giải pháp kỹ thuật ICT nào sẽ được sử dụng?** Bao gồm: công cụ tạo bài giảng, website, diễn đàn, hệ thống quản lý học tập, môi trường học tập ảo...

2.2. Vì sao? (Why)

- **Vì sao phải triển khai và ứng dụng ĐTTT trong nhà trường?**

- *Các mục đích giáo dục, đào tạo có đạt được khi triển khai ĐTTT?*
- *Việc triển khai có phù hợp với chủ trương, xu hướng của ngành GD?*

Những người điều hành và tham gia dự án phát triển ĐTTT cần hiểu rõ các mục đích về giáo dục, đào tạo mà dự án có thể đạt được và các mục đích mà ĐTTT sẽ không thể đáp ứng. Bên cạnh đó, dự án cũng cần phù hợp với các chủ trương của ngành (ví dụ: hiện nay Bộ GD-ĐT chủ trương đẩy mạnh việc sử dụng các phần mềm nguồn mở nhằm hạn chế chi phí phải bỏ ra, khuyến khích các trường sử dụng hệ thống Moodle để quản lý các khóa học, sử dụng các bài giảng đúng chuẩn SCORM).

- ***Vì sao các giải pháp eLearning này được lựa chọn?***

Dựa trên các câu trả lời về hiệu quả sẽ mang lại, chi phí bỏ ra cho hệ thống kỹ thuật, đào tạo, nhân công, trình độ sử dụng công cụ ICT của thành viên...

Hiện nay, trên thị trường eLearning có nhiều hệ thống thương mại và miễn phí với những ưu điểm và khuyết điểm khác nhau.

2.3. Ai? (Who)

- ***Những người nào hay bộ phận nào sẽ phụ trách dự án?***

Nhà trường quyết định phát triển hệ thống ĐTTT của mình với những thành phần nào? Bộ phận IT của trường, các giáo viên của trường có am hiểu về eLearning hoặc mời một bộ phận tư vấn và phát triển bên ngoài nhà trường?

- ***Bộ phận nào sẽ phụ trách về mặt nội dung sư phạm cho nhà trường?*** Bao gồm những người sẽ thiết kế nội dung học tập phù hợp với các mục đích đào tạo đã đề ra, các phương pháp sư phạm, các phương pháp đánh giá quá trình học tập, ...

- ***Bộ phận nào sẽ chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật và phát triển các bài học trực tuyến?*** Bao gồm nội dung và các yếu tố khác như: định dạng file, hợp chuẩn eLearning, yếu tố multimedia, tương tác, kiểm tra và đánh giá...

Việc phát triển ĐTTT hoặc sử dụng eLearning trong nhà trường có thành công hay không là do chất lượng nội dung của các khóa học được triển khai trên hệ thống.

“eLearning không là gì cả nếu không có nội dung tốt”. (Amy Smith - 2006)

Chúng ta cần ý thức rõ rằng: *“Giáo viên không phải là Kỹ thuật viên”*, với mỗi vai trò sẽ cần những hiểu biết khác nhau. Do đó, nhà trường cần ý thức xây dựng ít nhất 2 bộ phận cho quá trình phát triển ĐTTT của mình:

+ Bộ phận chuyên về nội dung sư phạm gồm các giáo viên, giảng viên nhiều kinh nghiệm, nắm vững kết cấu chương trình giảng dạy, họ sẽ là người trao đổi với nhau bằng ngôn ngữ của giáo dục.

+ Bộ phận kỹ thuật: bao gồm những người am hiểu về các yêu cầu khi phát triển một hệ thống ĐTTT, các định dạng multimedia, các chuẩn đang được thế giới sử dụng, các kỹ thuật ICT sử dụng để đáp ứng yêu cầu của bộ phận nội dung. Đây là những người sẽ trao đổi với nhau bằng ngôn ngữ IT.

Và đôi khi giữa 2 bộ phận đó cần có một bộ phận trung gian để “phiên dịch” yêu cầu của cả 2 bộ phận trên. Đây sẽ là những người có hiểu biết tối thiểu ở cả 2 lĩnh vực để truyền tải, “phiên dịch” ý muốn của cả 2 bên nhằm đảm bảo chất lượng của nội dung khóa học được như mong muốn.

2.4. Ở đâu? (Where)

- *Những người tham gia dự án sẽ gặp mặt, trao đổi, lên kế hoạch ở đâu?*
- *Cơ sở vật chất của nhà trường có riêng các phòng cho nhân sự của các bộ phận của dự án?*
- *Hệ thống ĐTTT và hạ tầng kỹ thuật sẽ được đặt ở bên trong hay bên ngoài nhà trường, hoặc cả hai?*

Mặc dù, hệ thống ĐTTT sẽ được chạy trên môi trường mạng, chúng ta vẫn cần một không gian để đặt các máy chủ, máy tính phục vụ việc tạo bài giảng, xây dựng ngân hàng kiến thức dùng chung, ngân hàng tài liệu multimedia... Nhiều trường học gặp khó khăn để tìm kiếm thêm các phòng ốc cho dự án ĐTTT, nhưng nếu không có một “địa chỉ” cố định để tập trung, phát triển các khóa học, quản lý và vận hành hệ thống... thì việc triển khai khó lòng đạt hiệu quả cao.

Nếu nhà trường có ý định mời một đơn vị bên ngoài, thì không gian liên lạc, gặp mặt trao đổi, triển khai có thể mở rộng thêm nhờ cơ sở vật chất của bên thực hiện.

2.5. Khi nào? (When)

- **Nhà trường dự định triển khai ĐTTT từ thời điểm nào?** Việc lên kế hoạch về mặt thời gian là hết sức cần thiết để kiểm tra, điều chỉnh trong quá trình phát triển dự án.
- **Kế hoạch triển khai sẽ kéo dài trong bao lâu?** Với một quá trình mất quá nhiều thời gian triển khai, thì khi hệ thống bắt đầu chính thức đi vào hoạt động, hệ thống đó đã không còn phù hợp với xu hướng và kỹ thuật phát triển của tình hình hiện tại.
- **Tại thời điểm nào sẽ có các buổi gặp gỡ để đánh giá lại quá trình?** Đây là thời điểm để những người tham gia và quản lý dự án cùng ngồi lại để đánh giá công tác triển khai, hiệu quả sử dụng và các điều chỉnh cho thời gian tới.
- **Những người trực tiếp sử dụng hệ thống ĐTTT như giáo viên, học sinh, người quản lý sẽ được huấn luyện làm quen với hệ thống lúc nào?** Việc đưa hệ thống vào hoạt động chắc chắn sẽ gây bối rối, khó khăn lúc ban đầu cho những người sử dụng. Do đó, công tác đào tạo, làm quen với hệ thống càng được lên kế hoạch và thực hiện chu đáo thì giai đoạn khó khăn ban đầu sẽ càng được rút ngắn.

2.6. Như thế nào? (How)

- **Kinh phí nhà trường dự định cho việc triển khai dự án và duy trì dự án là bao nhiêu?**
- **Làm cách nào có được số kinh phí đó?**

Bên cạnh vấn đề nhân lực, thì chi phí chắc chắn sẽ là vấn đề mà lãnh đạo nhà trường cần nghiêm túc xem xét.

- *Trong phần kinh phí đó, bao nhiêu phần trăm sẽ được sử dụng cho các khoản khác nhau: đầu tư cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thù lao cho người tham gia, chi phí cho các bộ phận...?*
- *Hiệu quả của việc sử dụng ĐTTT được đánh giá như thế nào?*
- *Các biện pháp nào nhằm giúp người thụ hưởng (người quản lý, giáo viên, học sinh...) làm quen với ĐTTT? Các biện pháp có thể bao gồm mở khóa đào tạo (kỹ thuật viên-quản lý-giáo viên-người học), đưa ra các chính sách khuyến khích hoặc yêu cầu sử dụng, trao đổi với các cá nhân hay tổ chức khác đã sử dụng thành công ĐTTT...*

3. Kết luận

Thông qua các câu hỏi và vấn đề trình bày bên trên, chúng tôi hy vọng cung cấp một cái nhìn tổng quát cho những nhà quản lý đang có nhu cầu tìm hiểu hoặc phát triển một hệ thống đào tạo trực tuyến cho nhà trường của mình.

Việc sử dụng ICT nhằm nâng cao chất lượng dạy và học sẽ tiếp tục là một đề tài được các nhà giáo dục, quản lý, giáo viên, học viên và toàn xã hội quan tâm. Và sử dụng các hệ thống eLearning chính là một trong những biện pháp thực hiện “Học tập suốt đời” mà UNESCO hướng tới.

Tài liệu tham khảo

- *Chỉ thị số 47/2008/CT-BGDĐT* ngày 13/8/2008 về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục chuyên nghiệp năm học 2008 – 2009.
- *Chỉ thị số 55/2008/CT-BGDĐT* ngày 30/9/2008 về tăng cường giảng dạy, đào tạo và ứng dụng CNTT trong ngành giáo dục giai đoạn 2008-2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- *Hướng dẫn số 9772/BGDĐT-CNTT -V/v* Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ CNTT năm học 2008 – 2009.

- A.Smith, *Content is Critical to a Good eLearning Strategy*, 2006, amysmithconsulting.blogs.com
- A.Smith, *eL Strategy Development - First Steps*, 2006, amysmithconsulting.blogs.com
- K.Karl, *Virtuality on the Students' and on the Teachers' sides: A Multimedia and Internet based International Master Program*, *Proceedings on the 7th International Conference on Technology Supported Learning and Training – Online Educa*; Berlin, Germany; November 2001, pp. 133–136.
- Lance Dublin, *Lessons on E-Learning Strategy Development from the Cheshire Cat*, 2004, www.learningcircuits.org
- Roberta L. Westwood, *Developing an e-Learning Strategy for Your Organization*, 2001, www.westwood-dynamics.com
- T.Anderson, F.Elloumi, '*Theory and Practice of Online Learning*', *Athabasca University*, 2004. ISBN: 0-919737-59-5.

DẠY HỌC ONLINE

TRƯỜNG HỌC ẢO TRONG THẾ GIỚI THỰC

TS. Nguyễn Kim Hồng
TRường ĐH Sư phạm Tp.HCM

Cách đây gần 10 năm, lần đầu tiên tham gia Ban Chỉ đạo chương trình công nghệ thông tin của Bộ Giáo dục và Đào tạo, tôi đã được nghe giáo sư cố vấn chương trình – một người Mỹ, thuyết phục một số người trong ban khi họ hồ nghi chương trình khi cho rằng, đất nước ta còn nghèo, chưa thể đưa công nghệ thông tin vào giáo dục – Ông nói : “Tôi vừa tới Hà Nội được hai ngày. Hôm qua, trên đường dạo chơi, tôi thấy trẻ em ở một ngôi trường ở Hà Nội chơi trò mà tôi không biết gọi là gì, nhưng tôi đoán là trò chơi truyền thống ở nước bạn (ông tả, và mọi người nói, đó là trò chơi “ô ăn quan” của những nữ sinh, đó là trò chơi “đánh quay” của nam sinh) và sau đó, khi quay trở về, tôi thấy có những đứa trẻ đang chơi trò chơi “game” trên các máy vi tính ở cửa hàng gần cổng trường học nọ. Tôi đứng nhìn và biết rằng, tôi không thể chơi “game” thành thạo như những đứa trẻ kia được. Tôi thấy, các chương trình “game” mà chúng chơi đều bằng tiếng Anh. Tôi nghĩ, có lẽ, chỉ số ít trong chúng có thể đọc được cách hướng dẫn “game” bằng tiếng Anh, nhưng chúng vẫn chơi thành thạo. Tôi muốn nói với các bạn một điều, đừng vin vào lí do nghèo, đừng chờ đến khi Việt Nam có đủ các điều kiện để thực hiện công nghệ thông tin trong các trường học (máy tính, mạng nội bộ, internet...) thì mới ứng dụng công nghệ thông tin vào trường học. Như vậy thì sẽ làm chậm đi sự phát triển của giáo dục, chậm đi sự hội nhập và phát triển kinh tế”. Câu nói ấy, đánh tan đi những nghi ngờ còn lại của một số người khi triển khai chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục.

Tôi có một người bạn (đúng ra là nhiều hơn một) than phiền rằng: con nhà mình mê “game” quá, chẳng biết làm cách nào để cho chúng bớt chơi cả. Tôi bảo, anh có chơi “game” chưa, là tôi chỉ nói đến những “games” cài đặt sẵn trên máy tính cá nhân ấy, thứ không phải mua như bọn trẻ chơi “game” bây giờ. Một số người thú

thật: có. Tôi hỏi, anh có mê không? Cũng có người trả lời có. Anh mê vì điều gì? Họ trả lời, lúc đầu vì tò mò, sau thì vì muốn thắng. Tôi hỏi tiếp, khi thắng rồi anh có muốn chơi nữa không? Có – cũng có người trả lời như vậy và thêm rằng, tôi chơi để “giết thời gian”. Tôi nghĩ, cái lí do “giết thời gian” kia không phải là lí do chính, lí do chính nằm ở phần sau kia: anh muốn chiến thắng, muốn chinh phục. Vậy thì, sao lại trách con mình và những đứa trẻ khác chơi “game”? Tất cả đều trả lời rằng, sẽ để chúng chơi nếu như chúng học xong bài học.

Tại sao tôi lại phải dài dòng như vậy khi chỉ muốn có một câu ở cho bài viết này: máy tính, công nghệ truyền thông, Internet đang thay đổi chúng ta, đang thay đổi thế giới và giáo dục không thể đứng ngoài sự thay đổi ấy. Trong hội thảo này, chủ đề mà chúng ta đề cập đến là (dạy) học trực tuyến “learning online”. Sẽ không cần phải nói thêm gì những lợi ích mà bài giảng trực tuyến đem lại. Con bạn đi du lịch cùng bạn ư? Chúng sẽ vắng mặt tại trường chứ gì? Nếu có những bài giảng trực tuyến, chỉ cần với một máy tính, có đường truyền Internet, bạn có thể yên tâm, con bạn vẫn theo học như những bạn khác ở trên lớp. Từ lâu lắm rồi, tôi đã biết, trẻ em muốn cô giáo, thầy giáo chúng là một người dịu hiền, chỉ biết khuyến khích, không chê mắng, cho phép chúng làm lại bài tập nếu chúng làm chưa đúng... ***tất cả những điều đó đều có thể có trên lớp học ảo***, trên các lớp học trực tuyến. Nếu có một học sinh nào đó, muốn thầy dạy chúng có khuôn mặt đẹp trai của nam tài tử nổi tiếng Alain Delon, hay khuôn mặt khả ái của nữ minh tinh màn bạc Marilyn Monroe, việc ấy cũng chẳng đến nỗi khó khăn khi trên màn hình là “thầy giáo ảo”. Năm 1997, khi đi khảo sát giáo dục phổ thông trung học ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, tôi đã thấy, có những học sinh phải đi học từ 3 giờ sáng để kịp giờ học bắt đầu từ 7 giờ, thế nhưng, nhiều em đã không đến đúng giờ học. Khi đó, tôi đã nghĩ đến một viễn cảnh dạy – học trực tuyến, để học sinh vùng sâu, vùng xa không phải mất quá nhiều thời gian đi về khi đến trường học và hơn thế nữa là các em có thể theo học các thầy cô giỏi, mà số nhiều các thầy cô giỏi lại không chịu sống ở những vùng có nhiều khó khăn, thiếu thốn vật chất. Khi đó, tôi chỉ dám mơ ước, có những băng ghi hình bài giảng của các thầy cô giỏi ở mọi miền tổ quốc, để học sinh vùng sâu, vùng xa thoát

khỏi thiết thòi. Bây giờ, nếu có ước, tôi muốn, cả nước được nối mạng Internet đến từng nhà để trẻ em có thể học ở nhà. Thế kỉ XXI đã có nhiều thay đổi tiến bộ mang lại nhiều lợi ích cho con người, trong đó có việc, xóa nhòa ranh giới thụ hưởng giáo dục.

Tôi muốn nói, đến những thay đổi sẽ diễn ra nay mai, khi nước ta đã bước qua lần ranh nghèo đói, qua nhóm các quốc gia nghèo đói nhất thế giới, những thay đổi về giáo dục nhất định sẽ xảy ra. Sẽ phải tổ chức lại trường học thế nào? Những qui định hiện nay về sự có mặt của học sinh, sinh viên trên lớp học ra sao? Trường học tập trung có cần đến qui mô hàng chục hecta? Các hội trường, giảng đường được xây dựng (to nhỏ) như thế nào và chúng sẽ được sử dụng ra sao? Các giảng viên đại học sẽ làm việc như thế nào? Có sự thay đổi về định mức sinh viên/giảng viên không? Nhiều, nhiều, rất nhiều thứ phải thay đổi.

Tôi mừng tượng ra cái cảnh, giảng đường trống rỗng, chỉ có vài ba người ngồi trong đó, với những laptop được nối mạng, sạc điện tự động bằng năng lượng mặt trời. Ngoài sân trường, trên các thảm cỏ, sinh viên đang nằm học. Thư viện cũng không còn bẽ thế như hiện tại, vẫn có những người già vào thư viện mượn sách in như hiện nay, phần đông, sinh viên “mượn” sách ngay ở nhà mình, trên xe bus hoặc bất cứ nơi nào họ muốn. Biết đâu, các nhà xuất bản sẽ kiêm luôn cả việc bán ấn phẩm điện tử của mình thay cho các công ty phát hành sách hoặc thậm chí cả Amazon.com hiện nay. Như vậy, kiểu lớp học truyền thống, thầy đối mặt với trò (face to face), mọi người ở cùng ngồi trong khuôn viên vài chục mét vuông, trong một thời gian nhất định sẽ không còn nữa.

Thầy giáo sẽ ít hơn!? Các nhà khoa học, các kĩ sư, công trình trong các nhà máy xí nghiệp, trong các viện nghiên cứu sẽ có thể là những giảng viên đại học qua việc phát hành các nghiên cứu của mình dưới dạng các e-book. Như vậy, các trường đại học sẽ mang tính chất là người tổ chức nhiều hơn là thực thi việc dạy và học. Các trường đại học sẽ là nơi xây dựng các chương trình học, các băng DVD bài học và điều hành dạy-học online. Trường học sẽ có các trường quay giống như Hollywood, ở đó, các bài giảng sẽ được quay, sẽ được số hóa, sẽ được đưa lên mạng

để sinh viên (với account được cấp) sẽ dễ dàng nghe bài giảng của thầy ở bất cứ đâu. Vấn đề là các phần mềm dạy học sẽ được làm như thế nào? Công nghệ truyền thông phục vụ người dạy và học ra sao? Chắc chắn là sinh viên sẽ có nhiều lựa chọn khi học online hơn.

Người học cũng có thể học mọi nơi mọi chỗ. Sẽ có những thay đổi về thi cử, kiểm tra đánh giá. ***Chính người học là người xây dựng kế hoạch học tập cho mình, chất “cá thể hóa” trong giáo dục sẽ tăng lên.*** Học sinh có thể hỏi “thầy/cô ả” mọi thứ quanh bài giảng cho đến khi nào họ chắc chắn rằng mình đã nắm được bài học. Những thí nghiệm ảo cũng được cung cấp cho sinh viên, học sinh. Sẽ giảm đi những lo âu về ô nhiễm môi trường khi các thí nghiệm ảo được đưa vào lớp học. Hàng loạt ngân hàng đề thi của các đại học sẽ mở ra. Bài làm của người học sẽ được ghi lại bằng hình ảnh, kỹ thuật sẽ hỗ trợ chống lại sự gian lận thi cử.

Những vấn đề về chi phí sẽ giảm thiểu nhiều. Sinh viên không phải hàng ngày chạy xe bus tới trường đúng giờ như hiện nay. Những thay đổi về khuôn viên đại học trong thời kì đại học online sẽ là những công viên, sân vận động, nhà hát hơn là các giảng đường và thư viện với những núi sách như hiện nay. Nhiều người được học hơn, một người có thể theo học nhiều trường đại học, không còn khoảng cách địa lý giữa nhà trường và người học...

Tôi tìm các địa chỉ trang web học trực tuyến: www.hocticnganhonline.net, www.techlearning.com, www.usingenglish.com, www.abc.net.au/learn, www.onthi.com, www.hoctructuyen.org, <http://whitedelphi.plus.vn/moodle>; www.vietnamlearning.vn... Có rất nhiều trang web học trực tuyến, chỉ tiếc là tôi không thể vào học vì không có account.

ỨNG DỤNG E-LEARNING TẠI KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG – TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

*ThS. Nguyễn Văn Linh, ThS. Phan Phương Lan,
ThS. Phan Huy Cường, ThS. Trần Ngân Bình
Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ.*

Từ khoá: LMS, LCMS, SCORM.

1. Giới thiệu:

Trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục bậc đại học và sau đại học, khi Việt Nam muốn rút ngắn khoảng cách về chất lượng đào tạo với các nước tiên tiến trên thế giới thì việc ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) là rất cần thiết. E-learning là một mảng quan trọng của ứng dụng CNTT trong giáo dục. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội, việc học tập bằng e-learning là một xu hướng tất yếu.

Từ năm 2006 đến nay, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (CNTT&TT) thuộc Đại học Cần Thơ (ĐHCT) cũng đã và đang triển khai hệ thống e-learning phục vụ chương trình đào tạo liên thông từ cử nhân lên kỹ sư tin học và hỗ trợ sinh viên của Khoa trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Phần trình bày dưới đây hướng tới các nội dung:

- Cơ sở vật chất dành cho ứng dụng e-learning.
- Sự lựa chọn chuẩn và hệ quản trị đào tạo mã nguồn mở dùng trong e-learning.
- Các công cụ được xây dựng nhằm hỗ trợ hệ thống e-learning.
- Một số kết quả đạt được.

2. Cơ sở vật chất dành cho ứng dụng e-learning:

Khoa CNTT&TT dành 4 phòng máy phục vụ cho hoạt động e-learning. Mỗi phòng được trang bị 40 máy tính với cấu hình giống nhau nhằm giúp việc quản lý và học tập của sinh viên hiệu quả hơn. Những máy tính này đều có cấu hình: CPU

Pentium D 3GB, Ram 512MB, HDD 80GB. Ngoài ra, những phòng máy khác (6 phòng) hoàn toàn có thể đáp ứng ngay cho hoạt động giảng dạy và học tập bằng e-learning khi có nhu cầu phát sinh.

Tất cả các máy tính ở Khoa đều được kết nối mạng nội bộ và kết nối Internet với đường truyền kết nối ADSL là 6Mbps. Bên cạnh đó, khoa còn có hệ thống mạng WiFi nội bộ.

Hệ quản trị đào tạo dùng cho e-learning được cài đặt trên một server online đặt tại Khu II (trường ĐHCT) và một server dự phòng tại Khu III (Khoa CNTT&TT). Cả hai server này đều có cấu hình: CPU 4 x 1.5GB, Ram 4GB, HDD 5 x 37GB. Kết nối từ Khu III sang Khu II sử dụng đường truyền Wireless 11Mbps.

3. Sự lựa chọn chuẩn và hệ quản trị đào tạo mã nguồn mở dùng trong e-learning:

Trong rất nhiều chuẩn và nhiều hệ quản trị đào tạo như hiện nay, việc chọn ra được một chuẩn và một hệ quản trị đào tạo phù hợp trước khi triển khai hệ thống e-learning là một trong những công việc phải được thực hiện sớm nhất. Dưới đây là phần trình bày về việc đề nghị sử dụng chuẩn SCORM trong e-learning và Moodle làm hệ nền.

a. Chuẩn trong e-learning và sự lựa chọn chuẩn SCORM:

Trong lĩnh vực e-learning, các yêu cầu sau là rất cần thiết:

- Khả năng truy cập nội dung học từ một nơi ở xa và phân phối cho nhiều nơi khác.
- Khả năng sử dụng lại ở một nơi nào đó các nội dung học đã được phát triển ở một nơi khác bằng nhiều công cụ và nền khác nhau.
- Khả năng vẫn sử dụng được các nội dung học khi công nghệ thay đổi mà không phải thiết kế lại, cấu hình lại hay mã hóa lại.

Để đáp ứng được các yêu cầu như vậy, nhiều công ty đã đưa ra các chuẩn của mình, chẳng hạn: IMS của International Model System Global Consortium, AICC

của Aviation Industry CBT Committee, IEEE của Institute of Electrical and Electronic Engineers và SCORM (Sharable Content Object Reference Model) của Advanced Distributed Learning (ADL). Vấn đề đặt ra là nên chọn chuẩn nào trong các chuẩn vừa được liệt kê?

Chuẩn SCORM của ADL được đánh giá cao hơn cả vì nó tích hợp và điều chỉnh các chuẩn của IMS, AICC và IEEE nhằm tạo thành một mô hình dễ thực hiện và hoàn chỉnh hơn để có thể được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng e-learning. Chẳng hạn, ADL sửa lại mô hình CMI của AICC cho phù hợp với Internet để đưa ra một mô hình giao tiếp dựa trên web; làm việc với IEEE và IMS để làm ổn định các đặc tả metadata và tạo nối kết XML; tiếp tục sự tích hợp công việc của IMS và AICC để đưa ra các đặc tả đóng gói nội dung của IMS.

Những chuẩn cơ bản của SCORM gồm:

- Chuẩn đóng gói nội dung: cung cấp một cách thức chuẩn để cấu trúc và trao đổi nội dung học. Chuẩn này dựa hoàn toàn trên đặc tả đóng gói nội dung của IMS (IMS Content Packaging Specification) nhưng bổ sung các yêu cầu và hướng dẫn thực hiện cụ thể cho việc đóng gói nội dung.
- Chuẩn metadata: cung cấp các thuật ngữ cho phép các tài nguyên học được mô tả theo một cách chung. Vì thế, những tài nguyên được mô tả bằng metadata có thể được tìm kiếm và truy lục một cách thuận tiện nhằm phục vụ cho việc chia sẻ và tái sử dụng. Chuẩn metadata tuân thủ hoàn toàn chuẩn metadata của IEEE nhưng cung cấp thêm các hướng dẫn cụ thể cho việc sử dụng metadata để mô tả các thành phần của mô hình nội dung của SCORM.
- Chuẩn trao đổi thông tin: cung cấp một cách thức chuẩn để các nội dung học có thể tương tác được với nhiều hệ quản trị đào tạo bất chấp các công cụ được sử dụng để tạo ra chúng. Chuẩn này tham khảo trực tiếp các chuẩn trong giao diện lập trình ứng dụng của IEEE và tham khảo các chuẩn trong mô hình dữ liệu của AICC và IEEE. SCORM Sequencing and Navigation: mô tả cách thức các nội dung học có thể được hiển thị tuần tự cho người học

thông qua một tập các sự kiện điều hướng, được đề xướng bởi hệ thống hay người học.

- SCORM Sequencing dựa trên đặc tả IMS Simple Sequencing (SS) giúp cho bất cứ hệ quản trị đào tạo nào cũng sẽ hiện thị tuân tự các hoạt động học rời rạc một cách nhất quán. Ngoài ra, SCORM Sequencing còn định nghĩa thêm một số thành phần xác định nhằm mở rộng đặc tả IMS SS trong môi trường SCORM.
- SCORM Navigation mô tả cách thức các sự kiện điều hướng được đề xướng bởi hệ thống và người học có thể được khởi sự và xử lý.

b. Các hệ quản trị đào tạo mã nguồn mở và sự lựa chọn Moodle:

Trong bài viết này, chúng tôi xin dùng ký hiệu LMS (Learning Management System) để nói về hệ quản trị đào tạo. Các LMS đều có chung kiến trúc vĩ mô với hai thành phần chính:

- Quản trị các hoạt động đào tạo liên quan đến giáo viên, học viên, các kế hoạch học tập, các công cụ thảo luận, học trực tuyến, tổ chức thi trực tuyến, thư từ.
- Hệ quản trị nội dung đào tạo, đó là một hệ thống thông tin về bài giảng, đề thi, tài liệu tham khảo, các thông tin liên quan đến bài học và tài liệu học tập. Hệ cũng cung cấp các công cụ soạn thảo bài giảng và đề thi.

Các LMS được sử dụng làm hệ nền cho e-learning được phân loại như sau:

- Hệ thống thương mại như WebCT, Lotus LearningSpace, Ilearning v.v.
- Hệ thống mã nguồn mở như ATutor, Claroline/ Dokeos, Moodle, v.v.

Việc sử dụng các phần mềm mã nguồn mở đang ngày càng phát triển mạnh mẽ. Một cơ sở đào tạo khi lập dự án giảng dạy bằng e-learning thường sẽ ưu tiên tìm hiểu về các LMS mã nguồn mở trước khi quyết định chọn một LMS (mã nguồn mở hay thương mại) nào đó làm hệ nền. Theo thống kê từ chương trình Edutool, <http://www.edutool.org>, các LMS được sử dụng rộng rãi hơn cả trong rất nhiều các

LMS mã nguồn mở là Moodle, ILIAS, Atutor, Claroline. Trong rất nhiều các LMS thông dụng như vậy, việc lựa chọn một LMS phù hợp làm hệ nền cho e-learning là rất cần thiết.

Chúng tôi không thực hiện đánh giá các LMS theo các bước: xác định tập các tiêu chí, lựa chọn các LMS, đề nghị phương thức đánh giá, tiến hành đánh giá các LMS. Chúng tôi cũng không tiến hành cài đặt và thử nghiệm các LMS mà chỉ dựa vào các kết quả nghiên cứu về chúng của những nhóm khác và một số khảo sát, thống kê về cộng đồng sử dụng để đề xuất một LMS phù hợp nhất. Chúng tôi liệt kê dưới đây một số kết quả đánh giá về các hệ LMS khác nhau.

Graf, S. & List, B. (2005) thực hiện đánh giá các LMS theo tám tiêu chí:

1. Công cụ giao tiếp: diễn đàn (forum), chat, thông báo, mail, v.v
2. Các đối tượng học: bài kiểm tra, bài tập, tài liệu học, các đối tượng học có thể tạo ra khác và các đối tượng học có thể nhập từ bên ngoài.
3. Quản lý dữ liệu người sử dụng: thống kê, theo vết, thông tin cá nhân.
4. Tính tiện lợi: thân thiện với người sử dụng, hỗ trợ các tài liệu.
5. Tính thích ứng: khả năng thích ứng, khả năng mở rộng.
6. Các yếu tố kỹ thuật: các chuẩn, các yêu cầu hệ thống, tính bảo mật.
7. Sự quản trị: quản lý người sử dụng, quản lý quyền.
8. Quản lý khóa học (course): quản lý khóa học, đánh giá các bài kiểm tra và tổ chức của các đối tượng học.

Bằng phương pháp lượng hóa các tiêu chí con trong từng tiêu chí theo các mức từ không có hoặc có rất hạn chế đến rất tốt và tính tổng theo từng mức của từng tiêu chí cho từng LMS, Moodle có năm tiêu chí đầu được đánh giá tốt nhất và ILIAS có ba tiêu chí còn lại được đánh giá tốt nhất. Kết quả đánh giá chung dựa trên tổng của từng mức của tất cả các tiêu chí cho thấy Moodle là LMS vượt trội hơn cả.

Trong khi Graf, S. & List, B. chủ yếu đánh giá các LMS dựa trên các tiêu chí chức năng thì Van den Berg, K. (2005) không những đánh giá các LMS dựa trên tiêu chí chức năng mà còn đánh giá chúng dựa trên các tiêu chí liên quan đến sự ổn định, hoạt động phát triển, nguồn tài nguyên và động lực phát triển LMS. Các tiêu chí cụ thể được sử dụng ở bước đầu tiên nhằm chọn ra một danh sách ít các LMS hơn cho bước đánh giá tiếp theo gồm:

1. Cộng đồng: số lượng người sử dụng và số lượng bài viết trên diễn đàn theo từng giai đoạn.
2. Hoạt động phát hành: số lần phát hành và số lượng các bản ghi hay các lưu ý giải thích những thay đổi trong lần phát hành (các sửa lỗi, các cải tiến các tính năng đã có hay các tính năng mới hoàn toàn).
3. Tuổi thọ: thời gian tồn tại của LMS kể từ ngày phát hành đầu tiên.
4. Chức năng: các chức năng cơ bản mà LMS cung cấp để đáp ứng yêu cầu.

Mỗi tiêu chí được gán một trọng số tương ứng nhằm thể hiện mức độ quan trọng. Tiêu chí tuổi thọ có trọng số thấp nhất. Các tiêu chí chức năng và cộng đồng là quan trọng hơn cả nên chúng có trọng số lớn hơn trọng số của các tiêu chí còn lại. Bên cạnh đó, mỗi LMS có một điểm số xác định ứng với một tiêu chí cụ thể. Sử dụng công thức Linear Weighted Attribute Model, tác giả đã xác định được danh sách các LMS có tổng điểm theo thứ tự giảm dần: Moodle, ATutor, Claroline, ILIAS, v.v. Ở bước thứ hai, phương pháp đánh giá tương tự như bước một nhưng chỉ được thực hiện trên hai LMS có điểm số cao nhất (Moodle và Atutor) và sử dụng mười tiêu chí. Ngoài bốn tiêu chí được đề cập ở trên, các tiêu chí khác gồm:

5. Tài liệu: tài liệu dành cho người phát triển, người sử dụng.
6. Tính bảo mật: đối phó được với các cuộc tấn công.
7. Tính tương tác: tuân theo các chuẩn và sự hợp tác với các sản phẩm khác.
8. Bản quyền.
9. Nguồn gốc và mục tiêu: mục tiêu của dự án có phù hợp với dự định không.

10. Sự hỗ trợ: trả lời câu hỏi liên quan đến việc sử dụng phần mềm và giải quyết các vấn đề của phần mềm.

Kết quả cuối cùng, Moodle đáp ứng được nhiều yêu cầu của một dự án mã nguồn mở tốt hơn ATutor.

Nhóm tác giả của The Open Polytechnic of New Zealand (2004) thực hiện đánh giá các LMS đang được sử dụng phổ biến gồm Moodle, ILIAS và ATutor dựa trên các tiêu chí: kiến trúc tổng quan và sự thực thi; tính tiện lợi; tính tương tác; tính quốc tế hóa; chi phí sở hữu; sức mạnh cộng đồng; bản quyền và tính phức tạp của tài liệu hướng dẫn. Tất cả các tiêu chí được đánh giá theo mức (yếu, trung bình, khá, v.v). Kết quả đánh giá chung, Moodle được xem là LMS có lợi thế hơn cả.

Sau tiêu chí chức năng, tiêu chí cộng đồng luôn được đánh giá cao hơn so với một số tiêu chí khác khi xem xét một LMS. Các kết quả khảo sát về tính cộng đồng của Google (2006) và các thống kê từ các website của các LMS cho thấy cộng đồng sử dụng Moodle là mạnh nhất hiện nay.

Ở Việt Nam, theo thống kê của Moodle Việt nam (2006) và những tìm kiếm khác của chúng tôi về số lượng sử dụng các LMS khác thì Moodle hoàn toàn chiếm ưu thế.

Từ các kết quả được trình bày ở trên, chúng tôi đã chọn sử dụng Moodle như một hệ nền cho e-learning.

4. Các hoạt động nhằm thực thi e-learning tại khoa CNTT&TT – ĐH Cần Thơ:

a. Xây dựng quyết tâm về việc ứng dụng e-learning trong đào tạo:

Do nhận thức được sự phù hợp của e-learning đối với loại hình đào tạo liên thông và việc ứng dụng e-learning sẽ góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và phương pháp đánh giá trong đào tạo theo học chế tín chỉ, Đảng bộ khoa CNTT&TT đã ra nghị quyết về việc ứng dụng e-learning trong đào tạo. Trên cơ sở đó, Ban chủ nhiệm khoa đề xuất và được chấp thuận một đề tài cấp

Bộ trọng điểm nghiên cứu về e-learning. Trong quá trình thực hiện đề tài, nhóm nghiên cứu đã phổ biến các kết quả nghiên cứu đến tất cả các giảng viên trong Khoa để cùng ứng dụng.

b. Nghiên cứu về chuẩn và LMS để lựa chọn chuẩn và LMS phù hợp:

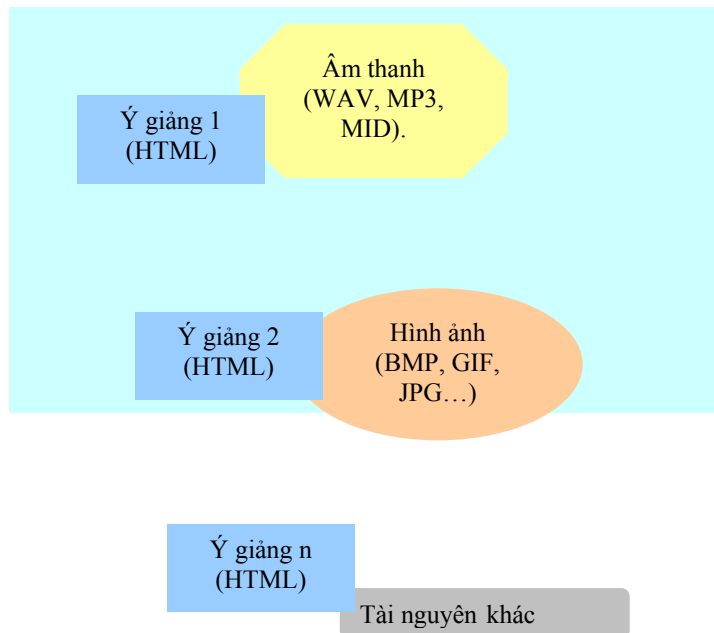
Công việc này đã được tiến hành từ năm 2006 và kết quả là Khoa đã lựa chọn chuẩn SCORM và LMS Moodle như đã trình bày ở trên.

c. Xây dựng công cụ soạn bài giảng điện tử theo chuẩn SCORM - Word2SCO:

Như đã trình bày ở phần trên, chúng tôi sử dụng chuẩn đóng gói nội dung SCORM để đóng gói bài giảng điện tử. Mỗi môn học/học phần sẽ được chia thành nhiều bài giảng, từng bài giảng được đóng gói thành SCO (Sharable Content Object) hoàn chỉnh. Các LMS có cung cấp các công cụ để đóng gói bài giảng theo chuẩn SCORM, tuy nhiên người sử dụng công cụ này phải có trình độ tin học nhất định. Chúng tôi xây dựng công cụ Word2SCO với mục đích giúp các giảng viên với trình độ tin học văn phòng, soạn bài theo cấu trúc bài giảng với các ý giảng, sau đó tự đóng gói theo chuẩn SCORM.

Trong mỗi SCO, chúng tôi sử dụng phần lớn các Asset theo định dạng HTML để chuyển tải nội dung từng ý giảng, các tài nguyên âm thanh, hình ảnh sẽ là các asset theo đúng định dạng gốc của nó. Với cấu trúc này, người soạn giáo trình có thể kết hợp các công cụ có sẵn để đóng gói bài giảng theo mô hình sau:

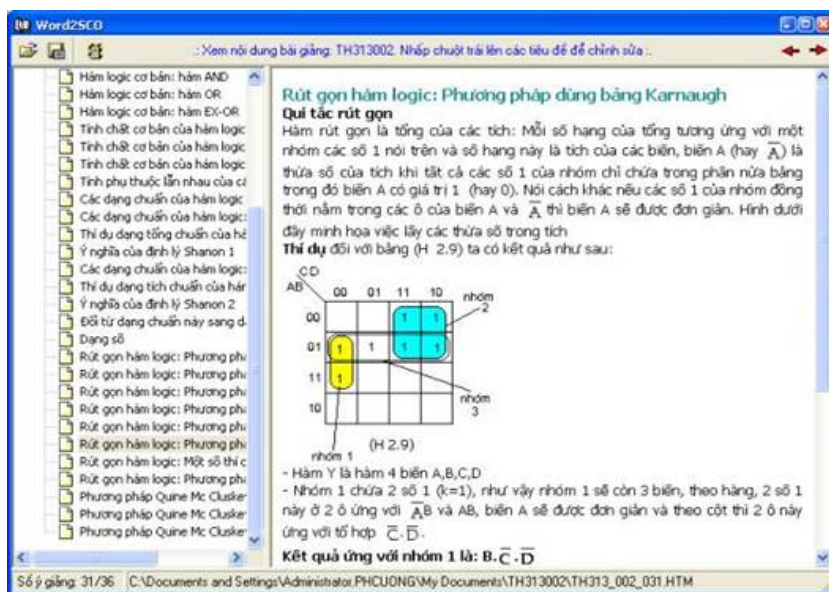
Mô hình đóng gói bài giảng với ý giảng.



Bài giảng đóng gói thành SCO

Bài giảng sau khi được đóng gói thành SCO có thể xem thử ngay trong công cụ. Hình dưới đây minh họa kết quả đóng gói một ý giảng toán thành SCO của Word2SCO:

Một ý giảng đóng gói thành SCO.



Theo qui trình trên, một tài liệu MS Word phải được tách, chuyển đổi thành các asset phù hợp, sau đó bổ sung các tập tin điều khiển để trở thành một SCO. Chúng tôi đã nghiên cứu và cài đặt thành công phần mềm Word2SCO cho phép tách, chuyển đổi, đóng gói hoàn toàn tự động, kết quả sinh ra sẽ là các SCO ở dạng nén có thể sử dụng trong các LMS dùng chuẩn SCORM.

Với sự kết hợp của công cụ Word2SCO và tập tin template của Word, chúng tôi đã triển khai việc viết giáo trình một cách thuận lợi đến những đối tượng không chuyên tin mà không cần đòi hỏi một qui trình kỹ thuật quá phức tạp. Sự kết hợp này còn cho phép các tác giả tái sử dụng hiệu quả các nội dung giáo trình đã được soạn thảo (bằng MS Word) trước khi chuyển thành giáo trình điện tử.

Do đa số các bài giảng được soạn bằng MS Words nên chúng tôi viết công cụ Word2SCO áp dụng trong trường hợp này. Mặc dù vậy, Word2SCO vẫn có thể mở rộng để có thể sử dụng cho các bài giảng viết bằng các phần mềm nguồn mở có tính năng tương tự (StartOffice, OpenOffice).

d. Xây dựng một số công cụ tích hợp vào hệ thống Moodle:

Moodle là phần mềm của cộng đồng, phần mềm mang tính chất phục vụ chung. Vì vậy, để phù hợp với yêu cầu ứng dụng e-learning tại khoa CNTT&TT, các công cụ hỗ trợ hệ thống Moodle cần phải được xây dựng. Dưới đây là phần trình bày sơ lược về một số công cụ đã được chúng tôi thiết kế và cài đặt.

- *Điều khiển tiến trình học của học viên trong một course:*

Công cụ này cho phép giáo viên có thể tạo ra tiến trình cho một course. Cụ thể, khi thiết lập từng chủ đề trong một course, giáo viên phải qui định các chủ đề tiên quyết mà sinh viên phải đạt được trước khi học chủ đề mà giáo viên đang thiết lập. Ngoài ra, giáo viên cũng phải thiết lập tỉ lệ phần trăm số điểm cho mỗi hoạt động trong mỗi chủ đề.

Như vậy, khi tham gia vào một course nào đó, học viên phải học theo tiến trình mà giáo viên đặt ra.

- *Điều khiển tiến trình học của học viên trong chương trình học:*

Mục đích của công cụ này là này cho phép giáo viên bắt buộc học viên phải học theo tiến trình mà chương trình đào tạo đã quy định. Tương tự như công cụ được đề cập ở trên, khi thiết lập một course, giáo viên phải qui định các course tiên quyết mà sinh viên phải đạt được trước khi học course giáo viên đang thiết lập.

- *Quản lí ngân hàng câu hỏi và ra đề tự động:*

Công cụ này giúp giáo viên quản lí ngân hàng câu hỏi trong course theo từng chủ đề, loại câu hỏi và độ khó. Ngoài ra, giáo viên có thể ra đề tự động theo tiêu chí đặt ra (chủ đề, loại câu hỏi và độ khó) không phải chọn từng câu hỏi và thêm vào đề thi như chức năng hiện tại của hệ thống Moodle.

e. Tập huấn giảng viên:

Trên cơ sở các kết quả đạt được, nhóm nghiên cứu đã tiến hành tập huấn cho tất cả các giảng viên trong Khoa để mọi người đều nắm được chuẩn SCORM, sử dụng được công cụ Word2SCO để từ các giáo trình được soạn bằng MS Word chuyển thành các gói SCO và sử dụng LMS Moodle để thực hành giảng dạy.

f. Thí điểm và triển khai:

Lúc mới đưa hệ thống vào vận hành, chưa có nhiều giảng viên sử dụng. Các thành viên của nhóm nghiên cứu là những người tiên phong sử dụng hệ thống e-learning và phổ biến kinh nghiệm cho những người khác. Khi mọi người thấy được lợi ích thiết thực của việc ứng dụng e-learning thì ai cũng tự giác thực hiện.

Một số kết quả đạt được

Khoa CNTT&TT, trường ĐHCT đã triển khai hệ thống e-learning tại địa chỉ <http://elcit.ctu.edu.vn/>. Sau một thời gian thực hiện, chúng tôi đã đạt được một số kết quả như sau:

- *Đối với sinh viên liên thông từ cao đẳng lên đại học:*

Chúng tôi đã xây dựng được hệ thống bài giảng điện tử dành cho sinh viên liên thông. Khóa sinh viên đầu tiên liên thông từ cao đẳng lên đại học được đào tạo

qua hệ thống e-learning này đã tốt nghiệp. Hiện nay, chúng tôi đang đào tạo cho khóa thứ 2 và tiến hành tuyển sinh khóa thứ 3.

- *Đối với sinh viên của khoa:*

Hình thức đào tạo bằng E-learning là một công cụ hỗ trợ tốt cho quá trình đào tạo bằng học chế tín chỉ. Với đội ngũ giảng viên và sinh viên đã quen ứng dụng CNTT, khoa CNTT&TT có rất nhiều thuận lợi để triển khai e-learning. Hầu hết các giảng viên của khoa đều sử dụng hệ thống này để tải bài giảng, tài liệu tham khảo, trao đổi thông tin kịp thời với sinh viên. Sinh viên cũng có thể sử dụng hệ thống này để lấy tài liệu và trao đổi thông tin với nhau về một chủ đề nào đó trong một course mà sinh viên tham gia. Một trong những chức năng của hệ thống mà giáo viên và sinh viên ưa thích sử dụng là thi trực tuyến. Chúng tôi đã xây dựng được một ngân hàng câu hỏi khá phong phú.

- *Đối với sinh viên tại một số trung tâm liên kết:*

Cũng giống như sinh viên chính quy của khoa, sinh viên tại các trung tâm liên kết có phòng máy được nối kết Internet cũng có thể tải bài giảng, tài liệu tham khảo, trao đổi với giáo viên khi có nhu cầu và thi trực tuyến.

Tài liệu tham khảo.

[1] Edutool, <http://www.edutool.org>.

[2] Moodle, <http://moodle.org>

[3] ILIAS, <http://www.ilias.uni-koeln.de>

[4] ATutor, <http://www.atutor.ca>

[5] Claroline, <http://www.claroline.net>

[6] Graf, S. & List, B., 2005. An Evaluation of Open Source E-Learning Platforms Stressing Adaptation Issues. Proceedings of the International Conference on Advanced Learning Technologies. Kaohsiung, Taiwan, pp. 163-165.

- [7] Van den Berg, K., 2005. Finding Open options: An Open Source software evaluation model with a case study on Course Management Systems. Master Thesis. Tilburg University, Netherland.
- [8] The Open Polytechnic of New Zealand, 2004. Technical Evaluation of selected Learning Management Systems. <http://eduforge.org/projects/nzvle/>
- [9] Khảo sát, June, 2006. http://www.google.com/Top/Reference/Education/Instructional_Technology/Course_Website_Software
- [10] Moodle – Việt Nam, <http://el.edu.net.vn>
- [11] IMS, <http://www.imsglobal.org>
- [12] AICC, <http://www.aicc.org>
- [13] IEEE, <http://www.ieeeltsc.org>
- [14] ADL, <http://www.adlnet.org>

ĐÀO TẠO QUA MẠNG PHÁT HUY TÍNH GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI HỌC

Hoàng Phương

Trung tâm Đào tạo trực tuyến – Trường ĐH Đà Nẵng

Đại học Đà Nẵng là một trong những đơn vị đi tiên phong trong lĩnh vực đào tạo qua mạng tại Việt Nam. Từ năm 2003, với sự giúp đỡ của Đại học TEXAS Hoa Kỳ, một chương trình đào tạo qua mạng đã được triển khai tại Trung tâm CCE trực thuộc Đại học Đà Nẵng. Cho đến nay, nhiều khoá học về phương pháp giảng dạy đại học trực tuyến do phía bạn tổ chức; các chuyến đi tham quan, tìm hiểu, nghiên cứu thực địa cả tại Việt Nam và Hoa Kỳ đã đem lại kết quả là chương trình đào tạo Cử nhân ngành biên dịch tiếng Anh hoàn toàn qua mạng đã ra đời với trên 1500 SV theo học (số liệu 10/2008). Các ê-kíp làm chương trình, giáo trình, phòng thu studio đã được thành lập, các phần mềm tiện ích được thiết kế đã và đang giúp SV học tập một cách hiệu quả. Bài viết sau đây phản ánh những vấn đề của đào tạo qua mạng không chỉ của Đại học Đà Nẵng mà của cả thế giới, trong xu hướng nghiên cứu các tác động qua lại giữa người thầy - học trò và xã hội trong môi trường học tập ảo.

Một trong những e ngại của người học khi tiếp cận với các khóa học qua mạng là cảm giác “cô đơn”, “lạc lõng” khi đối diện với họ không phải là các thầy giáo và bạn bè mà là cỗ máy tính lạnh lùng trên bàn làm việc. Trong lịch sử hàng nghìn năm của giáo dục, các hình thức đào tạo luôn luôn có một chủ thể là ông thầy hiện diện trong không gian lớp học. Ông thầy ấy có thể di chuyển từ bàn của mình xuống lớp hoặc đi vòng quanh, thời gian ít hoặc nhiều tùy theo yêu cầu của mỗi phương pháp và phương thức đào tạo. Ngay trong phương thức đào tạo từ xa ở nước ta, người học vẫn có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với giảng viên và bạn học mỗi khi lớp có lịch học tập trung. Vậy cơ hội nào cho phương thức đào tạo qua mạng có thể phát huy tính giao tiếp khi tiền đề của nó - sự tiếp xúc mặt đối mặt của người thầy với lớp học - hoàn toàn không có?

Thực ra tính giao tiếp không chỉ mang các thuộc tính vật lý mà còn bao gồm bên trong các yếu tố tâm lý nội tại. Giao tiếp không chỉ bao gồm trong quá trình hỏi-đáp, nêu và giải quyết vấn đề ở lớp mà còn hiện diện trong cả quá trình tư duy của người học. Theo Michael Moore trong *Three Types of Interaction*, có ba loại giao tiếp trong dạy - học là:

- (i) giao tiếp giữa người học và nội dung bài giảng,
- (ii) giao tiếp giữa thầy giáo và học trò, và
- (iii) giao tiếp giữa người học và người học.

Đào tạo qua mạng không phủ định bất cứ loại hình nào trong các loại hình kể trên, ngược lại các công cụ và phương pháp đào tạo trực tuyến còn khuyến khích người học có cơ hội nâng cao chất lượng giao tiếp hơn hẳn các phương pháp đào tạo truyền thống. Qua quan sát các sinh viên đang học chứng chỉ Advanced English Grammar theo phương thức đào tạo qua mạng của Đại học Đà Nẵng, khi SV đặt nhiều câu hỏi với thầy giáo, cơ hội giao tiếp không chỉ xuất hiện khi có nhiều SV đặt câu hỏi mà còn ở cả khi các SV tham gia trả lời. Điều này khó có thể thực hiện được ở các lớp đào tạo tập trung vì tính giới hạn của thời gian và không gian học tập. Do tính chất *không đồng thời* (asynchronous), SV học tập trực tuyến còn có thời gian suy nghĩ chín chắn hơn, tìm hiểu tài liệu bổ sung để củng cố cho lý luận của mình. Những SV có bản tính nhút nhát, thiếu tự tin cũng dễ tham gia diễn đàn thảo luận khi *người ta không biết mình là ai*, nên *dẫu có phát biểu sai cũng không ngại*.

Để khơi dậy sự giao tiếp nơi người học trực tuyến, thầy giáo phải sử dụng các công cụ và chiến thuật đặc biệt. Trong phần mềm WebCT, SV có thể sử dụng các công cụ đã được thiết kế sẵn như *Discussion* (thảo luận giữa thầy giáo và SV) và *Chat* (chuyện gẫu giữa SV) để nêu lên bất kỳ thắc mắc nào về bài học hoặc ý kiến về khóa học. Để khởi động một chuỗi giao tiếp, có khi giảng viên đưa vấn đề cần thảo luận do một *avatar* (hoá thân) khởi xướng. Avatar có thể là một người đóng vai bệnh nhân (trong đào tạo y khoa), một du khách (trong đào tạo ngành du lịch), hoặc đơn giản chỉ là một SV chậm hiểu trong lớp, đưa ra câu hỏi để giảng viên có cơ hội

nhấn mạnh hoặc giảng kỹ hơn cho lớp về một vấn đề nào đó. Trong các buổi thực hành thí nghiệm, avatar có thể đóng vai một người bạn học, người này thường đưa ra ý kiến giúp các SV (có thật) khác cách giải quyết vấn đề nhưng cũng có khi lại xúi bậy, đưa ra lời khuyên sai. Điều này khiến các SV luôn luôn phải vận dụng kiến thức của mình để phán đoán, chọn lựa cách làm nào mình cho là đúng. Trong thực tế của những lớp học qua mạng của Đại học Đà Nẵng, việc sử dụng các công cụ và chiến thuật này một cách tinh tế đã khơi dậy được tính tích cực trong phát biểu của SV, đồng thời làm gia tăng số người tham gia thảo luận và chất lượng cuộc thảo luận. Nhiều câu hỏi hầu như không còn cần giảng viên giải đáp vì các ý kiến của SV đưa ra đã giải quyết được vấn đề.

Với loại giao tiếp thứ ba (iii), sự giao tiếp giữa người học với người học có thể thực hiện qua các công cụ nêu trên một cách thường xuyên hoặc qua những buổi giao lưu trực tuyến *đồng thời* (synchronous) được tổ chức theo lịch. Người học được mời giao lưu với bạn bè và khách mời (chuyên gia, ban giám hiệu vv...) vào một thời gian hẹn trước, thường vào cuối tuần để mọi người có thể tham dự. Một nội dung trò chơi như gameshow có thể được lồng ghép vào chương trình để buổi giao lưu thêm hấp dẫn. Trong thời gian qua, những buổi giao lưu trực tuyến như thế đã giúp SV các chương trình đào tạo qua mạng của Đại học Đà Nẵng có cơ hội tiếp xúc với nhà trường, tìm hiểu thêm về phương pháp học tập, chương trình đào tạo, các quy định về thi và kiểm tra... Nhờ hình thức này, nhiều nội dung khác giữa các SV học qua mạng tự động đã được mở ra, phong phú không kém các sinh hoạt của lớp học truyền thống như các buổi sinh nhật, họp mặt cuối tuần, đi dã ngoại v.v... trên mạng hoặc cả trong thực tế (khi điều kiện địa lý cho phép). Đối với nhiều người học, những sự giao tiếp như thế không chỉ mở ra những kênh mới trong xã giao, làm phong phú hơn đời sống học tập của mỗi SV mà chúng còn được ưa thích và chấp nhận vì phù hợp với đặc điểm và hoàn cảnh của mỗi cá nhân.

ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN - HƯỚNG ĐI CHUNG CHO CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Nguyễn Thuận Quý

Phòng Đào tạo – Trường ĐH Đồng Tháp

I. Đặt vấn đề:

Có thể hiểu nôm na khái niệm đào tạo trực tuyến là việc giảng dạy và học tập thông qua máy vi tính nối mạng với một máy chủ ở nơi khác có lưu giữ sẵn giáo trình, học liệu và phần mềm cần thiết để có thể hỏi hay ra đề cho học viên học trực tuyến từ xa. Hoặc giáo viên có thể truyền tải hình ảnh và âm thanh qua đường truyền cáp quang; ADSL hoặc WiFi, WiMAX, mạng nội bộ... để người học lĩnh hội và nắm vững những tri thức, kỹ năng, nghề nghiệp.

Ngày nay, vấn đề đào tạo trực tuyến không còn xa lạ đối với môi trường giáo dục, nó đang dần dần tiến vào hệ thống giáo dục quốc dân với vai trò là loại hình đào tạo có nhiều ưu điểm, tiện ích. Mặc dù ở nước ta hình thức đào tạo trực tuyến đã manh nha từ những năm đầu thập niên 90 với nhiều phần mềm hỗ trợ, trải qua gần 30 năm hình thành và phát triển, hình thức đào tạo trực tuyến đã thể hiện được nhiều lợi ích, số lượt người truy cập vào các trang web đào tạo trực tuyến tăng vọt theo cấp số nhân và nó trở thành tiêu điểm, chủ đề trong các cuộc Hội thảo, Hội nghị, đã xuất hiện một số trường đại học đi đầu trong việc áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến như trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Đại học Tây Bắc, Đại học Công nghiệp TP.HCM, Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM, ĐH Trà Vinh, Sư phạm Hà Nội... Hiện tại, nhiều trường Đại học đang tích góp các điều kiện cần và đủ cho loại hình đào tạo này, và có thể nói, đào tạo trực tuyến đã trở thành hướng đến cho các trường đại học. Mặc dù vậy, hình thức đào tạo trực tuyến vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề cần khắc phục, nói một cách chính xác hơn là đào tạo trực tuyến hiện nay chưa thể thay thế cho hình thức đào tạo truyền thống và nó cần được nâng cao nhiều hơn nữa mới trở thành hướng đi chung cho các trường đại học.

II. Giải quyết vấn đề:

Ở nước ta, đào tạo trực tuyến hiện nay chỉ mới ở bước đầu, chưa có những quy chuẩn, quy định cụ thể. Tuy nhiên, với những tiện ích mà đào tạo trực tuyến mang lại, chúng ta không thể phủ nhận vai trò của nó trong việc nâng cao hiểu biết của con người. Thật dễ dàng để chúng ta tìm kiếm một trang web đào tạo trực tuyến, có nhiều học liệu, tài nguyên dùng để tham khảo. Hiện nay, chúng ta có thể tìm thấy chương trình đào tạo trực tuyến với 3 kênh chính: của các trường đại học trong nước, các chương trình từ nước ngoài đưa vào Việt Nam, của các công ty lập ra. Với những ai đã và đang sử dụng các trang web đào tạo trực tuyến hoặc đang học tập tại các trường có đào tạo trực tuyến đều thấy được lợi ích của hình thức này. Cũng giống như bất cứ công việc gì được trực tuyến như hội họp trực tuyến, tư vấn trực tuyến, giao lưu trực tuyến... đào tạo trực tuyến cũng tiết kiệm được thời gian, không gian; công sức, tiền bạc đồng thời mang lại hiệu quả cao.

Đào tạo trực tuyến sẽ rút ngắn thời gian, không gian đào tạo. Người học có thể học với tốc độ nhanh nhất có thể, người học được chủ động sắp xếp thời gian biểu của mình nhưng phải đảm bảo tốt các bài luận giáo viên giao cho. Bên cạnh đó, việc học tập trực tuyến không mất thời gian đến lớp, đi lại của người học. Để tạo được một lớp học trực tuyến không cần phải xây dựng cơ sở hạ tầng: trường, lớp, bàn, ghế... như các lớp học bình thường, việc học tập trực tuyến diễn ra nhanh khi người học đã tạo lập được tài khoản của mình, và có thể truy cập bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào nếu có đủ các công cụ cần thiết như máy tính, mạng... người học có thể dễ dàng trao đổi với giáo viên, các học viên khác và được giải đáp nhanh chóng.

Đào tạo trực tuyến tiết kiệm chi phí đào tạo. Những ai muốn có được chứng chỉ hoặc bằng cấp, hoặc chỉ là khách truy cập có thể đăng ký tại khóa học mình cần học, có thể truy cập toàn bộ khóa học, người học được cấp một tài khoản và mật mã, sau đó chỉ cần nhập tên đăng nhập và mật khẩu của mình là có thể truy cập và tìm thấy tài liệu, không phải đi lại tốn kém nhiều như cách học thông thường. Chẳng hạn như chi phí cho một khóa CCNA tại vietnamlearning chỉ gần 2,5 triệu đồng, giảm được hơn một nửa nếu học theo cách bình thường ở các trung tâm. Hay

học phí chỉ từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng cho một bài giảng các môn học phổ thông hoặc chỉ 15.000 đồng đến 100.000 đồng cho một môn học theo chuyên đề, đặc biệt, ngày nay các trang web học tiếng Anh trực tuyến xuất hiện càng nhiều, đáp ứng nhu cầu của người học và trung bình người học chỉ mất khoảng 1.000 đồng cho một ngày học, thậm chí có trang web hỗ trợ học miễn phí. Riêng những trang web đào tạo trực tuyến của các trường đại học là hầu như miễn phí và người sử dụng các trang này có thể tải tài liệu, bài giảng về nhà học hoặc tham khảo thêm. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo, bài giảng được sử dụng lại nhiều lần và được nhiều đối tượng sử dụng. Việc không phải xây dựng các “lớp học thực chất” sẽ tiết kiệm được một khoản kinh phí xây dựng, nếu người học là cán bộ, công nhân viên tham gia lớp học trực tuyến cũng có nghĩa là người học vẫn đảm bảo hoàn thành tốt công việc được giao, khắc phục được tình trạng thiếu cán bộ, nhân viên trong các cơ quan, doanh nghiệp khi có nhiều người đi học tại các “lớp học thực chất”.

Không mất nhiều thời gian, tiền bạc cho việc đi lại, học viên tham gia các lớp học trực tuyến sẽ tiết kiệm được sức mình và sẽ chủ động truy cập, tiếp thu bài giảng khi đã chuẩn bị sẵn sàng. Riêng đối với các giảng viên trong đào tạo trực tuyến cũng sẽ tiết kiệm được công sức khi đã thiết lập được bài giảng hoàn chỉnh do bài giảng sẽ được sử dụng nhiều lần.

Đào tạo trực tuyến mang lại hiệu quả cao. Hiệu quả của đào tạo trực tuyến không chỉ dừng lại ở tấm bằng hay giấy chứng nhận mà người đăng ký học nhận được, hơn hết là hiệu quả chuyển biến từ phía người học trên cả hai yếu tố: Tính cách (sự tích cực, chủ động, độc lập) và kiến thức. Trong thời đại công nghiệp như hiện nay, cách học online không chấp nhận thái độ học tập lơ là, chậm chạp và thiếu chủ động, trái lại, khi học trực tuyến đòi hỏi người học phải có động cơ học tập đúng đắn và có nhu cầu mở rộng kiến thức, từ đó, người học mới hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tự định hướng cách học cho mình. Người học nâng cao khả năng sử dụng vi tính, email, xử lý thông tin trên mạng và khả năng giải quyết vấn đề. Đào tạo trực tuyến sẽ giúp số lượng giảng viên giỏi và bài giảng có chất lượng tăng lên

theo cấp số nhân, theo đó, người học được tiếp cận rộng rãi với nhiều giảng viên và bài giảng chất lượng cao.

Hiện nay, rất nhiều trường Đại học đã và đang áp dụng hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Trong tương lai không xa, tất cả các trường cao đẳng, đại học trong toàn quốc đều phải áp dụng hình thức đào tạo này. Học theo tín chỉ giúp người học tích cực, chủ động hơn, tự sắp xếp thời gian biểu và tự lựa chọn giảng viên, sinh viên sẽ tích lũy dần các chứng chỉ, khi nào đủ sẽ được công nhận hoàn thành khóa học. Theo đó, lớp học truyền thống không còn tồn tại nữa. So với đào tạo theo tín chỉ thì đào tạo trực tuyến cũng có một số điểm chung như vậy. Nhưng đào tạo trực tuyến đòi hỏi phải có một số điều kiện bắt buộc, cần và đủ để nâng cao chất lượng đào tạo. Hiện nay nhìn chung các trường Đại học đã đáp ứng được một số điều kiện đó, chẳng hạn như cơ sở vật chất (hệ thống công nghệ thông tin, học liệu...), con người (đội ngũ quản lý, giảng viên...). Tuy nhiên, để đảm bảo tính thường xuyên, liên tục, chất lượng đào tạo và mở rộng lĩnh vực đào tạo trực tuyến, đòi hỏi các trường phải sở hữu một lượng lớn tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo. Muốn vậy, đòi hỏi phải có đội ngũ giảng viên có chuyên môn giỏi, sẵn sàng giải quyết các vấn đề gặp phải.

Việc đào tạo trực tuyến tại các trường Đại học sẽ giúp nhân rộng việc quảng bá thương hiệu của nhà trường, đây là điều mà các trường Đại học đều mong muốn. Tuy nhiên, để công tác đào tạo trực tuyến đạt hiệu quả cao, các trường Đại học phải đảm bảo một số yêu cầu về hệ thống phần mềm như: đăng ký môn học, học viên, lịch trình giảng dạy, tài chính, chất lượng của chương trình... Điều quan trọng nhất là phải có các tài liệu học tập tốt.

Đào tạo trực tuyến mở rộng đối tượng tham gia học, mở rộng không gian, không giới hạn địa phương, tuổi tác, khi người học có nhu cầu đều có thể đăng ký tham gia các lớp trực tuyến. Chúng ta có thể hình dung ra một xã hội học tập tương lai với máy tính, mạng Internet mà không cần phải sắp xếp lớp học với bàn ghế, bảng đen, và ai cũng có thể học tập theo nhu cầu của mình chỉ cần những cái nhấp chuột vào trang web của một trường đại học nào đó. Có một thực tế mà chúng ta

phải chấp nhận và dần dần mới có thể khắc phục được là cho dù hệ thống công nghệ thông tin rất phát triển nhưng việc đào tạo trực tuyến vẫn phải kết hợp với những bài giảng truyền thống để người học dễ tìm kiếm và theo học.

III. Kết luận:

Việt Nam đã mở cửa hội nhập, chúng ta có thể tự mình nhập và xuất khẩu tri thức ra thế giới, do đó nền giáo dục nước ta cũng phải đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Áp dụng hình thức đào tạo trực tuyến sẽ đáp ứng được nhu cầu học tập của xã hội, đặc biệt là đối tượng vừa làm vừa học, giúp người học bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng khi họ thực sự cần.

Thực tế, tại Việt Nam, đào tạo trực tuyến chưa thể thay thế phương thức đào tạo truyền thống, do nó chỉ đang ở mức sơ khai, số lượng và chất lượng chưa cao, phạm vi và đối tượng tham gia còn hạn chế, thiếu các cơ sở vật chất cần thiết. Theo Thạc sỹ Tiệp Lê - trường University of Sungkyunkwan, TP Seoul, Hàn Quốc nhận xét: Đào tạo trực tuyến ở Việt Nam rất cần một cú hích lớn trên nhiều bình diện. Thật vậy, để nâng cao số lượng và chất lượng của đào tạo trực tuyến, chúng ta còn phải mất nhiều thời gian, tiền của và công sức, điều này rất cần sự chung tay xây dựng của các trường Đại học trong nước. Mọi việc gì khi mới bắt đầu đều có khó khăn, đào tạo trực tuyến cũng vậy, nhưng khi đã tạo lập được thì rất tiện ích và mang lại hiệu quả lâu dài, lợi ích thu được rất lớn. Chúng ta có thể khẳng định rằng đào tạo trực tuyến có chất lượng sẽ mở ra một lối đi rộng và hiệu quả cho giáo dục Việt Nam, và rằng các trường Đại học sẽ đóng vai trò vô cùng quan trọng trong lối đi ấy, bởi vì các trường đại học sẽ là những nhịp dẫn chủ yếu để kết nối người học với tri thức thông qua hệ thống công nghệ cao.

Tài liệu tham khảo

“Đào tạo trực tuyến- Cần cú hích trên nhiều bình diện”, <http://www.media.vn>.

ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN MẢNH ĐẤT GIÀU TIỀM NĂNG

Nguyễn Phước Tài

Phòng Thanh tra Đào tạo – Trường ĐH Đồng Tháp

Chỉ cần một máy tính nối mạng và mật mã tài khoản do thẻ trả trước cấp của một trang web đào tạo trực tuyến là chúng ta có thể dễ dàng tham gia một lớp học trên mạng Internet, đó là lớp học trực tuyến. Ở đó có thầy, học viên và học liệu, nhưng không tồn tại các cơ sở vật chất của một lớp học thường thấy. Người học có thể học bất cứ khi nào, và bất cứ nơi nào. Những lợi ích của hình thức học trực tuyến rất nhiều như linh hoạt, đáp ứng được nhu cầu thực tế của người học, rẻ, nhanh v.v... Bên cạnh đó hiện nay vẫn tồn tại một số vấn đề cần khắc phục trong phương thức đào tạo này như: không tránh khỏi việc làm bài hộ nếu người học không có ý thức học tập nghiêm túc, sự quá tải khi cùng lúc có nhiều người truy cập, khâu quản lý chưa chặt chẽ, quy mô chưa lớn và chất lượng đào tạo chưa cao, v.v... Tuy nhiên, chúng ta thấy rằng đào tạo trực tuyến là một mảnh đất giàu tiềm năng.

1. Một vùng đất mới mẻ:

Đào tạo trực tuyến chỉ mới trở thành trào lưu trong vài năm trở lại đây, chủ yếu là những phần mềm giảng dạy trực tuyến chương trình trung học phổ thông. Nó thật sự chỉ đang bước đi những bước đầu tiên trên con đường dài phía trước. Ở Việt Nam, việc áp dụng hình thức đào tạo này chỉ là đợt thử nghiệm, có khoảng hơn 10 trang web đào tạo trực tuyến nhằm mục đích kinh doanh, còn các trường Đại học thì vừa đào tạo vừa tìm hiểu thêm. Chính vì còn mới mẻ nên còn gặp nhiều khó khăn, nhưng điều đó cũng giúp cho những người am hiểu hình thức đào tạo online này có điều kiện thể hiện mình. Trong cuộc cạnh tranh mà ai cũng có cơ hội ngang nhau thì phần thắng sẽ thuộc về những người có tâm huyết và có sức lâu bền.

Tuy vậy, việc khai phá một vùng đất mới đòi hỏi phải có sức lực và thời gian cùng với khả năng tài chính.

2. Đáp ứng nhu cầu xã hội:

Việc áp dụng các dịch vụ trực tuyến không chỉ là xu thế tất yếu của thế giới mà ngay ở Việt Nam thì nhu cầu này ngày càng mạnh mẽ.

Ở nước ta đã và đang áp dụng hình thức thi trắc nghiệm đối với kỳ thi Tốt nghiệp phổ thông và thi Tuyển sinh vào Cao đẳng, Đại học, đây là điều kiện thuận lợi cho các trang web đào tạo trực tuyến phát triển. Bởi vì học sinh sẽ dễ dàng học tập, tham khảo thêm một kênh thông tin bổ ích ngoài giờ học trên lớp.

Ngày nay, nhu cầu học tập nâng cao trình độ, kỹ năng để phục vụ tốt hơn cho công việc, nhiều cán bộ, nhân viên mong muốn được trang bị thêm kiến thức ngày càng nhiều. Sự lựa chọn đầu tiên của các công ty, doanh nghiệp là các phần mềm đào tạo trực tuyến, họ cho nhân viên của mình tham gia các lớp học trực tuyến mà không phải lo lắng nhiều đến công việc của công ty vì nhân viên của họ vẫn phải làm việc bình thường và chỉ học tập khi sắp xếp được thời gian thuận lợi nhất.

3. Nhiều tiện ích:

Đào tạo trực tuyến vừa nhanh, vừa rẻ lại linh hoạt. Khi tham gia các lớp học trực tuyến, người học được chủ động sắp xếp thời gian biểu cho mình, nếu người học vượt qua được các bài kiểm tra và hoàn thành các bài luận mà giáo viên quy định thì có thể rút ngắn thời gian học tối đa. Kinh phí cho một chứng chỉ hoặc một bài giảng lại rất rẻ, có khi tiết kiệm được một nửa kinh phí so với học tập tại các lớp học bình thường, thậm chí có những bài giảng chỉ tốn vài ngàn đồng. Học online, người học không mất thời gian, tiền của cho việc đi lại, có thể học bất kỳ lúc nào và địa điểm tự do.

Một tiện ích nổi bật nữa của hình thức đào tạo trực tuyến là người học hoàn toàn chủ động trong việc tiếp thu tri thức, người học chỉ đăng ký học một lớp nào đó khi họ cần tìm hiểu, cần được trang bị kiến thức do lớp học đó mang lại.

4. Có các điều kiện cần thiết để phát triển:

Các điều kiện cần ở đây phải nói đến 2 phía: Phía đào tạo và phía người học.

- Phía đào tạo: Mạng các trường đại học rộng khắp trong cả nước, rất nhiều trường đã có kinh nghiệm trong việc đào tạo nguồn nhân lực, nắm được nhu cầu của xã hội. Các trường đang sở hữu một nguồn tài nguyên vô giá, đó là con người - những giảng viên chất lượng cao, đây sẽ là chủ xây dựng các bài giảng chất lượng. Đồng thời, các doanh nghiệp, các công ty thiết kế phần mềm đang hướng đến hình thức đào tạo này để thu lợi nhuận, họ có đủ các điều kiện về người và của để nhân rộng mô hình đào tạo trực tuyến.

- Phía người học: Hàng chục triệu người đang sử dụng Internet, hàng chục triệu học sinh, sinh viên và công nhân viên có điều kiện học tập trực tuyến, đây sẽ là lượng khách hàng đông đảo giúp cho việc đào tạo trực tuyến mở rộng được quy mô.

Mạng lưới công nghệ thông tin đang mở rộng đến tận các vùng nông thôn, miền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho mọi người có dịp tiếp xúc với hình thức đào tạo trực tuyến.

Với các mặt phân tích trên, có thể khẳng định đào tạo trực tuyến đang cần những chuyên gia ươm mầm cho sự phát triển nhảy vọt về sau. Trong tương lai, hình thức này sẽ thu hút được đông đảo khách hàng (học viên) bởi những tiện ích của nó. Muốn vậy, ngay từ bây giờ các trường Đại học, các công ty cần chú trọng đến việc quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường và lĩnh vực đào tạo, bên cạnh đó rất cần đảm bảo chất lượng đào tạo. Hình thức đào tạo trực tuyến thật sự đáp ứng yêu cầu của chủ trương xã hội hóa giáo dục.

THỰC TRẠNG VỀ MÔ HÌNH ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Vũ Thị Thái

Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên

Năm học 2008- 2009 có tên là “Năm học ứng dụng công nghệ thông tin(CNTT)” nhằm tạo bước đột phá trong ứng dụng CNTT, góp phần thực hiện nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng “Chuẩn hóa, hiện đại hóa”. Với năm học này, chương trình công nghệ giáo dục được triển khai trên cơ sở áp dụng CNTT trong dạy và học, hỗ trợ đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, tích hợp ứng dụng CNTT trong từng ngành học, môn học một cách tích cực, hiệu quả và sáng tạo; tác động tích cực nhằm phát huy tính tự học, tự nghiên cứu tìm tòi thông tin cho người học, tạo điều kiện để người học có thể học ở mọi nơi, mọi lúc, tìm được nội dung học phù hợp; xóa bỏ sự lạc hậu về công nghệ và thông tin do khoảng cách địa lí đem lại.

Trong chương trình công nghệ giáo dục có đưa ra những giải pháp để đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giáo dục. Một trong những giải pháp đó là: triển khai mạnh mẽ công nghệ E-Learning. Tổ chức cho giáo viên, giảng viên soạn bài giảng điện tử E-learning trực tuyến; tổ chức các khóa học trên mạng; tăng tính mềm dẻo trong việc lựa chọn cơ hội học tập cho người học.[1]

Một trong những hình thức đào tạo bằng E-learning là hình thức đào tạo trực tuyến (Online learning/Training), đây là hình thức đào tạo có sử dụng kết nối mạng để thực hiện việc dạy và học. Người học có thể học trực tuyến qua Internet, có thể lấy tài liệu tự học trên mạng, giao tiếp giữa người học và người dạy, giữa người học với nhau thông qua các diễn đàn học tập, phòng chat, E-seminar...

Lâu nay trong các khóa học giáo dục từ xa trên web thông tin dưới dạng văn bản được chuyển thành dạng điện tử và đưa lên trang web để người học đọc hoặc in ra rồi học. Với thể loại này tài liệu cho người học được chuyển tải một cách nhanh

chóng, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc tìm kiếm và các thao tác trên văn bản, tăng sự dễ dàng trong việc cập nhật và sửa chữa và phát triển thông tin. Tuy nhiên các khóa học trực tuyến kiểu dựa trên văn bản thường phải bổ sung thêm bằng các công cụ tương tác như các diễn đàn, chat... mà tác dụng của nó thường ít hiệu quả, khả năng hỗ trợ trực tuyến của người thầy bị hạn chế và không phải lúc nào cũng có thể thực hiện được.

Hiện nay thể loại thứ hai của các khoá học trực tuyến đang được phổ biến một cách tích cực và tỏ ra có nhiều ưu việt vì nó sử dụng được sức mạnh của Internet như một môi trường dạy và học. Trong hình thức đào tạo trực tuyến này, mọi tài liệu và hoạt động của các khoá học đều được cung cấp từ các dịch vụ của Internet. Các đối tượng học là những thành phần trực tuyến gồm có: văn bản (chỉ xuất hiện trong những đoạn ngắn gọn, súc tích), thư điện tử, bàn thảo luận (discussion board), các công cụ để nói chuyện (chat utilities), tiếng nói (voice), thông điệp (instant messaging); video clips; các hoạt động tương tác lẫn nhau (interactive activities), các mô phỏng (simulations); các bài tập tự đánh giá (selfgrading exercises), các bài thi vấn đáp (quizzes), các bài kiểm tra, các kho thông tin (websites)... Xung quanh các thành phần kể trên một mô hình đào tạo hoàn chỉnh được xây dựng vừa có thể dùng để tổ chức đào tạo vừa có thể dùng để tự đào tạo, vừa có thể áp dụng đối với hình thức đào tạo tập trung, vừa có thể áp dụng đối với hình thức đào tạo từ xa và phân tán.

Ở Việt Nam, những yếu tố cơ bản góp phần đảm bảo sự thành công của chương trình công nghệ giáo dục (trong đó có đào tạo trực tuyến) là hiện nay chúng ta đã xây dựng được website e- learning <http://el.edu.net.vn> để tuyên truyền, phổ cập công nghệ. Đã Việt hóa phần mềm mã nguồn mở Moodle (để xây dựng và quản lý hệ thống học tập trực tuyến), đã sử dụng chuẩn công nghệ SCORM (chuẩn được thế giới công nhận, để có thể hợp tác và phát triển trong lĩnh vực CNTT) và đang triển khai chuyển giao các phần mềm công cụ tạo bài giảng đạt chuẩn quốc tế miễn phí giúp xuất bản các định dạng file tuân chuẩn SCORM như eXe, Lectora, Violet... phù hợp với nhu cầu Việt Nam (hiệu quả cao, tiết kiệm, dễ sử dụng và khai thác).

Với cách làm này chúng ta có thể tận dụng được các nguồn bài giảng của các nước khác, tiến tới đuổi kịp, chia sẻ và hòa nhập với khu vực và quốc tế trong lĩnh vực ứng dụng CNTT nhằm thực hiện tiêu chí giáo dục mới: học mọi nơi, học mọi lúc, học theo sở thích, và học suốt đời (lifelong learning). E-Learning cùng tồn tại và bổ sung cho các phương pháp học tập truyền thống.

Hiện nay, E-Learning đang trở thành một hình thức học tập phổ biến ở một số nước phát triển trên thế giới. Để tồn tại, phát triển và hội nhập, bên cạnh việc nghiên cứu kỹ lưỡng về cơ sở lý luận của loại hình đào tạo này chúng ta cần phải tích cực áp dụng những tiến bộ mới của khoa học và công nghệ, tạo khả năng đi tắt, đón đầu nhằm thực hiện thắng lợi chương trình công nghệ giáo dục.

Với sự trợ giúp của cộng đồng Moodle Việt Nam trong vấn đề Việt hoá và hướng dẫn phát triển Moodle cho hệ thống E-Learning, trong một vài năm gần đây (từ 2006) trường Đại học Sư phạm- Đại học Thái Nguyên đã tiến hành nghiên cứu, thiết kế và sử dụng các bài giảng e-learning. Bước đầu thử nghiệm triển khai hình thức đào tạo trực tuyến ở một số nội dung như học phần Hình học sơ cấp (chuyên ngành Toán), Bản đồ học (chuyên ngành Địa lí) ở mức độ kết hợp E-Learning với lớp học truyền thống.

Toàn bộ nội dung chương trình của học phần Hình học sơ cấp cũng như Bản đồ học được truyền tải lên website: <http://www.daotaotruoctuyen.org> Kiến thức môn học được chia thành các môđun nhỏ (theo từng tuần), ở mỗi môđun có các phần: đặt vấn đề, kiến thức cơ bản, kiến thức nâng cao và bộ câu hỏi trắc nghiệm kiểm tra, đánh giá khả năng nhận thức của SV.

Học phần Hình học sơ cấp ở trường ĐHSPT nhằm mục tiêu rèn luyện kỹ năng giải toán, bổ sung một số kiến thức hình học nâng cao, ứng dụng hình học cao cấp để soi sáng hình học sơ cấp. Học phần được tính 06 đơn vị học trình (tương đương với 90 tiết). Đã có 440 SV tham gia, trong đó có 180 SV đã hoàn thành khóa học theo hình thức đào tạo trực tuyến, 260 SV còn lại đang tiếp tục tham gia học tập theo hình thức này. Các SV tham gia học theo từng tuần, kết thúc mỗi tuần sẽ có các bài kiểm tra kiến thức. Điểm số đánh giá của SV sẽ căn cứ vào các yếu tố như: Bài thi,

tham gia diễn đàn, làm các bài tập lớn, thời gian tham gia học tập... kết hợp với các bài tự luận trên lớp học truyền thống.

Học phần Bản đồ học ở trường ĐHSP nhằm mục tiêu trang bị cho sinh viên những khái niệm cơ bản về bản đồ học, bản đồ địa lí; cơ sở toán học của bản đồ; ngôn ngữ bản đồ; tổng quát hoá bản đồ; những nguyên tắc thành lập và sử dụng bản đồ; bản đồ giáo khoa và việc sử dụng bản đồ trong dạy - học ở trường phổ thông. Học phần được tính 04 đơn vị học trình (tương đương với 60 tiết). Đã có trên 50 SV đăng tham gia theo hình thức đào tạo trực tuyến ở học kì 2 tới.

Qua thực nghiệm ban đầu cho thấy tính khả thi của hình thức đào tạo trực tuyến ở trường ĐHSP- ĐHTN, khẳng định sự cần thiết cần phải thiết kế các mô hình cho hệ thống E-Learning (cổng đào tạo trực tuyến) trong tương lai của nhà trường. Trong tương lai nhà trường sẽ tiếp tục nghiên cứu khả năng triển khai đào tạo trực tuyến ở một số mô đun như: nghiệp vụ sư phạm, phương pháp dạy học, nghiên cứu khoa học... từ đó, đề xuất tiến trình dạy học phù hợp với định hướng đổi mới giáo dục.

Tài liệu tham khảo

- 1- Quách Tuấn Ngọc. *Ứng dụng CNTT trong đào tạo giáo viên- Kí yếu hội thảo “Ứng dụng CNTT trong đào tạo bồi dưỡng giáo viên ở Việt Nam”*. Hà Nội 8-2008”.)
- 2- Nguyễn Danh Nam. “*Xây dựng và triển khai đào tạo trực tuyến học phần hình học sơ cấp cho sinh viên sư phạm ngành Toán*”. Thái Nguyên 9-2007.
- 3- Bài giảng điện tử học phần “Hình học sơ cấp” (tác giả Nguyễn Danh Nam) và học phần “Bản đồ học” (tác giả Đỗ Vũ Sơn) cho hệ thống e-learning.

BÀI GIẢNG ĐIỆN TỬ BÀN THÊM VỀ HAI CHỮ “TƯƠNG TÁC”

Trần Xuân Tuyền

Công ty Phần mềm giáo dục Khai Minh

“Bài giảng điện tử” là khái niệm được nhắc tới khá nhiều trong thời gian qua, nhất là trong bối cảnh toàn ngành giáo dục thể hiện rõ quyết tâm đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong trường học. Nói đến bài giảng điện tử, vấn đề được thảo luận sôi nổi nhất chính là hai chữ “tương tác”. Các ý kiến và thắc mắc được lặp lại nhiều lần trên nhiều diễn đàn giáo dục, trong nhiều cuộc hội thảo, cụ thể là: một bài giảng điện tử sẽ tương tác như thế nào; những đặc điểm và tính chất gì một bài giảng điện tử cần có để thể hiện tính tương tác... Trên cơ sở những cuộc trao đổi đó, bài viết này sẽ tổng hợp cách hiểu từ nhiều góc độ và cố gắng nêu ra một nhận định tổng quát nhất.

Trước hết, theo ý kiến từ các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý giáo dục và các chuyên gia đầu ngành đã nhấn mạnh trong thời gian qua, một bài giảng điện tử không đơn thuần chỉ là một bài trình chiếu (dạng PowerPoint hay các thể loại tương tự). Trước đây khi thiết bị trình chiếu còn đắt đỏ và bài trình chiếu còn chưa phổ biến, các thầy cô giáo thường dùng những bức hình tự vẽ (hay do học trò vẽ) phóng to từ những bức hình trong sách giáo khoa hoặc dùng những tấm họa đồ in sẵn do các đơn vị sản xuất giáo cụ trực quan cung cấp. Với các thiết bị phụ trợ giảng dạy này, tiết học trở nên sinh động và hấp dẫn hơn rõ rệt.

Ngày nay, các bài trình chiếu cải thiện hiệu quả giảng dạy và học tập gấp nhiều lần các bức vẽ trên giấy trước đây. Những ý tưởng mới mẻ, những nội dung tham khảo phong phú và phức tạp được đưa thêm vào bài trình chiếu một cách dễ dàng. Mặc dù khởi đầu việc soạn thảo các bài trình chiếu tạo ra một vài trở ngại cho các thầy cô, thật khó có thể phủ nhận những tác dụng tích cực mà sự “đổi mới” này mang tới. Nhưng tựu chung lại, dù có tác dụng giúp cho bài giảng hấp dẫn hơn, lôi

cuốn người học hơn, cách làm này vẫn chỉ là một hình thức lật qua lật lại các bức “hoạt hình” thay vì các bức hình tĩnh trước kia mà thôi.

Trong khi đó, xã hội hiện đại và nền kinh tế tri thức ngày càng tạo ra áp lực lớn hơn đối với học viên, yêu cầu họ phải có khả năng tiếp cận, phân tích, chắt lọc và ghi nhớ kiến thức một cách nhanh chóng, chuẩn xác. Về phía giáo viên, việc đưa học trò vào vị trí trung tâm của tiết học, tăng cường tính chủ động, phát huy sự sáng tạo và tư duy độc lập của người học thay vì “thầy đọc trò chép” theo cách truyền thống vẫn là điều trăn trở lâu nay. Chính vì vậy, có thể nói cả người dạy và người học dường như chưa bao giờ thôi đòi hỏi một mô hình, một phương pháp học tập và đào tạo thật sự “đổi mới”, có khả năng hỗ trợ họ giảm bớt căng thẳng, tiết kiệm thời gian mà vẫn đạt thành tích cao như mong đợi.

Để đáp ứng được đòi hỏi này, các bài giảng phải có tính tương tác. Không những chỉ tương tác với nội dung, chẳng hạn người học có thể sao chép bài giảng vào đĩa CD rồi mang về nhà tự học, tính tương tác còn thể hiện ở chỗ người học có khả năng trao đổi trực tiếp với người khác, tức thầy giáo hay bạn học mọi lúc mọi nơi. Nhưng dù dưới hình thức tương tác nào, với nội dung hay với người khác hay cả hai, một bài giảng điện tử luôn cần hội tụ những đặc tính sau đây:

Kiểm tra

Những câu hỏi trắc nghiệm được lồng ghép ngay sau mỗi phần học; những phương án trả lời đủ lắt léo và đủ khó để khiến người học phải động não nhớ lại những gì vừa học. Như vậy, người học không chỉ đọc lướt rồi... quên như trước đây mà một cách tự nhiên, họ được tạo cơ hội để củng cố kiến thức ngay khi bài học còn chưa kết thúc. Sự suy luận để trả lời câu hỏi, dù câu hỏi dễ, tạo ra một thói quen tư duy rất tốt. Đó là chưa kể sự suy luận liên tục này chính là tác nhân kích thích người học tập trung hơn vào bài học. Quan trọng là sự tập trung đó hoàn toàn tự nhiên, tự giác và tự nguyện xuất phát từ phía người học chứ không phải từ sự áp đặt từ phía giáo viên.

Đánh giá

Thay vì luôn cần một người thầy giáo giám sát, chấm bài và cho điểm, bài giảng điện tử có khả năng làm tốt nhiệm vụ này. Trong khi thầy giáo mất nhiều phút để đọc bài, chữa bài và cho điểm, chức năng đánh giá của một bài giảng điện tử làm việc đó nhanh hơn rất nhiều. Không chỉ dừng lại ở mức cho điểm, chức năng đánh giá này còn có khả năng cho biết người học đã hiểu bài được bao nhiêu phần trăm, hiểu tốt nhất ở phần nào, kém nhất ở phần nào... Nó cũng có khả năng thống kê kết quả trên mặt bằng chung và đưa ra sự so sánh với các học viên khác. Kết quả đánh giá có thể được lưu trữ vào hồ sơ cá nhân và ảnh hưởng ngay lập tức đến hệ thống xếp loại thứ bậc được công bố công khai thường xuyên. Điều này giúp học sinh có thêm động lực phấn đấu trong học tập. Tuy vậy, khả năng đánh giá này của bài giảng điện tử ít hữu dụng trong trường hợp môn học thuộc nhóm văn học hay nghệ thuật.

Dẫn hướng

Trong một lớp học có vài chục học sinh, khả năng nắm bắt và tiếp thu của các học sinh là rất khác nhau. Thật khó khăn nếu một thầy giáo phải giúp đỡ từng học sinh củng cố và lấp lỗ hổng kiến thức để đạt tới sự thấu hiểu tường tận bài học. Đôi khi, sự nỗ lực của người thầy trong trường hợp này không tạo ra kết quả như mong muốn mà ngược lại, học trò có thể nảy sinh tâm lý ỷ lại vào thầy giáo. Bài giảng điện tử tỏ ra có ưu thế hơn, vì một bài giảng điện tử đúng nghĩa phải có khả năng dẫn hướng người học theo kiểu step - by - step (từng bước một) để đi từ phần tham khảo này tới phần tham khảo phù hợp tiếp theo.

Kéo thả

Nói đến sự tương tác không thể không kể đến những tình huống mà ở đó người học thực sự được cầm nắm, dịch chuyển các đối tượng thí nghiệm để xem xét các kết quả tương ứng. Ví dụ, trong bài thí nghiệm môn vật lý về tác dụng lực, học sinh có thể kéo vật tác dụng về các hướng khác nhau rồi thả ra để xem kết quả. Hay đơn giản hơn, trong bài toán vẽ đồ thị, người học phải có khả năng thay đổi các

nhánh đồ thị tùy ý và sự thay đổi tọa độ tương ứng được hiển thị tức thời. Hoạt động tương tác này có ý nghĩa rất lớn, thực sự trao quyền làm chủ bài học vào tay các học viên.

Ghi chú

Kể cả khi bài giảng đã được số hóa, cả người dạy lẫn người học vẫn luôn cần một thứ, đó là giấy nháp hay bảng nháp. Có thể khẳng định một điều phần ghi chú trong PowerPoint rất ít khi được sử dụng, đơn giản vì đó chỉ là phần ghi chú thêm của người soạn bài trình diễn đó. Một bài giảng điện tử cũng vậy, không chú trọng phần ghi chú dùng cho người soạn nhưng rất chú trọng đến phần ghi chú cho người giảng và người học. Một bài trình chiếu dạng PowerPoint chưa đáp ứng được điều này, trong khi bài giảng điện tử thì bắt buộc phải có. Nghiên cứu một vài mẫu bài giảng của BlackBoard hay Skillsoft để thấy, cùng mở một bài giảng có nội dung hoàn toàn tương tự, nhưng mỗi người dù là giảng viên hay học viên đều được cung cấp một khu vực riêng để ghi nháp. Lần sau mở ra, phần ghi nháp vẫn còn nguyên ở đó, đôi khi chứa những thông tin tóm lược rất quan trọng về bài giảng.

Đánh dấu

Tương tự như ghi nháp, một bài giảng điện tử sẽ phải cung cấp khả năng đánh dấu hay tô đậm những phần quan trọng. Điểm mấu chốt ở đây vẫn là: Cùng một nội dung, nhưng nhiều người có thể có những phần tô đậm riêng cho mình mà không ảnh hưởng tới người khác. Rõ ràng, mỗi trang bài giảng đã trở thành trang sách của riêng từng học viên, họ muốn đánh dấu màu vàng hay màu đỏ ra sao tùy ý miễn là dễ nhớ và dễ thuộc. Điều này rất khác so với bài trình chiếu khi mà người học chỉ được... xem qua và nghe giáo viên diễn thuyết một cách thụ động.

Ngoài các đặc tính trên, ngày nay khi Internet ngày càng thông dụng và phổ biến, bài giảng điện tử còn thể hiện được những điểm vượt trội mà một bài giảng truyền thống hay một bài trình chiếu không thể so sánh được. Những đặc tính này bao gồm:

Trao đổi

Không chỉ là sao chép theo lối “copy” và dùng lại, một bài giảng điện tử đúng nghĩa phải luôn trong trạng thái mở và động, nghĩa là không chỉ tác giả mà cả những soạn giả khác có đủ quyền hạn cũng có thể cập nhật bổ sung bài giảng bất cứ lúc nào. Với cách làm đó, kiến thức được trao đổi không ngừng giữa những người soạn, người giảng và người học từ khắp mọi nơi dưới nhiều hình thức như bằng chữ viết, bằng hình ảnh và bằng lời nói. Tất cả quy trình trao đổi này phải diễn ra một cách trực tuyến, trực tiếp, và có hiệu quả ngay lập tức. Đó là chưa kể một bài giảng điện tử luôn cần hợp chuẩn, tức là có thể trao đổi trên phạm vi toàn cầu, trao đổi qua nhiều hệ thống đào tạo khác nhau và cho phép chỉnh sửa tối đa.

Cùng sáng tạo

Một lần nữa, bài giảng điện tử tỏ rõ sức mạnh của công nghệ. Trong khi một bài giảng truyền thống hay bài trình chiếu chủ yếu mang tới sự tham khảo và mang tính áp đặt khá cao từ phía giảng viên thì ngược lại, bài giảng điện tử đem lại cho học viên sự chủ động. Một lớp học ảo với nội dung học tập là các bài giảng điện tử sẽ trở nên gần giống lớp học thật hơn bao giờ hết, vì tất cả mọi người có khả năng tương tác với nhau thật sự. Nếu một game online có thể tạo ra một cộng đồng giống như thật, nơi mà nhiều người có thể cùng nói chuyện, cùng tham gia vào một cuộc phiêu lưu, cùng săn bắt hái lượm... thì một lớp học online với các bài giảng điện tử cũng có thể tạo ra một cộng đồng như vậy, nơi mà mọi người cùng nhau đóng góp ý kiến mới, ý tưởng lạ trong việc giải một bài toán khó hay cùng nhau thử nghiệm sự sáng tạo trong các thí nghiệm hóa học và chứng kiến các kết quả được tạo ra.

Sự điều phối

Như vậy, một bài giảng điện tử đúng nghĩa luôn gắn liền với một hệ thống, thường được gọi chung là hệ thống e-Learning hay hệ thống học tập từ xa qua môi trường mạng. Sự gắn kết này là tất yếu, vì nếu không thì một bài giảng điện tử sẽ chỉ còn phần “bài” mà thiếu mất phần “giảng” mặc dù khi đó nó cũng đã bỏ xa một bài trình chiếu thông thường, vì bản thân bài giảng đó đã có khả năng tương tác về nội

dung với người học như đã trình bày ở trên. Khi đồng ý rằng sự gắn kết này là tất yếu, nhất thiết phải tính đến việc điều phối bài giảng, vì một buổi học là sự kết hợp của cả 3 đối tượng người dạy, người học và bài giảng chứ chỉ riêng bài giảng điện tử đơn thuần khó có thể tạo ra buổi học.

Trong buổi học, nhiều học viên cùng lớp đang ngồi ở khắp mọi nơi có khả năng quan sát cùng một nội dung trên màn hình, thấy được giảng viên đang thao tác trên các nội dung học tập đó. Chức năng điều phối bài giảng cho phép giáo viên cấp quyền cho học viên nào được làm gì tiếp theo trên các nội dung đó, được phát biểu ý kiến nhưng không được phép xóa sửa một đồ thị do người khác mới vẽ chẳng hạn... Họ chỉ được phép sửa khi ý kiến được chấp nhận và được giáo viên cho phép.

Kết luận

Tóm lại, ngày nay, bài giảng điện tử là một nhân tố quan trọng trong môi trường giáo dục đào tạo, đem lại cơ hội học tập hiệu quả với chi phí thấp cho nhiều người, đưa công tác giảng dạy và học tập sang một trang mới. Dù còn nhiều đặc tính chưa được bàn đến, nhưng một bài giảng điện tử thực thụ luôn cần có những đặc tính nêu trên, vì bản thân bài giảng đó đã phải có khả năng “giảng” cho người học, góp phần giảm thiểu công sức cho người thầy và quan trọng hơn, mục đích cuối cùng là phải giúp cho người học nâng cao ý thức chủ động, tích cực, cộng tác và chia sẻ.

E-LEARNING TRONG TRƯỜNG HỌC VIỆT NAM

Trần Xuân Tuyền

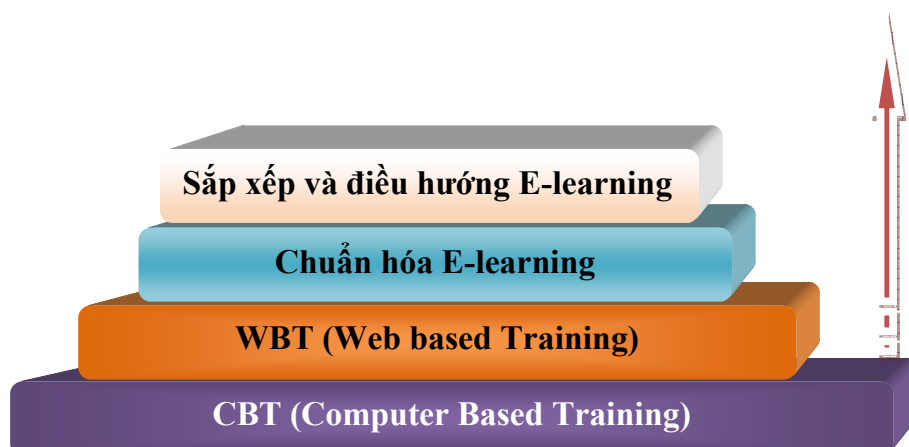
Công ty Phần mềm giáo dục Khai Minh

I. KHÁI QUÁT VỀ E - LEARNING

1. Giới thiệu chung :

"E-learning là phương pháp học được hỗ trợ bằng công nghệ thông tin và truyền thông (Information and Communication Technology-ICT)."

Cho đến nay, E-learning đã phát triển qua các giai đoạn đồng hành với sự phát triển của công nghệ thông tin:



CBT(computer based training):

- Đây là hình thức đào tạo dựa trên máy tính. Học viên cần mua phần mềm và có thể học ở bất cứ thời gian hoặc địa điểm mà họ thấy phù hợp.
- Không có sự tương tác giữa người học và giáo viên hướng dẫn, cũng như giữa những người học với nhau.
- Thích hợp với những môn học cần hiệu ứng của công nghệ thông tin như Anh văn, Tin học và đòi hỏi tính tự giác cao của người học.

WBT (Web based training):

- Là hình thức đào tạo dựa trên công nghệ web. Khi tham gia hình thức đào tạo này, học viên cần có máy tính nối mạng internet và có thể học ở bất cứ nơi đâu, bất cứ thời điểm nào.
- Có sự tương tác trực tuyến giữa những người học cũng như giữa người học với giáo viên hướng dẫn tạo sự hứng thú cho người học.

Chuẩn hóa E-learning :

- Nhiều LMS (Learning Management System: Hệ quản trị học tập), LCMS (Learning content Management System: Hệ quản trị nội dung) đã ra đời với những kho nội dung riêng biệt.
 - Nhu cầu của các tổ chức sử dụng lại nội dung của tổ chức khác trên chính LMS của mình.
 - Nhu cầu thiết lập các chuẩn chung cho việc tạo lập các bài giảng của E – learning giữa các tổ chức.
- SCORM là chuẩn được sử dụng rộng rãi nhất do ADL (Advance Distributed Learning) thiết lập.

Sắp xếp và điều hướng E-learning:

- Xây dựng các khóa học động là các khóa học mà nội dung luôn được cập nhật trong quá trình đào tạo và được định hướng theo yêu cầu, trình độ của người học.
- Các chuẩn nội dung cũng được cập nhật liên tục để phù hợp với yêu cầu mới.
- Tuy nhiên việc áp dụng các chuẩn vào điều hướng và sắp xếp cho mỗi hệ thống cần có quá trình tìm hiểu, phân tích sâu sắc về đòi hỏi thực tế của hệ thống E-learning.

2. Đặc điểm của Elearning:

Rất nhiều môn học mà nội dung có tính kỹ năng và quy trình, thay đổi nhanh, yêu cầu cập nhật kịp thời sẽ là những nội dung thích hợp của E-learning. E-learning không phù hợp lắm với các kỹ năng trong các môn như múa, nhạc, họa...

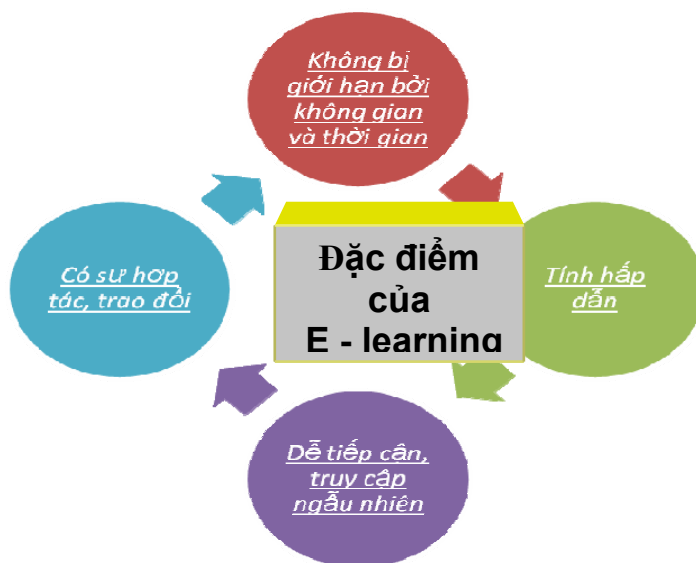
Không bị giới hạn bởi không gian và thời gian: nhờ sự phổ cập rộng rãi của Internet.

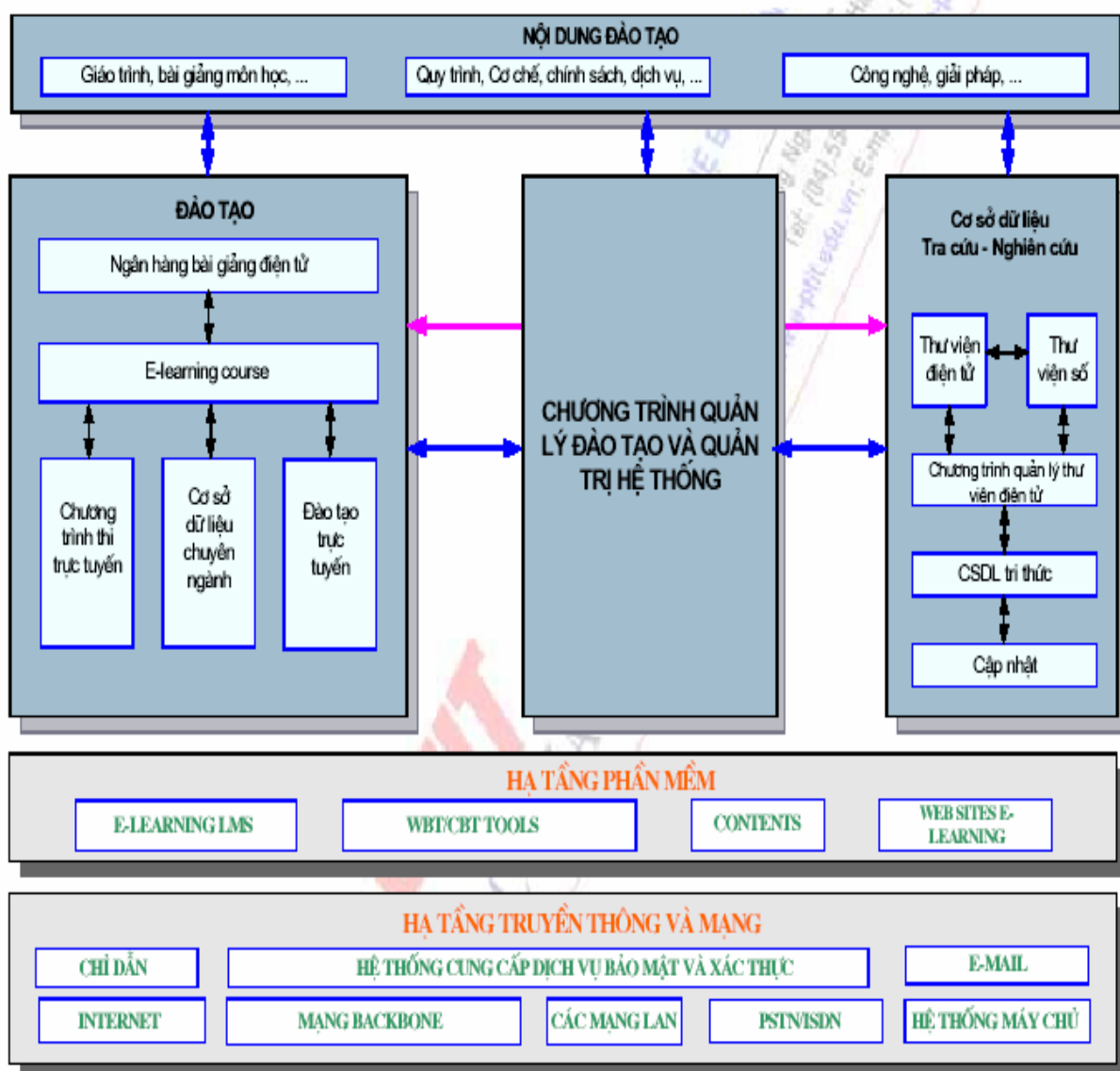
Tính hấp dẫn: với sự hỗ trợ của công nghệ multimedia, những bài giảng được tích hợp text với các hình ảnh, âm thanh, video... người học có thể tương tác với bài học.

Dễ tiếp cận, truy cập ngẫu nhiên: bảng danh mục bài giảng sẽ cho phép học viên lựa chọn đơn vị tri thức, tài liệu một cách tùy ý theo trình độ kiến thức và điều kiện truy nhập mạng của mình.

Tính cập nhật: nội dung khóa học thường xuyên được cập nhật và đổi mới để đáp ứng nhu cầu người học.

Có sự hợp tác, trao đổi (Collaborative learning): có sự trao đổi giữa các học viên với nhau và giữa học viên với giáo viên





Mô hình Elearning

Nguồn: Học viện công nghệ bưu chính viễn thông (tài liệu đào tạo từ xa)

3. Ưu và nhược điểm của Elearning:

3.1 Theo quan điểm của cơ sở đào tạo:

Cơ sở đào tạo là một tổ chức thiết kế và cung cấp các khóa học trực tuyến E-learning: phòng ban trong công ty, toàn bộ trường, học viện, công ty...

Ưu điểm	Nhược điểm
<p>Giảm chi phí tổ chức quản lý và đào tạo:</p> <p>Sau khi phát triển xong, một khóa học E-learning có thể đào tạo cho hàng ngàn học viên với chi phí tổ chức đào tạo cho 20 học viên.</p>	<p>Chi phí ban đầu để phát triển một khóa học E- learning lớn gấp 5-10 lần so với chi phí triển khai một khóa học thông thường với nội dung tương đương</p>
<p>Rút ngắn thời gian đào tạo:</p> <p>Không bị giới hạn bởi số lượng giảng viên và lớp học</p>	<p>Yêu cầu kỹ năng mới:</p> <p>Những người dạy tốt trên lớp chưa chắc đã biết đến các kỹ thuật thiết kế, quản lý, giảng dạy một khóa học trên mạng</p>
<p>Giảng viên và học viên không phải đi lại nhiều</p>	

Nguồn: Học viện công nghệ Bru Chính Viễn Thông (tài liệu đào tạo từ xa)

3.2 Theo quan điểm của học viên:

Ưu điểm	Nhược điểm
<p>Có thể học bất cứ lúc nào, tại bất cứ nơi đâu:</p> <p>Nếu cần học viên có thể đăng ký tham gia ngay vào khóa học mà không cần chờ tới khi lớp học khai giảng</p>	<p>Chi phí ban đầu để phát triển một khóa học E- learning lớn gấp 5-10 lần so với chi phí triển khai một khóa học thông thường với nội dung tương đương</p>
<p>Không phải đi lại nhiều và không phải nghỉ việc:</p> <p>Học viên có thể tiết kiệm chi phí đi lại</p>	<p>Yêu cầu kỹ năng mới:</p> <p>Những người dạy tốt trên lớp chưa chắc đã biết đến các kỹ thuật thiết kế, quản lý,</p>

đến nơi học ,đồng thời có thể sắp xếp thời gian học phù hợp với mình.	giảng dạy một khóa học trên mạng.
Có thể tự quyết định việc học của mình: Học viên có thể quyết định cấp độ và tốc độ học của mình.	Chi phí kỹ thuật cao: Để tham gia khóa học trên mạng, học viên cần phải cài đặt các phần mềm công cụ trên máy tính của mình, các chức năng cắm và chạy (plug and play), phải kết nối mạng.
Có thể kiểm tra tính xác thực: Các nhà thiết kế có thể tạo ra các bài mô phỏng có tính xác thực cao. Rất nhiều học viên trực tuyến ưa thích việc ôn tập và kiểm tra trình độ mà “không có ai giám sát hoặc cho điểm”.	Việc học có thể buồn tẻ: Do thiếu các quan hệ bạn bè và sự tiếp xúc trên lớp.

II. THỰC TRẠNG E – LEARNING TẠI VIỆT NAM

1. E – learning trên thế giới:

Tại Mỹ:

- Tại Mỹ, dạy và học điện tử đã nhận được sự ủng hộ và các chính sách trợ giúp của Chính phủ ngay từ cuối những năm 90.
- Theo số liệu thống kê của Hội Phát triển và Đào tạo Mỹ (American Society for Training and Development, ASTD), năm 2000 Mỹ có gần **47%** các trường đại học, cao đẳng đã đưa ra các dạng khác nhau của mô hình đào tạo từ xa, tạo nên **54.000** khóa học trực tuyến
- Theo các chuyên gia phân tích của Công ty Dữ liệu quốc tế (International Data Corporation, IDC), cuối năm 2004 có khoảng **90%** các trường đại

học, cao đẳng Mỹ đưa ra mô hình E-learning, số người tham gia học tăng **33%** hàng năm trong khoảng thời gian 1999 - 2004.

- E-learning không chỉ được triển khai ở các **trường đại học** mà ngay ở các **công ty** việc xây dựng và triển khai cũng diễn ra rất mạnh mẽ. Có rất nhiều công ty thực hiện việc triển khai E-learning thay cho phương thức đào tạo truyền thống và đã mang lại hiệu quả cao. Do thị trường rộng lớn và sức thu hút mạnh mẽ của E-learning nên hàng loạt các công ty đã chuyển sang hướng chuyên nghiên cứu và xây dựng các giải pháp về E-learning như: Click2Learn, Global Learning Systems, Smart Force...

Tại Châu Âu:

- Trong những gần đây, châu Âu đã có một thái độ tích cực đối với việc phát triển công nghệ thông tin cũng như ứng dụng nó trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội, đặc biệt là ứng dụng trong hệ thống giáo dục.
- Ngoài việc tích cực triển khai E-learning tại mỗi nước, giữa các nước châu Âu có nhiều sự hợp tác đa quốc gia trong lĩnh vực E-learning. Điển hình là dự án xây dựng mạng xuyên châu Âu **EuroPACE**. Đây là mạng E-learning của 36 trường đại học hàng đầu châu Âu thuộc các quốc gia như Đan Mạch, Hà Lan, Bỉ, Anh, Pháp cùng hợp tác với công ty E-learning của Mỹ Docent nhằm cung cấp các khoá học về các lĩnh vực như khoa học, con người... phù hợp với nhu cầu học của các sinh viên đại học, sau đại học, các nhà chuyên môn ở châu Âu.

Tại Châu Á:

- Tại Châu Á, mặc dù vẫn còn một số các rào cản tạm thời về luật pháp, cơ sở hạ tầng cũng như sự ưa chuộng đào tạo truyền thống của văn hóa Châu Á... E-learning đang dần khẳng định vai trò ngày càng quan trọng của mình.
- Một số quốc gia, đặc biệt là các nước có nền kinh tế phát triển hơn tại Châu Á cũng đang có những nỗ lực phát triển E-learning tại đất nước mình như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc...

- **Nhật Bản** là nước có ứng dụng E-learning nhiều nhất so với các nước khác trong khu vực. Môi trường ứng dụng E-learning chủ yếu là trong các công ty lớn, các hãng sản xuất, các doanh nghiệp... và dùng để đào tạo nhân viên.

2. Hiện trạng E – learning tại Việt Nam:

1.1 Khái quát sự phát triển E – learning tại Việt Nam:

a. Các cơ sở giáo dục triển khai E - learning

- Ở Việt Nam, phong trào E-learning thực chất đã nhen nhóm từ những năm 90 với hàng loạt phần mềm hỗ trợ đào tạo do các công ty tin học sản xuất. Trong đó có thể kể đến là công ty Công nghệ tin học nhà trường School@Net với các sản phẩm phục vụ đào tạo trong nhà trường.
- Từ năm 2001, E – learning Việt Nam đã có bước tiến đáng kể. Mở đầu là việc thành lập một nhà trường ảo “**FIHOU CYBERSCHOOL**” đặt trên website <http://www.fithou.net.vn> và bắt đầu tuyển SV ngành CNTT của Khoa CNTT - Đại Học Mở Hà Nội. Đến năm 2005, trường có hơn **1000 SV** theo học CNTT trực tuyến, với mức học phí bằng 1/3 so với học trực tiếp. Ở khu vực phía Bắc, số SV đang học CNTT từ xa tại cơ sở đào tạo Trí Đức của trung tâm Phát Triển CNTT (thuộc ĐH Quốc Gia TP. HCM) khoảng gần **30.000 người**, trong đó hệ ĐH chiếm một nửa. **Tất cả đều học bán trực tuyến, trừ 2 lớp cao học (khoảng 50 người) là hầu như hoàn toàn học trực tuyến.** Một số đơn vị khác như Học Viện Bru chính Viễn thông, ĐH Công Nghệ thuộc ĐH Quốc Gia Hà Nội cũng bắt đầu đào tạo trực tuyến về CNTT-VT.
- Đến tháng 11/2004, ngành GD đã xây dựng một cổng E-learning chính thức tại địa chỉ <http://el.edu.net.vn>. Sự kiện này đã tạo một cú hích đối với lĩnh vực E- learning còn khá mới mẻ tại Việt Nam. Cổng do Trung Tâm Tin Học Bộ GDĐT (TTTH) tự thiết kế trên công nghệ Web Conferencing, sử dụng mã nguồn mở. Cổng được xây dựng nhằm mục đích tuyên truyền phổ cập công nghệ, nghiên cứu thử nghiệm và tuyển chọn các phần mềm E-Learning thích hợp, đã Việt hoá phần mềm mã nguồn mở Moodle và đến nay đã có khoảng 70 trường ĐH, CĐ sử dụng. Cục CNTT sẽ tổ chức chuyển giao các phần

mềm công cụ tạo bài giảng đạt chuẩn quốc tế, phù hợp với yêu cầu Việt Nam cho các Sở.

- Hiện nay tại Bộ đã kết nối đường cáp quang **34 Mbps** trong nước và **2 Mbps** đi quốc tế. Viettel cung cấp gói Net+ (gói chất lượng cao nhất) tới các cơ sở giáo dục. Kết nối cáp quang từ Bộ về các sở giáo dục và đào tạo với băng thông **4 Mbps**. Ba bên (Cục CNTT, các Sở GDĐT và Viettel) sẽ phối hợp lên danh sách các cơ sở giáo dục khó khăn để có chính sách hỗ trợ kết nối. Các cơ sở giáo dục hưởng lợi từ dịch vụ ưu đãi này sẽ bao gồm cả các trường mầm non, mẫu giáo (các sở cung cấp PC), các trung tâm giáo dục cộng đồng, trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường dạy nghề, các phòng giáo dục.

b. Toàn cảnh ứng dụng Moodle tại Việt Nam:

Moodle tại Việt Nam được triển khai 202 sites. Qua kiểm tra khoảng 50 sites có khoảng 2/5 sites không hoạt động. Các sites hoạt động còn lại nhìn chung khá sơ sài, và mới được triển khai. Các sites này có thể chia thành 3 loại:

- Các sites của trường học:
 - Bao gồm các trường phổ thông, cao đẳng và đại học. Trong đó, đại học chiếm số đông các sites. Các trường này thường có bộ phận IT mạnh và có xu thế hướng ngoại (trường ngoài công lập, trường ngoại ngữ...).
 - Quyền truy cập các site này thường chỉ dành cho sinh viên trong trường.
 - Về thiết kế website: giao diện chưa bắt mắt. Ví dụ <http://www.coltech.vnu.edu.vn/>, website Đại học Công Nghệ - Đại học quốc gia Hà Nội .
 - Về nội dung: chưa có tương tác trực tuyến, website chủ yếu là nơi post tài liệu giảng dạy bằng file powerpoint và pdf của các giáo viên cũng như giải đáp thắc mắc của những người học. Ngoài ra, đây còn là nơi đăng các tin tức của nhà trường. Các website này chỉ có thể so sánh với nhau ở chỗ có nhiều tài liệu cung cấp cho người học hay không. Nhiều website được lập nên nhưng hầu như rất ít các nội dung như <http://www.pttc1.edu.vn/elearning/>: của trung tâm đào tạo viên thông I.

- Site ấn tượng : <http://fit-hui.edu.vn/elearning/> của khoa công nghệ thông tin Đại học Công Nghiệp TP.HCM, <http://el.nuce.edu.vn/> của Đại học Xây dựng có nhiều thông tin, giao diện khá thu hút.
- 🌀 Các sites E-learning miễn phí:
 - Các sites này bao gồm nhiều dạng cung cấp nội dung miễn phí như các sites giúp ôn tập trực tuyến về Vật lý, Toán học .
 - Site ấn tượng: <http://lophoc.thuvienvatly.info/> cung cấp nhiều bài học Vật lý cho học sinh, có thể tham gia soạn các bài giảng và một số công cụ khác, có nhiều thành viên.
- 🌀 Các sites E-learning có thu phí:
 - Thường là các site đào tạo về Tin học và Ngoại ngữ.
 - Site ấn tượng: <http://www.tinhhoa.com.vn/> có sự hỗ trợ lẫn nhau giữa 3 lĩnh vực: thiết kế website, phần mềm và E-learning. Có phần học thử cho những người quan tâm và một số video giới thiệu chương trình , mỗi bài giảng tùy theo nội dung có thời lượng khác nhau, thông thường khoảng 1 tiếng. Sau mỗi bài giảng có phần quiz và test riêng để kiểm tra trình độ. Tuy nhiên website vẫn còn một số hạn chế về tính tiện lợi khi đăng ký trực tuyến các khóa học, các diễn đàn còn thừa thớt thành viên tham gia.

a. Nhu cầu E – learning tại Việt Nam:

E-learning tại Việt Nam với những bước tiến đáng kể, có sức lôi cuốn rất nhiều người học kể cả những người trước đây bị hấp dẫn bởi lối giáo dục kiểu cũ và nó rất phù hợp với hoàn cảnh của những người đang đi làm nhưng vẫn muốn nâng cao trình độ. Mặc dù vậy, nhu cầu E – learning tại Việt Nam vẫn được các chuyên gia đánh giá ở mức *tiềm năng*. Cụ thể:

- Theo khảo sát của báo Sinh viên Việt Nam – Hoa học trò cùng Global Education đối với **5.000** người (độ tuổi từ 15 – 30) tại các thành phố lớn trên cả nước, có đến **46.5%** người học cho biết kiến thức tiếng Anh của họ có được chủ yếu là được học ở trường, một môi trường đào tạo chính quy trong

hệ thống giáo dục quốc dân; tiếp đến là các trung tâm ngoại ngữ (23.7%); và có đến 11.5% người học biết ngoại ngữ chủ yếu là do tự học, tự tìm hiểu.

- Đối với những người không có điều kiện đến các lớp học trực tiếp và muốn linh động thời gian học tập, hình thức đào tạo trực tuyến trở thành lựa chọn hàng đầu. Tuy nhiên, số người lựa chọn hình thức này ở Việt Nam mới chỉ có hơn 100.000 người, chiếm 0,6% số người sử dụng Internet và 0,13% dân số.
- Tại các trường phổ thông, việc áp dụng công nghệ thông tin vào công tác dạy - học ngoại ngữ mới chỉ dừng lại ở việc sử dụng PowerPoint để trình chiếu, hay MS.Word để soạn thảo đề thi, bài tập cho học sinh. Việc sử dụng multimedia, các phần mềm học tập (giáo trình điện tử), hệ thống lưu trữ truy cập bài giảng, tài liệu giảng dạy, CD-ROM giữa các giáo viên, học sinh... còn chưa phổ biến.
- Có nhiều website E-learning đã “chết yểu”. Vài năm trước, các website ôn thi ĐH như www.khoabang.com.vn, www.truongthi.com.vn, www.viettraining.com.vn, www.ehocduong.com.vn từng là "hiện tượng", nhưng nay đã mất tăm. Điều này cho thấy nếu nội dung chương trình, phương pháp giảng dạy không phù hợp; việc nghiên cứu nhu cầu, điều kiện, tâm lý của HV không kỹ thì đào tạo trực tuyến khó thành công.

Một số website E – learning tại Việt Nam:

Công nghệ thông tin:

<http://el.edu.net.vn> (Bộ GDĐT)

<http://el.edu.net.vn/lms> (Bộ GDĐT)

www.quantrimang.com

www.vietphotoshop.com.

www.e-ptit.edu.vn (Học Viện BCVT)

www.huukhang.com

www.fithou.edu.vn (Khoa CNTT, Đại Học Mở Hà Nội)

Học ngoại ngữ:

<http://hocngoaingu.com> hoặc <http://globaledu.com.vn>

www.elearning.com.vn

www.cleverlearn.com

www.hp-vietnam.com

Các lĩnh vực khác:

www.ephysicsvn.com

www.issad.biz (Tư vấn đào tạo từ xa chương trình quản trị kinh doanh MBA và BBA của 2 đại học ở Mỹ và Châu Âu).

www.eduport.com.vn cung cấp các chương trình và dữ liệu ôn tập

www.dbavn.com/elearning/index.php (ĐH Đà Nẵng)

ED TOEFL IBT 2.0 – GIẢI PHÁP TOÀN DIỆN CHO VIỆC GIẢNG DẠY, HỌC TẬP VÀ LUYỆN THI TOEFL IBT TRỰC TUYỂN Ở KHOA ANH - ĐHSP TP.HCM

ThS. Nguyễn Ngọc Vũ

Khoa Anh – Trường ĐH Sư phạm TP.HCM

I. Giới thiệu:

Sự xuất hiện của bài thi Toefl iBT từ năm 2005 đã tạo ra sự thay đổi lớn trong cách học tập và giảng dạy tiếng Anh ở các trung tâm và các trường dạy ngoại ngữ tại TP.HCM. Hầu hết các trung tâm có mở những lớp dạy Toefl iBT đều tự trang bị phòng lab để phục vụ nhu cầu luyện thi của người học. Tuy nhiên, qua tìm hiểu của chúng tôi, các phòng máy tính này phần lớn chưa phát huy hiệu quả do nguồn tài nguyên giảng dạy cho phòng lab nghèo nàn và khả năng sử dụng phòng lab của giáo viên vẫn còn chưa tốt.

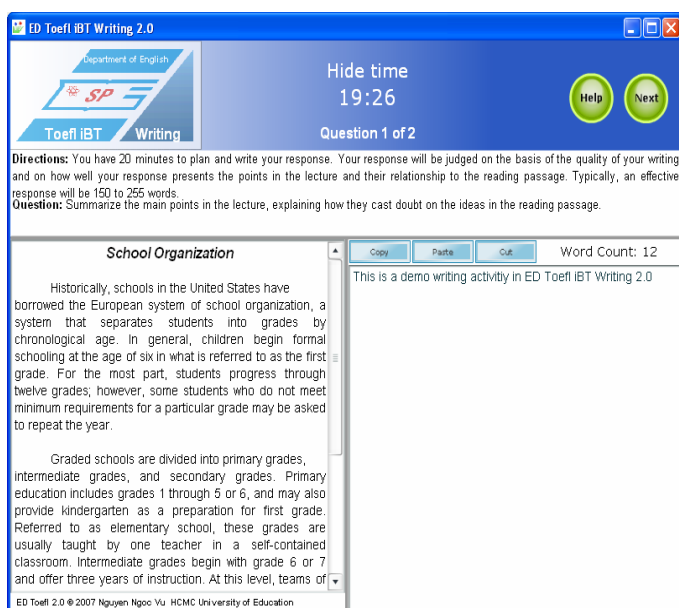
Trên thị trường phần mềm ở TP.HCM hiện nay cũng đã có một số CD chuyên dùng cho việc luyện thi Toefl iBT của các tổ chức giáo dục lớn như Kaplan, Longman, Barron, Cambridge, v.v... Tuy nhiên các CD này chỉ có thể dùng cho học viên làm việc cá nhân chứ không thể sử dụng làm công cụ hỗ trợ giảng dạy trong các phòng học multimedia. Hơn nữa, một số dạng câu hỏi và đề thi ở các CD này chưa thực sự sát với dạng bài thi Toefl iBT nên việc sử dụng vẫn còn hạn chế.

Xuất phát từ nhu cầu xây dựng tài nguyên học tập, giảng dạy và sử dụng phòng lab một cách hiệu quả, bắt đầu từ năm 2006 nhóm giảng viên khoa Anh ĐHSP TP.HCM ở trung tâm ngoại ngữ cơ sở 222 Lê Văn Sỹ đã nghiên cứu phát triển một hệ thống phần mềm mở để giúp giáo viên cũng như học viên có thể dễ dàng tạo ra bài thi Toefl iBT của riêng mình. Kết quả của dự án này là sự ra đời của hệ thống phần mềm ED Toefl iBT 2.0 gồm 4 gói khác nhau phục vụ việc giảng dạy cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Hiện nay bộ phần mềm này đang được sử dụng

rộng rãi tại trung tâm ngoại ngữ cơ sở 222 Lê Văn Sỹ và khoa tiếng Anh ĐHSP TP.HCM.

So với các CD luyện thi Toefl iBT khác đang lưu hành trên thị trường, hệ thống ED Toefl iBT có một số ưu điểm như sau:

- i. Sử dụng không cần cài đặt và hoàn toàn miễn phí.
- ii. Tất cả các dạng câu hỏi đều được xử lý và cập nhật đầy đủ.
- iii. Dễ sử dụng. Giáo viên dạy tiếng Anh (kỹ năng tin học không cao) chỉ cần được tập huấn 2 giờ là có thể sử dụng thành thạo tất cả các tính năng của hệ thống.
- iv. Khả năng truy xuất dữ liệu rất nhanh vì hệ thống sử dụng các file dữ liệu XML có kích thước rất nhỏ. File dữ liệu lớn nhất được tạo ra từ trước đến giờ chỉ có kích thước 60 Kb. Đây là điều rất thuận lợi khi triển khai hệ thống trên Internet và mạng LAN nội bộ.
- v. Có ba phiên bản khác nhau hỗ trợ mọi nhu cầu. Phiên bản “Student” hỗ trợ học viên làm quen với các dạng bài thi. Phiên bản “Teacher” giúp giáo viên tự tạo các bài thi và câu hỏi để giảng dạy và luyện thi. Phiên bản “Server” được sử dụng để tổ chức thi trong phòng lab.



II. ED Toefl iBT Writing

Do đặc thù riêng của bài thi Toefl iBT Writing, việc xử lý file XML của phần Writing là đơn giản nhất. Chính vì vậy, trong các buổi tập huấn sử dụng cho giáo viên dạy tiếng Anh, phần mềm ED Toefl iBT Writing luôn được giới thiệu đầu tiên.

Bài thi Toefl iBT Writing

đầy đủ thường chỉ gồm hai câu hỏi: một câu hỏi tích hợp (integrated) và một câu hỏi độc lập (independent).

Ở câu hỏi tích hợp, người dùng sẽ đọc một đoạn ngắn trong thời gian 3 phút rồi nghe một bài khóa về cùng chủ đề. Sau khi nghe xong, câu hỏi cùng cửa sổ soạn thảo sẽ xuất hiện. Cấu trúc XML của câu hỏi này trong phần mềm ED Toefl iBT Writing như sau:

```
<task type="integrated" time="20:00">
    <passage time="03:00" </passage>
    <picture> </picture>
    <audio-file> </audio-file>
    <question-audio></question-audio>
    <directions></directions>
    <question> </question>
</task>
```

Thời gian viết câu trả lời và đọc bài có thể thay đổi bằng cách đổi giá trị của thuộc tính time trong node <task>. Nội dung bài đọc được nhập trong node <passage>. Hình ảnh hiển thị, file âm thanh bài thoại và câu hỏi lần lượt được nhập trong các node <picture>, <audio-file> và <question-audio>. Hướng dẫn làm bài và trả lời câu hỏi lần lượt được nhập trong node <directions> và <question>.

Câu hỏi độc lập của bài thi Toefl iBT Writing rất đơn giản. Người dùng chỉ đọc câu hỏi rồi đánh máy phần trả lời trong cửa sổ soạn thảo. Cấu trúc XML của câu hỏi này trong phần mềm ED Toefl iBT Writing như sau:

```
<task type="independent" time="30:00">
    <directions> </directions>
    <question> </question>
</task>
```


Để làm việc với câu hỏi này, người dùng chỉ việc nhập hướng dẫn và câu hỏi vào các node <directions> và <question>.

III. ED Toefl iBT Reading



Mở file dữ liệu XML bằng một chương trình biên tập (Wordpad chẳng hạn), người dùng sẽ thấy toàn bộ cấu trúc dữ liệu và thuộc tính của các XML tag. Người dùng chỉ được thay thế phần dữ liệu trong file XML và tuyệt đối không sửa cấu trúc file.

1. Định thời gian làm bài và mã đề: Ngay tag XML đầu tiên <test time="20:00" code="E1">, người dùng có thể sửa thời gian và đặt mã đề cho phù hợp. Trong ví dụ này, thời gian là 20 phút và mã đề là E1.
2. Nhập bài khóa: Trong tag <passage></passage> của file XML mẫu, người dùng lần lượt thay tên bài khóa và các đoạn và vị trí tương ứng. ED Toefl iBT Reading cho phép định dạng bài khóa theo các quy ước:
 - a. Nội dung trong [u][u] được gạch dưới; trong [i][i] được in nghiêng; trong [b][b] được tô đậm
 - b. Nội dung trong [qx][qx] sẽ được highlight khi hiển thị câu hỏi số x
 - c. Nội dung trong [glossx][glossx] sẽ xuất hiện trong phần glossary của bài khóa với x là số tự của từ được chú thích
 - d. [squarexA], [squarexB], [squarexC], [squarexD] đánh dấu vị trí đặt các vị trí insert trong dạng câu hỏi insert.
3. Tạo các câu hỏi: ED Toefl iBT Reading 2.0 cho phép tạo tất cả các dạng câu hỏi của bài thi Reading Toefl iBT. Có tất cả 4 dạng câu hỏi sau:

Dạng mcq: 1 tag <questiontext></questiontext> cho phép nhập câu hỏi; 4 tag <choice></choice> cho phép nhập 4 phương án trả lời câu hỏi; 1 tag <correct></correct> cho phép nhập phương án trả lời đúng; 1 tag <para></para> cho phép đánh dấu đoạn trong bài khóa mà câu hỏi hướng đến.



Dạng insert: 1 tag <insertsentence></insertsentence> cho phép nhập câu cần chèn vào bài khóa; 1 tag <correct></correct> cho phép xác định vị trí đúng; 1 tag <score></score> qui định số điểm cho câu trả lời đúng.



Dạng summary: 1 tag <directions></directions> cho phép sửa phần hướng dẫn theo ý muốn; 1 tag <headings></headings> cho phép nhập tiêu đề và số lượng khe (slots) ở dưới tiêu đề. Người dùng có thể tự do qui định số lượng các lựa chọn. Số câu trả lời trong phần đáp án phải tương ứng với số slots ở dưới tiêu đề.



Dạng table: về cơ bản cấu trúc của câu hỏi dạng table giống như câu hỏi dạng summary. Điểm khác biệt là có nhiều headings và slots hơn.



IV. ED Toefl iBT Speaking



Bài thi Toefl iBT Speaking đầy đủ bao gồm 6 câu hỏi. Hai câu hỏi đầu tiên (1-2) nêu ra một chủ đề và học viên trả lời. Thời gian chuẩn bị là 15 giây và thời gian trả lời là 45 giây. Hai câu hỏi tiếp theo (3-4) có dạng tích hợp. Học viên cần phải

đọc một đoạn ngắn và nghe một bài thoại về cùng chủ đề rồi trả lời câu hỏi mà bài thi nêu ra. Thời gian chuẩn bị là 30 giây và thời gian trả lời là 60 giây. Hai câu hỏi cuối cùng (5-6) cũng ở dạng tích hợp nhưng học viên chỉ nghe một bài thoại (thường là dài hơn bài thoại ở câu 3 – 4) rồi trả lời câu hỏi. Thời gian chuẩn bị và trả lời cũng lần lượt là 30 và 60 giây.

Trong file dữ liệu XML của ED Toefl iBT Speaking, ba dạng câu hỏi giới thiệu ở trên được qui định lần lượt là <task type="A">, <task type="B"> và <task type="C">. Trong mỗi task đều có node <question-text prepare="30" response="60"> cho phép người dùng thay đổi lượng thời gian chuẩn bị và trả lời (đơn vị tính là giây). Chẳng hạn người dùng muốn có thời gian chuẩn bị là 3 phút và trả lời 1 phút thì sửa thành <question-text prepare="180" response="60">

Dữ liệu âm thanh và hình ảnh cho bài thi được để trong thư mục `speaking_data`. Người dùng không được đổi tên của thư mục này.

1. Tạo dạng câu hỏi A:

Câu hỏi A là dạng câu hỏi đơn giản và dễ tạo nhất. Cấu trúc dữ liệu dạng câu hỏi A như sau:

```
<task type="A">
    <question-audio> </question-audio>
    <question-text prepare="15" response="45"> </question-text>
</task>
```

Các người dùng chỉ cần nhập tên file âm thanh (kiểu mp3) vào cặp tag `<question-audio> </question-audio>` và nhập câu hỏi vào cặp `<question-text prepare="15" response="45"> </question-text>`. Thời gian chuẩn bị và trả lời có thể đổi lại cho phù hợp.

2. Tạo dạng câu hỏi B:

Dạng câu hỏi B có cấu trúc dữ liệu như sau:

```
<task type="B">
    <intro-audio> </intro-audio>
    <narrator-audio> </narrator-audio>
    <passage time="45"></passage>
    <picture> </picture>
    <audio-file> </audio-file>
    <question-audio> </question-audio>
    <question-text prepare="30" response="60"> </question-text>
</task>
```

Node `<intro-audio>` `</intro-audio>` được dành cho file âm thanh giới thiệu câu hỏi. Node `<narrator-audio>` `</narrator-audio>` được dùng để lồng thêm lời hướng dẫn câu hỏi. Nội dung bài đọc nhập vào `<passage time="45"></passage>`. Thời gian đọc có thể sửa lại theo nhu cầu. Hình ảnh hiện thị, file âm thanh bài thoại và file âm thanh câu hỏi lần lượt đặt ở các node `<picture>` `</picture>`, `<audio-file>` `</audio-file>`, `<question-audio>` `</question-audio>`. Node cuối cùng được dùng để nhập câu hỏi.

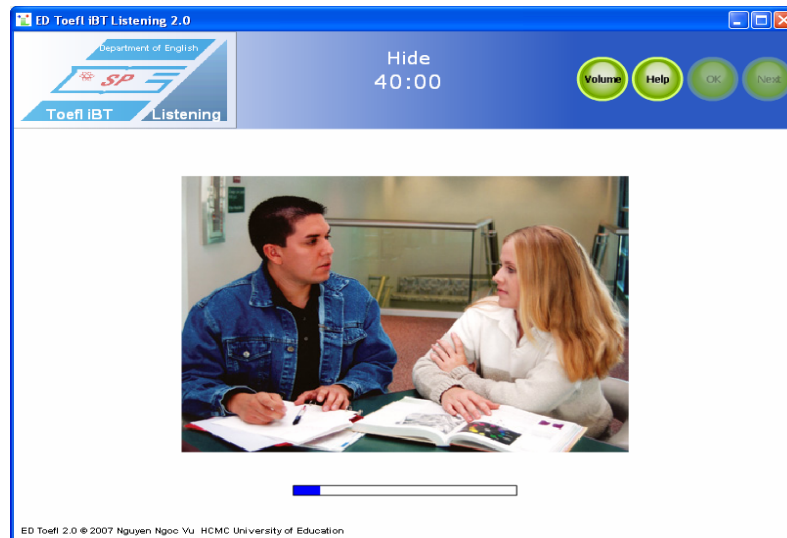
3. Tạo dạng câu hỏi C:

Dạng câu hỏi C có cấu trúc dữ liệu như sau:

```
<task type="C">
    <intro-audio> </intro-audio>
    <picture> </picture>
    <audio-file> </audio-file>
    <question-audio> </question-audio>
    <question-text prepare="20" response="60"> </question-text>
</task>
```

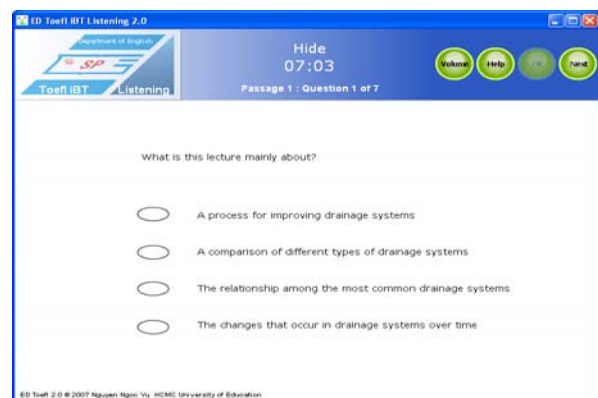
Câu hỏi C chỉ khác câu hỏi B ở chỗ không có node `<narrator-audio>` `</narrator-audio>` và `<passage time="45"></passage>`. Các node còn lại có cách nhập liệu và xử lý giống như câu hỏi C.

V. ED Toefl iBT Listening

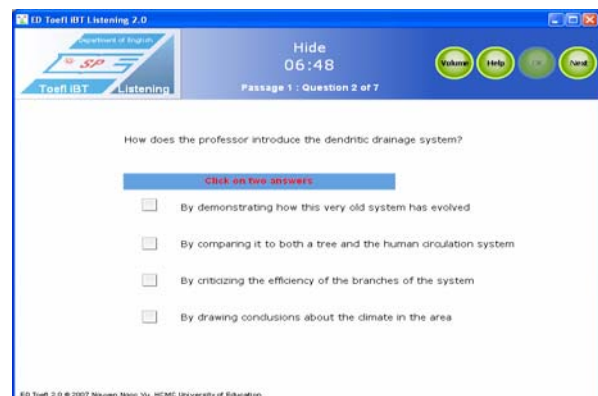


Một bài thi Listening bình thường (60 phút) có khoảng 6-7 bài thoại. Mỗi bài thoại có khoảng 5-7 câu hỏi. Như vậy, số câu hỏi cần tạo cho một bài Listening đầy đủ tương đối nhiều. Hiện nay, ED Toefl iBT Listening có thể xử lý được 7 dạng câu hỏi Toefl iBT Listening như sau:

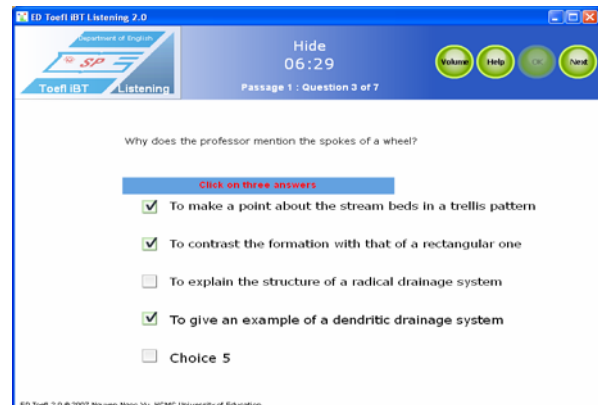
Dạng mcq xử lý các câu hỏi trắc nghiệm. Cách nhập liệu và xử lý giống như mcq trong phần Reading. Điểm khác biệt là người dùng cần nhập tên file audio của câu hỏi vào tag <audio> </audio>



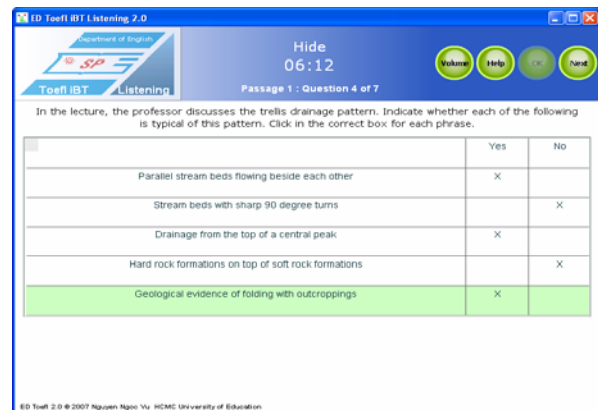
Dạng c2a yêu cầu học viên chọn 2 trong 4 lựa chọn đưa ra. Cách nhập liệu giống mcq nhưng tag <correct> </correct> cần phải qui định 2 câu trả lời đúng. VD: <correct>1,3</correct> Qui định lựa chọn 1 và 3 là đáp án



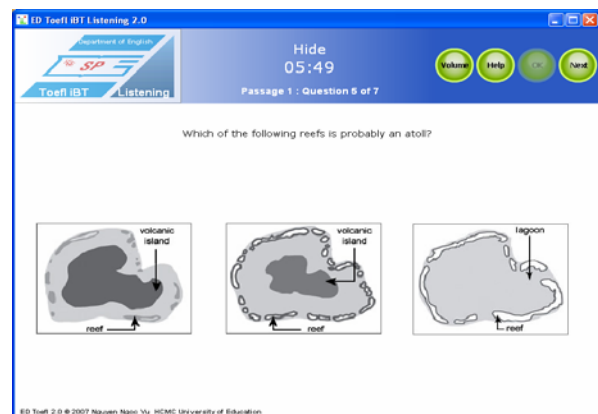
Dạng c3a có cách xử lí giống như c2a. Điểm khác biệt là người dùng cần nhập vào 5 lựa chọn. Chính vì chọn 3 trong 5 nên tag `<correct></correct>` cần phải qui định 3 câu trả lời đúng



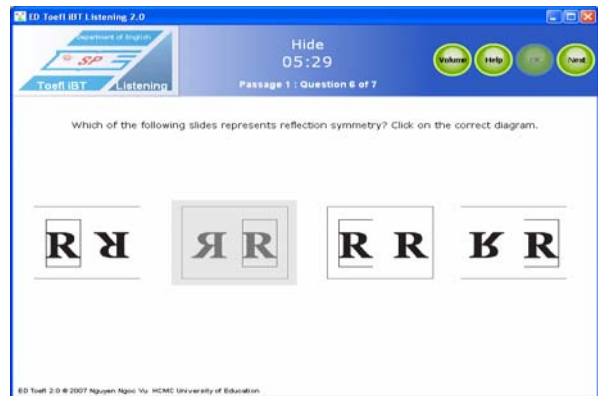
Dạng table xử lí những câu hỏi phức tạp dạng bảng. Số cột và số hàng tối đa có thể xử lí lần lượt là 4 và 8. Để xác định đáp án, người dùng cần nhập tọa độ cột và hàng vào tag `<correct></correct>`. Do điểm của câu hỏi này luôn luôn cao hơn các câu hỏi khác nên chương trình có thêm tag `<score></score>` để qui định số điểm.



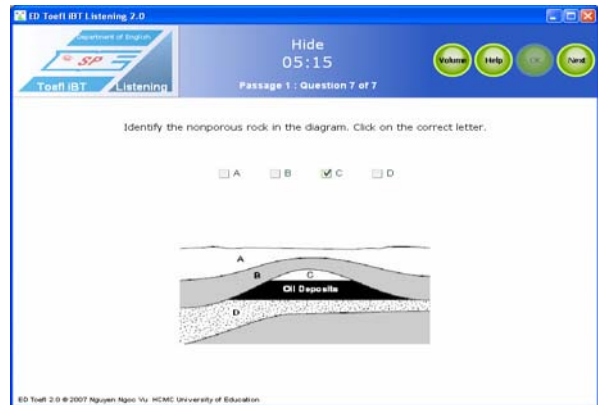
Dạng pic xử lí những câu hỏi hiển thị hình ảnh cho người dùng lựa chọn. Đa số các câu hỏi này đưa ra 3 hình nhưng cũng có những câu đưa ra 4 hình. Để tạo dạng câu hỏi này, người dùng nhập tên các bức hình (định dạng jpg) vào các tag `<choice></choice>` và qui định mức điểm



trong tag <score></score>. Số hình ảnh hiển thị trong câu hỏi tương ứng với số lượng tag <choice></choice> được nhập trong node <choices></choices>



Dạng pic còn cho phép xử lí câu hỏi chỉ hiển thị một hình ảnh duy nhất và người dùng cần trả lời dựa trên các vị trí đánh dấu ở trên hình. Việc đánh dấu các vị trí như thế này được thực hiện qua các phần mềm xử lí hình ảnh. Cách nhập liệu giống như dạng pic ở trên nhưng trong node <choices></choices> chỉ có duy nhất một node con.



Sau khi làm bài xong, người dùng sẽ được biết ngay kết quả. Chương trình cũng cho phép người dùng kiểm tra lại câu trả lời của mình và so sánh với đáp án bằng cách click chuột vào câu hỏi muốn xem lại trên bảng kết quả. Các câu hỏi đánh dấu *****Start***** cho phép nghe lại bài thoại.

ED Toefl iBT Listening 2.0

Department of English
SP
Toefl iBT Listening

Help

Test Result
Total scores: 2/9 (22%)

No	Description	Status	Score	Answers	Correct
01	*****Start*****: What is this lecture mainly about?	Incorrect	0	1	2
02	How does the professor introduce the dendritic dr	Incorrect	0	1,2	1,3
03	Why does the professor mention the spokes of a v	Incorrect	0	1,2,4	1,3,5
04	In the lecture, the professor discusses the trellis d	60 % correct	1	c1,c2,c1,c2,c	c1,c2,c2,c1,c1
05	Which of the following reefs is probably an atoll?	Incorrect	0	2	3
06	Which of the following slides represents reflection	Correct	1	2	2
07	Identify the nonporous rock in the diagram. Click c	Incorrect	0	3	2

ED Toefl 2.0 © 2007 Nguyen Ngoc Vu HCMC University of Education

VI. Triển khai bộ ED Toefl iBT trong phòng lab và trên Internet.

Lâu nay công việc tổ chức thi trong phòng lab thường được dành cho các kĩ thuật viên tin học do phải thiết lập nhiều thứ trên cả máy chủ và máy con trong mạng LAN. Tuy nhiên với phiên bản Server của bộ ED Toefl iBT, giáo viên không am hiểu về nghiệp vụ quản trị mạng cũng có thể tổ chức được kì thi trong phòng lab nhanh chóng và dễ dàng. Thực tế là gần như tất cả các giáo viên tiếng Anh dạy Toefl iBT tại CN11 trung tâm ngoại ngữ ĐHSP và khoa Anh đều có thể độc lập tổ chức thi Toefl iBT và xử lí kết quả sau khi thi xong.

Do bộ phần mềm ED Toefl iBT được lập trình trên nền Flash 8.0 nên phiên bản Server về bản chất là một trang web tích hợp một file flash. File flash này có dung lượng rất nhỏ (khoảng 180 Kb) nên trang web load rất nhanh. Chính nhờ ưu điểm này mà phiên bản Server có thể triển khai thậm chí trên những server có băng thông rất hạn chế. Lỗi hiển thị do đường truyền chậm thường chỉ xảy ra khi các file

dữ liệu âm thanh và hình ảnh có kích thước quá lớn. Nếu cần lưu lại kết quả làm bài của người dùng thì máy chủ cần hỗ trợ CSDL MySQL.

Hiện nay toàn bộ các phần mềm và phim hướng dẫn sử dụng ED Toefl iBT đều được cung cấp hoàn toàn miễn phí ở website của khoa Tiếng Anh trường ĐHSP TP.HCM (Link <http://khoaanh.hcmup.edu.vn>). Người dùng cũng có thể thi Toefl iBT trực tuyến miễn phí với phiên bản Server tại website này. Tất nhiên chỉ có phần thi Reading và Listening mới được chấm điểm tự động.

PHẦN
PHỤ LỤC

E-LEARNING VÀ HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHÓA HỌC PHPBB

Phạm văn Danh

Viện Nghiên cứu Giáo dục –ĐHSP TP.HCM

Trong thập niên vừa qua, công nghệ thông tin đã dần xâm nhập vào tất cả các ngành nghề, trong đó có giáo dục. Việc áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông vào giáo dục được gọi là Elearning.

Elearning chính là chất xúc tác đang làm thay đổi toàn bộ mô hình học tập trong thế kỉ này cho học sinh, sinh viên, viên chức và cho nhiều loại đối tượng tiềm năng khác như bác sĩ, y tá và giáo viên - thực tế là cho bất cứ ai mong muốn được học tập dù dưới hình thức chính thống hay không chính thống. Giáo dục điện tử giúp người học không còn phải đi những quãng đường dài để theo học một khóa học dạng truyền thống, người học hoàn toàn có thể học tập bất cứ khi nào họ muốn, ban ngày hay ban đêm, tại bất cứ đâu - tại nhà, tại công sở, tại thư viện nội bộ. Với rất nhiều sinh viên, nó đã mở ra một thế giới học tập mới, dễ dàng và linh hoạt hơn, mà trước đó họ không hy vọng tới, có thể do không phù hợp, hay vì lớp học cách nơi họ sống đến nửa vòng trái đất. Ngoài ra Elearning còn nâng cao khả năng tự học, tự tìm hiểu của người học.

Elearning thực sự đã trở nên quá cần thiết trong nền kinh tế tri thức hiện nay và đòi hỏi phải được tiếp tục phát triển hơn nữa. Từ yêu cầu đó chúng tôi thực hiện đề tài tìm hiểu về Elearning mà trọng tâm là hệ thống quản lý khóa học mã nguồn mở phpbb nhằm áp dụng phpbb vào trong giảng dạy tại các trường ở Việt Nam, đồng thời cùng cộng đồng phát triển của phpbb ngày càng hoàn thiện và nâng cao khả năng cho hệ thống này.

Đối tượng và phạm vi tìm hiểu

Đối tượng: đối tượng tìm hiểu chính các thành phần của **phpbb**, người

nghiên cứu sẽ tìm hiểu chức năng các **phpbb** hiện có và phát triển thêm một công cụ hỗ trợ dựa trên những cái đã có để giúp nhà sư phạm có thể tạo ra một khóa học nhanh chóng nhất để sử dụng trên **phpbb**.

Phạm vi tìm hiểu : Những vấn đề đã được thực hiện :

- Tìm hiểu lý thuyết về Elearning,
- Tìm hiểu chức năng các module trong **phpbb**, tìm hiểu cấu trúc **phpbb**
- Viết công cụ hỗ trợ cho **phpbb** giúp người dùng tạo nhanh một khóa học,

TỔNG QUAN VỀ ELEARNING

Trình bày các khái niệm cơ bản về Elearning, nêu ra các đặc điểm cũng như phân biệt Elearning với một số thuật ngữ khác, so sánh cách học sử dụng Elearning và cách học truyền thống từ đó đề ra biện pháp tối ưu. Nêu ra những lợi ích khi áp dụng Elearning vào quá trình dạy và học. Phân biệt một số khái niệm. Tóm tắt một số chuẩn được áp dụng trong Elearning.

1. Khái niệm Elearning

Elearning được giới thiệu năm 2000 và cũng được biết đến như là một cách "học trên web" và "học trên Internet".

Có rất nhiều khái niệm khác nhau về Elearning, có thể tóm lại như sau: *Elearning là một thuật ngữ dùng để mô tả việc học tập, đào tạo dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông.*

Các định nghĩa Elearning đều có những điểm chung sau :

- *Dựa trên công nghệ thông tin và truyền thông.* Cụ thể hơn là công nghệ mạng, kỹ thuật đồ họa, kỹ thuật mô phỏng, công nghệ tính toán...
- *Hiệu quả của Elearning cao hơn so với cách học truyền thống do Elearning có tính tương tác cao dựa trên multimedia, tạo điều kiện cho người học trao đổi thông tin dễ dàng hơn, cũng như đưa ra nội dung học tập phù hợp với khả năng và sở thích của từng người.*

- Elearning sẽ trở thành *xu thế tất yếu trong nền kinh tế tri thức*. Hiện nay, Elearning đang thu hút được sự quan tâm đặc biệt của các nước trên thế giới, bằng chứng là có rất nhiều tổ chức, công ty hoạt động trong lĩnh vực Elearning ra đời.

2. Những lý do để sử dụng Elearning

Nền kinh tế thế giới đang bước vào giai đoạn *kinh tế tri thức*. Đặc điểm của nền kinh tế này là dịch vụ sẽ là khu vực thu hút được nhiều lao động tham gia nhất và là những *lao động có tri thức cao*. Do đó *việc nâng cao hiệu quả chất lượng giáo dục, đào tạo sẽ là nhân tố sống còn quyết định sự tồn tại và phát triển của mỗi quốc gia, công ty, gia đình, và cá nhân*. Elearning chính là một giải pháp hữu hiệu giải quyết vấn đề này. Việc học tập không chỉ gói gọn trong việc học phổ thông, học đại học mà là học suốt đời. Tức là đối tượng học tập sẽ bao gồm cả người lớn.

Với sự hỗ trợ của các phần mềm thông minh, có tính tương tác cao sẽ đưa ra *cách giảng dạy phù hợp với từng người*. Đây là cơ hội tuyệt vời để người bị coi là “*cá biệt*” theo cách đào tạo truyền thống bắt kịp với các người bình thường khác.

Đối với các công ty, sự đào tạo nhân viên với các kỹ năng mới sẽ quyết định chất lượng sản phẩm và các dịch vụ mà họ cung cấp. Những công ty có doanh thu tăng đều đồng nghĩa với việc tăng đầu tư vào việc đào tạo. Một vấn đề đặt ra với các công ty là *làm sao tạo ra các nội dung huấn luyện nhanh nên họ rất cần các công cụ tạo nội dung dễ dàng, nhanh và không đòi hỏi kiến thức về IT quá nhiều*.

3. Tầm quan trọng của Elearning

Elearning chính là chất xúc tác đang làm *thay đổi toàn bộ mô hình học tập* trong thế kỉ này. Mọi người *không phân biệt tuổi tác, không phụ thuộc vào khoảng cách địa lý* đều có thể tham gia học tập.

Giáo dục điện tử khiến cho việc học tập dạng thụ động như trước đây được giảm bớt. Người học không cần phải tập trung trong các lớp học với kiểu học “*đọc và ghi*” thông thường, giúp cho *việc học tập trở nên rất chủ động*. Điều cốt yếu là tập trung vào sự tương tác, “*học đi đôi với hành*”. Người học có thể vừa

xem các bài giảng động bằng flash vừa có thể thực hành theo ngay trên máy.

Elearning giúp việc học tập trở nên thú vị hơn, hấp dẫn hơn và thuyết phục hơn. Các môn học khó hoặc nhàm chán có thể trở nên dễ dàng hơn, thú vị hơn với Giáo dục điện tử. Ví dụ các giờ học Lịch sử thường làm cho chúng ta chán ngấy, nhưng nếu vừa học lại vừa được xem các đoạn phim tư liệu thì có lẽ sẽ thích thú hơn nhiều, đồng thời sẽ giúp người học mau tiếp thu hơn.

Giáo dục điện tử có thể hỗ trợ “*học tập thông qua nhận xét và thảo luận*” dựa trên cộng đồng trực tuyến.

Elearning cho phép người học tự quản lí được tiến trình học tập của mình theo cách phù hợp nhất. Chúng ta có nhiều cách học khác nhau như đọc, xem, khám phá, tìm hiểu, tương tác, thực hành, giao tiếp, thảo luận, chia sẻ kiến thức. Giáo dục điện tử đồng nghĩa với việc người học có thể truy cập tới rất nhiều nguồn tài nguyên phục vụ cho học tập: cả tư liệu và con người, và theo cách này mỗi người đều có quyền chọn lựa hình thức học tập phù hợp nhất với khả năng và điều kiện của mình.

Elearning giúp cho việc học tập vẫn có thể tiến hành được đồng thời trong khi làm việc, khi mà các doanh nghiệp đã bắt đầu nhận thấy học tập không chỉ có thể diễn ra lớp học.

Các lợi ích của Elearning

Đối với các tổ chức đào tạo: Đối với các tổ chức đào tạo Elearning giúp :

- Giảm chi phí đào tạo.
- Giúp đào tạo người học cá biệt .
- Làm cho đào tạo trên lớp học sống động hơn .
- Tăng uy tín của tổ chức đào tạo .

Đối với người học: Đối với người học Elearning giúp:

- Thời gian đào tạo ngắn hơn.

- Tiết kiệm thời gian hơn .
- Người học kiểm soát quá trình học .
- Đào tạo bám sát các yêu cầu và sở thích cá nhân .
- Đào tạo phù hợp với các kế hoạch bận rộn, bất thường .

Phân biệt Elearning với một số khái niệm khác

Có một số khái niệm gần với khái niệm Elearning. Sau đây là phần giải thích các khái niệm đó :

- *Online Learning - Học tập trực tuyến*: Chỉ là một phần của Elearning, mô tả việc học tập qua Internet /intranet/LAN/WAN, loại trừ việc sử dụng CD-ROM.
- *Computer-based training - Đào tạo dựa trên máy tính*: Mô tả việc học tập mà các bài học được phân phối đến tay người học thông qua CD-ROM
- *Web-based training - Đào tạo dựa trên web*: Việc học tập được tiến hành dựa trên môi trường web.
- *E-Training*: Mô tả việc đào tạo thông qua Elearning
- *Synchronous Learning - Học đồng bộ*: Mô tả việc học tập online, thời gian thực trong đó mọi người đăng nhập vào cùng một thời điểm và trao đổi thông tin trực tiếp với nhau. Ví dụ: video/audio conferencing, chat room, nghe đài phát sóng trực tiếp, xem tivi phát sóng trực tiếp
- *Asynchronous Learning - Học không đồng bộ*: Là cách học trong đó không cần đảm bảo tính thời gian thực, không hỗ trợ trao đổi trực tiếp với nhau. Đặc trưng của kiểu học này là giảng viên phải chuẩn bị tài liệu khóa học trước khi khóa học diễn ra. Người học được tự do chọn lựa thời gian tham gia khóa học. Ví dụ : Các khóa tự học qua Internet, CD-ROM, E-mail, Forum...
- *Formal Learning - Học tập chính thống*: Đa số thời gian học tập tuân theo

một chương trình được xác định trước. Mô hình đào tạo có giáo viên hướng dẫn là dựa trên formal learning.

- *Informal Learning - Học tập không chính thống*: Việc học tập không dựa theo một chương trình được xác định trước. Ví dụ việc trao đổi thông tin giữa người học khi cùng làm chung một vấn đề. Ví dụ khác là khi người học được giao một nhiệm vụ thực hiện một mình. Khi đó, anh ta có thể tìm kiếm, thu thập các tài nguyên trên mạng hoặc anh ta cũng có thể hỏi trực tiếp chuyên gia.

1.6. Học tập kết hợp (Blended learning)

Mặc dù Elearning rất hiệu quả, nhưng không thể thay thế hoàn toàn cách học truyền thống được. Mỗi phương pháp đều chứa đựng trong đó những ưu và nhược điểm.

Sử dụng Elearning thì mọi rào cản về tâm lý, giao tiếp của cả người dạy và người học đều bị xóa bỏ, việc trao đổi người học-người dạy luôn được diễn ra đồng thời hoặc không đồng thời. Cả người dạy lẫn người học đều có cơ hội “lật đi, xới lại” vấn đề mà không bị ràng buộc bởi thời gian, không gian, đối tượng. Các kỹ năng giao tiếp, làm việc hợp tác, tự điều chỉnh để thích ứng... của người học sẽ được hoàn thiện không ngừng. Sự tương tác giữa người dạy và người học vẫn được duy trì thông qua các diễn đàn (forum), hội thoại trực tuyến (chatting), thư từ (e- mail), hội nghị truyền hình (video conferencing)... Tuy nhiên sự giao tiếp cần thiết giữa người dạy và người học bị phá vỡ và kém hiệu quả hơn cách thức giảng dạy truyền thống.

Cần kết hợp cả hai phương pháp này để có thể tận dụng các ưu điểm của cả hai đem lại hiệu quả giảng dạy cao nhất. Nhà sư phạm sẽ chuyển tải toàn bộ nội dung học lên môi trường trực tuyến và dành đa số thời gian của khóa học cho việc trao đổi, thảo luận, đặt vấn đề, và giải quyết vấn đề. Rất nhiều nhà sư phạm đã nhận thấy rằng họ có thể tiết kiệm thời gian và tăng khả năng của người học bằng cách cho phép người học làm việc với các tài liệu ngoài lớp. Điều này cho phép sử dụng

thời gian tại lớp chỉ để giải quyết các thắc mắc, rắc rối trong quá trình tìm hiểu.

1.7. Các chuẩn Elearning hiện có

1.7.1. Chuẩn đóng gói

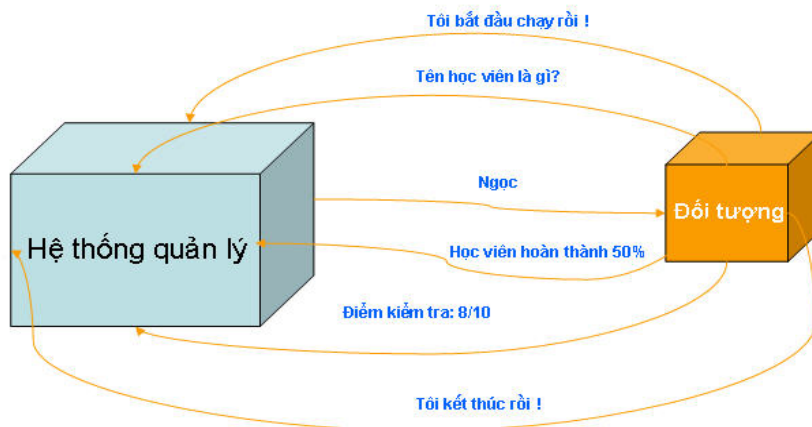
Chuẩn đóng gói mô tả các cách ghép các đối tượng học tập riêng rẽ để tạo ra một bài học, khóa học, hay các đơn vị nội dung khác, sau đó vận chuyển và sử dụng lại cốt lõi của đặc tả Content Packaging là một file manifest. File này phải được đặt tên là *imsmanifest.xml* và phải tuân theo các luật XML về cấu trúc và định dạng. File có bốn phần chính:

- *Meta-data ghi các thông tin cụ thể về gói.*
- *Organizations là nơi mô tả cấu trúc nội dung chính của gói. Và được xem như bảng mục lục tham chiếu tới các tài nguyên và các manifest con khác.*
- *Resources bao gồm các mô tả chỉ tới các file khác được đóng cùng trong gói hoặc các file khác ở ngoài (như là các địa chỉ Web chẳng hạn).*
- *Sub-manifests mô tả các gói được gộp vào bên trong gói chính. Mỗi sub-manifest cũng có cùng cấu trúc bao gồm Meta-data, Organizations, Resources, và Sub-manifests. Do đó manifest có thể chứa các sub-manifest và các sub-manifest có thể chứa các sub-manifest khác nữa.*

Đặc tả này cho phép gộp nhiều khóa học và các thành phần cao cấp khác từ các bài học đơn lẻ, các chủ đề và các đối tượng học tập mức thấp khác.

Đặc tả này cũng cung cấp các kỹ thuật gộp manifest và các file thành một gói vật lý. Các định dạng file được khuyến cáo để ghép các file riêng rẽ là PKZIP (ZIP) file, Jar file (JAR), hoặc cabinet (CAB) file. Phương pháp thực thi một chuẩn theo một công nghệ cụ thể được gọi là *binding* và không phải là phần lõi của chuẩn.

1.7.2. Chuẩn trao đổi thông tin



Hình 1.3 : Trao đổi thông tin giữa hệ thống quản lý và đối tượng học tập

Trong Elearning, các chuẩn trao đổi thông tin xác định một ngôn ngữ mà hệ thống quản lý có thể trao đổi thông tin được với các module.

Hình 1.3 cho thấy một vài chủ đề chính dùng trong trao đổi thông tin

- Hệ thống quản lý cần biết khi nào thì đối tượng (học tập) bắt đầu hoạt động,
- Đối tượng cần biết tên người học,
- Đối tượng thông báo ngược lại cho hệ thống quản lý người học đã hoàn thành đối tượng bao nhiêu phần trăm,
- Hệ thống quản lý cần biết thông tin về điểm người học để lưu vào cơ sở dữ liệu,
- Hệ thống quản lý cần biết khi nào người học chấm dứt học tập và đóng đối tượng học tập.

HỆ THỐNG QUẢN LÝ KHÓA HỌC – PHPBB

Tìm hiểu khái niệm chung về hệ thống quản lý khóa học (CMS) và giới thiệu về CMS phpbb.

1. Khái niệm hệ thống quản lý khóa học (CMS)

CMS là các ứng dụng web cho phép giáo viên và học viên đăng nhập và thực hiện vai trò tương ứng. Giáo viên và học viên có thể truy cập vào hệ thống từ bất kỳ đâu nhờ kết nối Internet. Khi nói về CMS cần nắm hai khái niệm là LMS và LCMS.

Learning Management System (LMS) là phần mềm quản lý, theo dõi và tạo các báo cáo dựa trên tương tác giữa người học với nội dung và giữa người học với giảng viên.

Learning Content Management System (LCMS) là hệ thống dùng để tạo, lưu trữ, tổng hợp, và phân phối nội dung Elearning dưới dạng các đối tượng học tập.

Một hệ thống Elearning bao gồm: Hệ thống quản lý học tập (Learning Management System – LMS) và hệ quản lý nội dung học tập (Learning Content Management System – LCMS). Giữa LMS và nội dung bài học (content) có quan hệ chặt chẽ. Mỗi LMS cụ thể chỉ chấp nhận content có dạng nhất định, ngược lại, một content chỉ sử dụng được trên một LMS xác định. Do vậy nội dung bài học phải được xây dựng tuân theo những chuẩn có tính toàn cầu nhằm đảm bảo tính chia sẻ, tái sử dụng và khả năng quản lý. LCMS và LMS khác biệt nhau nhưng bổ sung cho nhau, khi được thiết kế kết hợp chặt chẽ với nhau, thông tin từ hai hệ thống có thể trao đổi với nhau, cung cấp nội dung đào tạo linh động hơn và tính năng quản trị bao quát hơn.

CMS (Course Management System): là hệ thống quản lý các khóa học (tức hệ thống Elearning): nó bao gồm LMS và LCMS. Phpb chính là một CMS.

Về căn bản, CMS cung cấp công cụ cho nhà sư phạm để tạo ra một web site khóa học và cung cấp các điều khiển truy cập để người học có thể đăng ký và tham gia khóa học. Ngoài ra, CMS còn cung cấp nhiều tính năng làm cho khóa học trở nên hiệu quả hơn rất nhiều. Các tính năng mà CMS cung cấp bao gồm :

Việc tải lên và chia sẻ tài liệu

Đa số các CMS cung cấp các công cụ để có thể xuất bản nội dung một cách dễ dàng. Thay vì sử dụng một trình soạn HTML và sau đó gửi các tài liệu

đến server thông qua FTP, một cách đơn giản khác là sử dụng một webform để lưu trữ chương trình học trên server. Chương trình học, các bài thuyết trình, các bài đọc, và các bài báo được tải lên CMS giúp người học có thể truy cập vào bất cứ lúc nào họ muốn. **Forum và Chat**

Forum và chat trực tuyến cung cấp các phương tiện giao tiếp ngoài lớp học. Forum tạo điều kiện cho người học có nhiều thời gian hơn để suy nghĩ ra câu trả lời và đưa ra các ý kiến chính xác hơn. Chat cung cấp cách thức giao tiếp nhanh nhất, dễ dàng nhất giữa những người tham gia khóa học.

Kiểm tra và khảo sát

Đây là công cụ tuyệt vời để lấy các thông tin phản hồi nhanh của người học và đánh giá mức độ lĩnh hội các tài liệu học.

Tổng hợp và xem xét các bài tập lớn

Việc đưa ra các bài tập lớn trực tuyến là cách dễ dàng để theo dõi và cho điểm các bài tập lớn của người học. Hơn nữa, nghiên cứu cho thấy việc sử dụng môi trường trực tuyến người học (sử dụng nặc danh) có thể xem xét công việc của nhau nhờ đó làm tăng động cơ cũng như việc thực hiện của họ.

Ghi lại điểm số

Một cuốn sách chứa điểm số trực tuyến cung cấp cho người học thông tin về tình trạng việc học của họ trong khóa học. Sách tính điểm của CMS cho phép người học chỉ thấy điểm của riêng họ, không thể thấy điểm người học khác. CMS kết hợp tất cả các tính năng vào một gói duy nhất. Hiện nay thị trường CMS là một thị trường đang được đầu tư hàng triệu dollar và đang lớn mạnh nhanh chóng.

2. Những lý do để sử dụng CMS

Nhu cầu của người học.

Người học ngày càng hiểu biết hơn về công nghệ, và họ muốn có nhiều tư liệu trong khóa học từ web. Một khi trực tuyến, họ có thể truy cập các thông tin mới nhất bất cứ lúc nào và có thể sao chép tài liệu nếu cần. Nhờ sự lớn mạnh của các

công cụ giao tiếp trên Internet, giao tiếp trực tuyến là khả năng giao tiếp thứ hai của nhiều người học.

Thời khóa biểu của người học

Nhờ sử dụng CMS, người học có thể giao tiếp với các nhà sư phạm và người học khác bất cứ khi nào thời gian biểu của họ cho phép. Người học cũng có thể làm các bài kiểm tra và đọc các tài liệu trong khóa học vào bất cứ lúc nào. Người học cần sự linh hoạt trong truy cập và CMS chính là cách tốt nhất cung cấp cho họ cái họ mong muốn.

Các khóa học tốt hơn

Nếu được sử dụng tốt, CMS có thể làm cho lớp học hiệu quả hơn nhiều. Bằng cách chuyển tải một số phần của khóa học trực tuyến, nhà sư phạm có thể tận dụng thời gian gặp mặt ở lớp để trả lời, giải đáp các vướng mắc trong quá trình tìm hiểu của người học. Đồng thời người học cũng có thể trao đổi, thảo luận, nêu ý kiến một cách trực tuyến không phải ngại ngùng như là phải phát biểu trước lớp.

CMS được bắt đầu từ những năm 90 và ngày càng trưởng thành và dễ dàng hơn khi sử dụng. Công nghệ ngày càng phát triển mạnh mẽ, các chuyên gia lập trình đang viết những ứng dụng Web tốt nhất. Trong quá khứ, hầu hết các hệ thống được xây dựng là những dự án mang tính cá nhân, cục bộ và sau đó trở thành các sản phẩm thương mại. Hai gói mang tính thương mại, WebCT và Blackboard, cả hai đều bắt đầu là những dự án nhỏ và hiện đang dẫn đầu trong thị trường Elearning. Hiện hai ông trùm trong lĩnh vực này đã xác nhập thành một, tuy dẫn đầu về thị trường, nhưng phần mềm của họ chưa hẳn là tốt nhất và đáng tin cậy nhất.

2.3.Phpbb:

Phpbb là một hệ thống quản lý khóa học mã nguồn mở được sử dụng bởi nhiều tổ chức giáo dục trên thế giới để chuyển giao những khóa học trực tuyến, bổ sung thêm vào những khóa học truyền thống.

Đặc điểm của phpbb

Phpbb ngày càng được nhiều đơn vị đào tạo sử dụng vì được xây dựng, hỗ trợ và phát triển bởi một cộng đồng khổng lồ. Phpbb hoàn toàn có thể cạnh tranh với bất cứ hệ thống thương mại nào nhờ vào tập hợp các tính năng sẵn có và khả năng dễ dàng mở rộng.

Miễn phí và nguồn mở

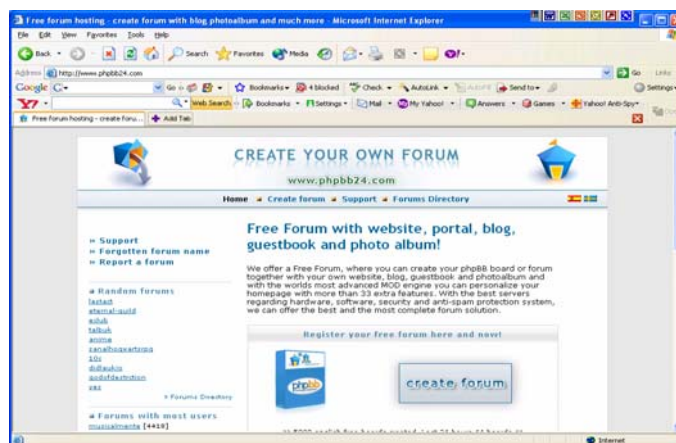
Người dùng có thể can thiệp vào phần source của phpbb, xem cách thức nó hoạt động, cũng như thay đổi chỉnh sửa để làm ra phpbb của riêng mình, nhưng dĩ nhiên là phải chấp hành đúng luật bản quyền về mã nguồn mở của GNU.

Cũng chính vì mã nguồn mở, mà phpbb thường xuyên được cung cấp thêm những tính năng mới, sửa lỗi, cải thiện bởi cộng đồng hỗ trợ. Tập hợp tất cả các ý kiến, ưu điểm nổi trội của cộng đồng để tích hợp vào phpbb.

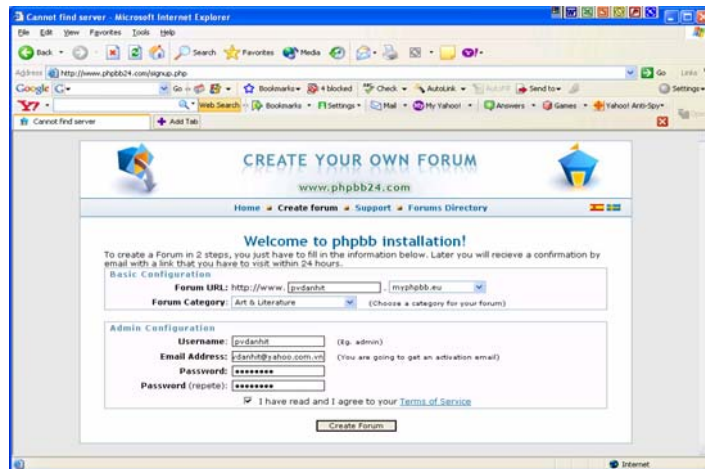
Như vậy phpbb được nhiều cá nhân, đơn vị đào tạo sử dụng vì tính sự phạm cao và được hỗ trợ bởi cộng đồng lớn.

Cách thiết lập và sử dụng PHPBB

Truy cập vào website www.phpbb24.com

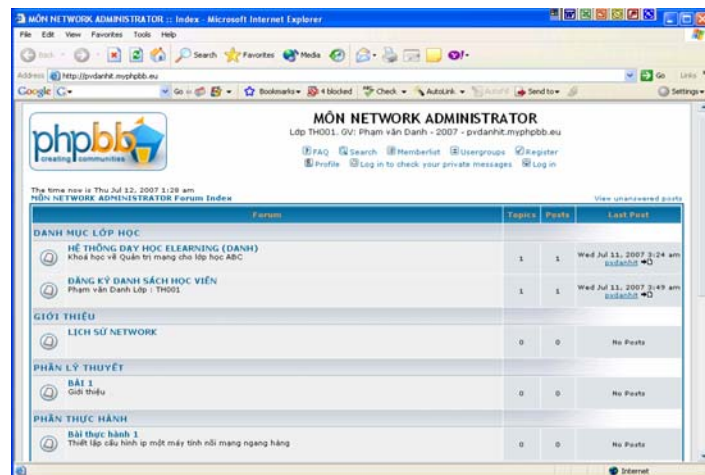


Chọn **Create forum** để đăng ký tên miền website cá nhân cho riêng mình.



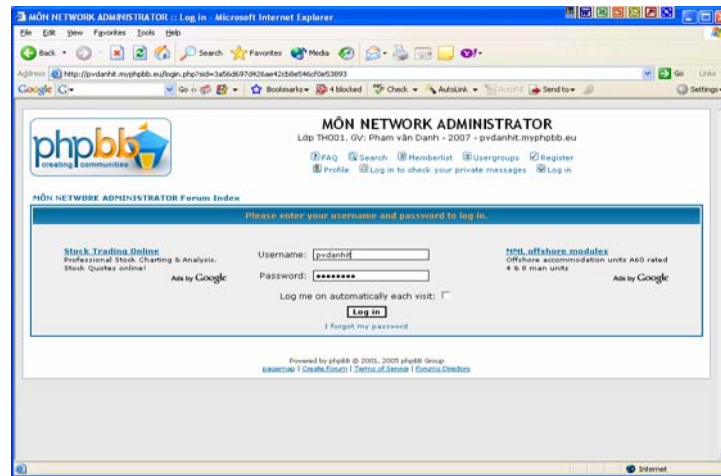
Sau khi đăng ký tên miền thành công thì hệ thống sẽ gửi mail cho ta và cung cấp tên miền, username, password. Sau đó gõ vào URL bình thường

(Ví dụ : pvdanhit.myphpbb.eu)

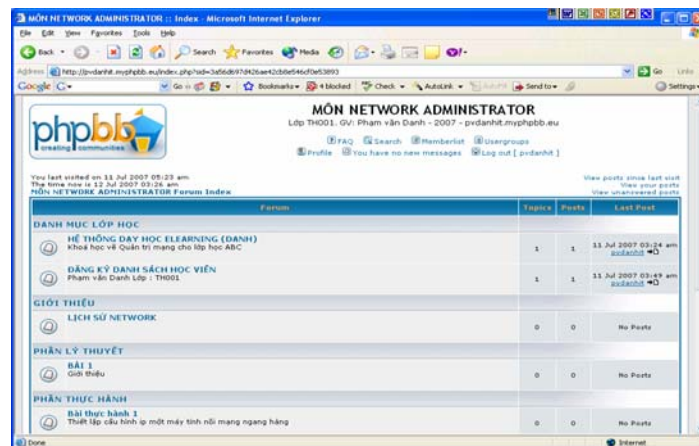


HỘI THẢO KHOA HỌC: ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN TRONG NHÀ TRƯỜNG VIỆT NAM-THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

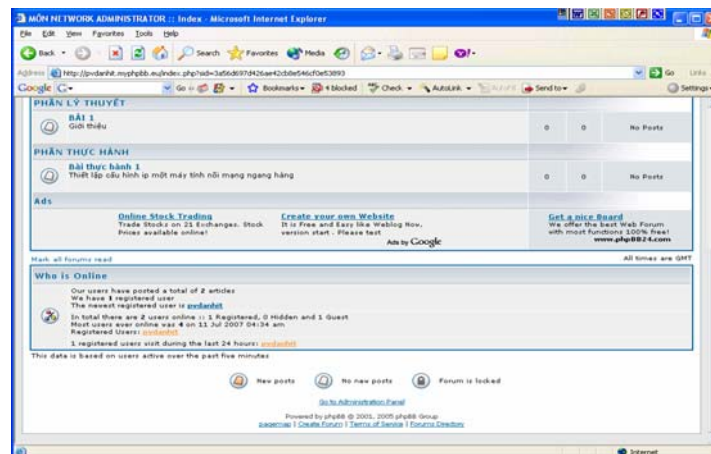
Để viết hóa Website ta Login vào quyền admin mà nhà cung cấp gửi cho ta



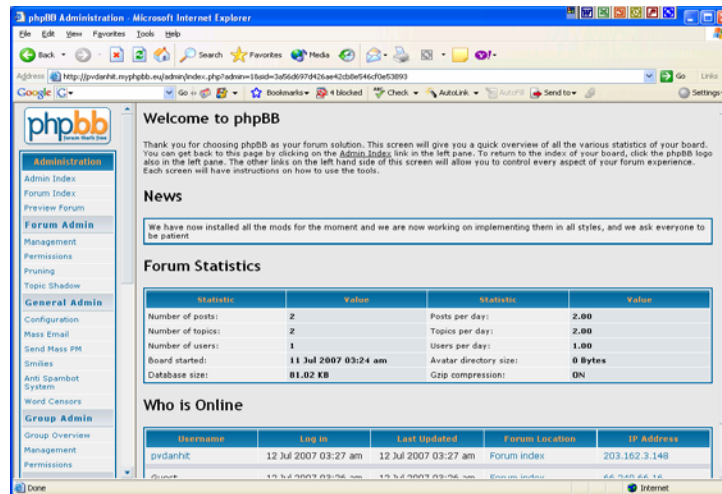
Nếu login vào thành công sẽ xuất hiện như sau :



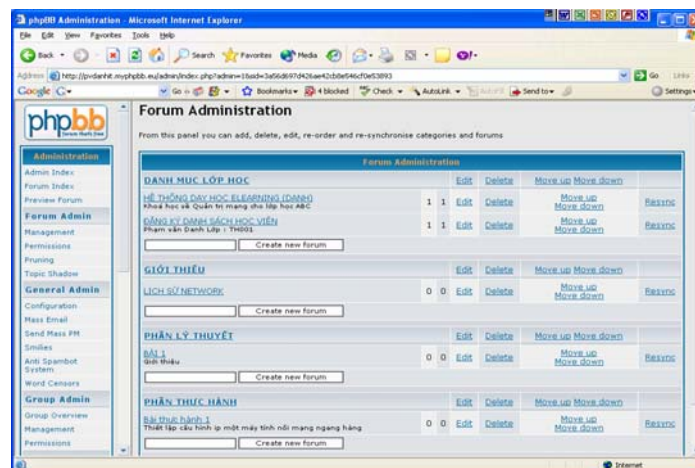
Để quản trị website chúng ta chọn **Go to Administrator Panel**



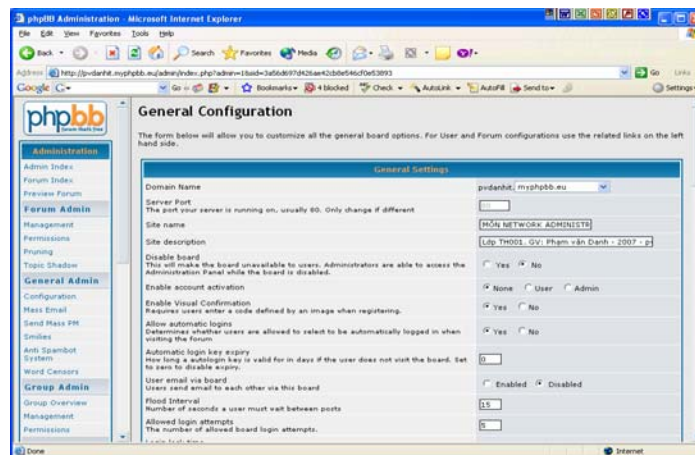
Sẽ xuất hiện trang Web quản trị của chúng ta như sau:



Ở đây chúng ta có thể edit tất cả mọi thứ theo nhu cầu



Trang thông tin configuration



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Đổi mới phương pháp dạy và học với sự hỗ trợ của CNTT – GS-TSKH Hoàng Kiếm – ĐH Quốc Gia Tp.HCM
- [2]. <http://el.edu.net.vn> website của mạng giáo dục.
- [3]. <http://www.phpbb24.com/> website của php

SỬ DỤNG HỆ THỐNG MOODLE PHỤC VỤ CHO VIỆC QUẢN LÝ KHÓA HỌC E-LEARNING

Phạm Văn Danh

Viện Nghiên cứu Giáo dục

PHẦN I : QUẢN TRỊ MOODLE

Phần này trình bày sử dụng Moodle, chủ yếu là vai trò Admin.

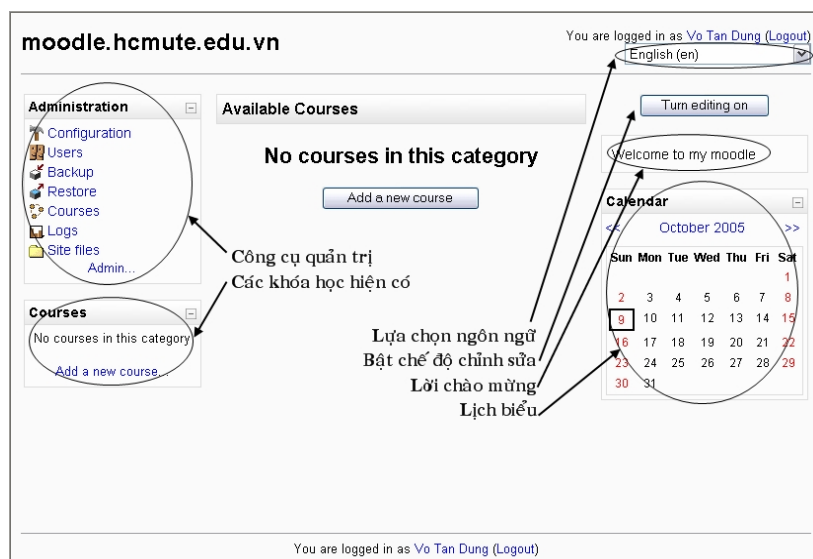
I.1. Đăng nhập

Login vào hệ thống với vai trò người quản trị (tài khoản đã khai báo trong lúc cài đặt). Màn hình đăng nhập như sau :

The screenshot shows the Moodle login interface. At the top left, the URL 'moodle.hcmute.edu.vn' is displayed. Below it, the site name 'mymoodle » Login to the site' is shown. On the right, there is a language selector set to 'English (en)' and a status message 'You are not logged in. (Login)'. The main content area is divided into two columns. The left column, titled 'Returning to this web site?', contains a login form with 'Username' (admin) and 'Password' (masked) fields, a 'Login' button, a 'Login as a guest' button, and a 'Send my details via email' button. The right column, titled 'Is this your first time here?', provides instructions for new users and a 'Create new account' button. A list of 7 steps details the account creation process.

Hình 4.1 : Màn hình Login

Nhập username và password. Màn hình đăng nhập lần đầu tiên với vai trò admin xuất hiện như sau :



Hình 4.2 : Cửa sổ làm việc của Admin

Người quản trị khi sử dụng thường bật chế độ chỉnh sửa (Turn editing on). Lúc này moodle cung cấp thêm một số công cụ quản trị.

Trang chủ được chia thành các khối, khối Main Menu giúp nhà quản trị hoặc giáo viên nhanh chóng tạo ra các tài nguyên cũng như hoạt động cho site hoặc cho khóa học. Khối Blocks cho phép thêm các khối mới chẳng hạn có thể thêm khối đăng nhập vào ngay trang chủ giúp người dùng thuận tiện hơn trong quá trình đăng nhập.

Ở mỗi khối có các ký hiệu lần lượt tương ứng với Ẩn/Hiện khối, Xóa khối, Di chuyển khối qua bên trái/phải, Di chuyển khối lên/xuống.

Chú ý: Moodle có hệ thống trợ giúp rất rõ ràng, ở mỗi mục Moodle đều trang bị nút trợ giúp. Khi click chuột vào biểu tượng bên phải một mục sẽ xuất hiện cửa sổ hướng dẫn tương ứng.

I.2. Quản lý người dùng

Từ khối Administration chọn Users, các chức năng quản trị tham khảo ở bảng 4.1 phần phụ lục.

I.2.1. Authentication -Chứng thực

Moodle hỗ trợ rất nhiều loại chứng thực, tuy nhiên ở đây chỉ đề cập đến Emailbased authentication(chứng thực dựa trên Email), Manual accounts only(chứng thực kê khai bằng tay), Use a POP3 server(Sử dụng một POP3 server).

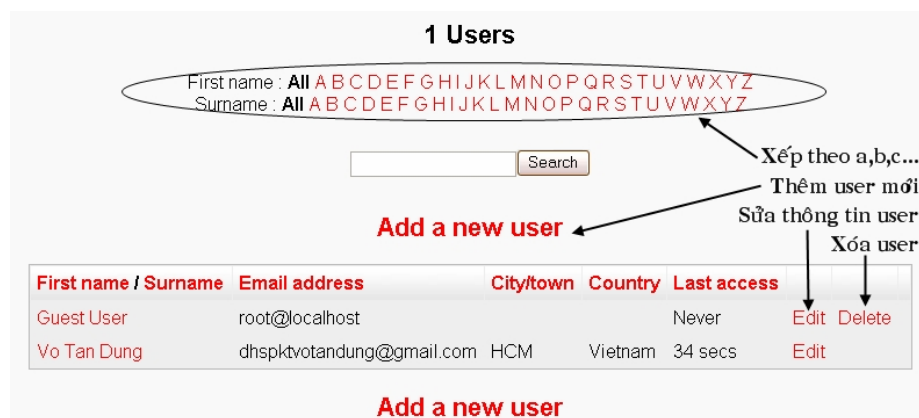
Email-based authentication: là phương pháp chứng thực mặc định. Khi người dùng đăng ký, chọn tên đăng nhập và mật khẩu mới của riêng họ, một Email xác nhận được gửi tới địa chỉ Email của người dùng. Email này bao gồm một đường kết nối bảo đảm tới một trang mà ở đó người dùng có thể xác nhận tài khoản của họ. Các đăng nhập trong tương lai sẽ kiểm tra tên đăng nhập và mật khẩu lại, các giá trị được lưu trữ trong cơ sở dữ liệu của Moodle.

Manual accounts only: Tất cả các tài khoản được tạo bằng tay bởi người quản trị.

Use a POP3 server: Phương pháp này sử dụng một POP3 server để kiểm tra khi nào tên đăng nhập và mật khẩu đưa ra là hợp lệ.

I.2.2. Edit user accounts - Soạn thảo tài khoản người dùng:

Màn hình soạn thảo như sau :



Hình 4.2 : Soạn thảo User mới

I.2.3. Add a new user - Thêm một người dùng mới bằng tay

Moodle sẽ hiển thị trang Edit với tab Edit Profile và người quản trị phải điền vào các thông tin tương ứng như Username, password...

Sau khi điền đầy đủ thông tin Click nút “Update profile” để cập nhật thông tin của User.

I.2.4. Upload users - Import các người dùng

Moodle hỗ trợ nhập người dùng từ file text, tham khảo định dạng file này ở phụ lục 2. Đây là một ví dụ về file dùng để import: username, password, firstname, lastname, email, lang, idnumber, maildisplay, course1, group1 jonest, verysecret, Tom, Jones, jonest@someplace.edu, en, 3663737, 1, Intro101, Section 1 reznort, somesecret, Trent, Reznor, reznort@someplace.edu, en_us, 6736733, 0, Advanced202, Section 3

I.2.5. Enrolments - kết nạp

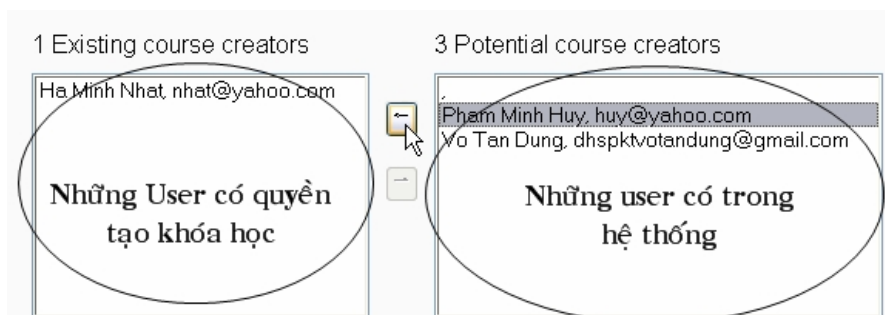
Moodle cho phép lựa chọn nhiều loại phương pháp kết nạp: External, File, Internal, các server ngoài... Tham khảo phụ lục 3.

I.2.6. Assign teachers - Phân công giáo viên và Enrol students-Kết nạp người học

Cả hai chức năng này đòi hỏi phải có các khóa học, đối với mỗi khóa học phải thực hiện phân công cho giáo viên và kết nạp người học. Khi chọn chức năng này, thì Moodle sẽ trình bày các khóa học hiện có, chọn khóa học muốn thao tác, sau đó thực hiện phân công giáo viên và kết nạp người học theo hướng dẫn của Moodle.

I.2.7. Assign creators-Phân công người tạo khóa học

Người quản trị có thể cấp cho một số User quyền tạo ra khóa học, màn hình gán quyền như sau:

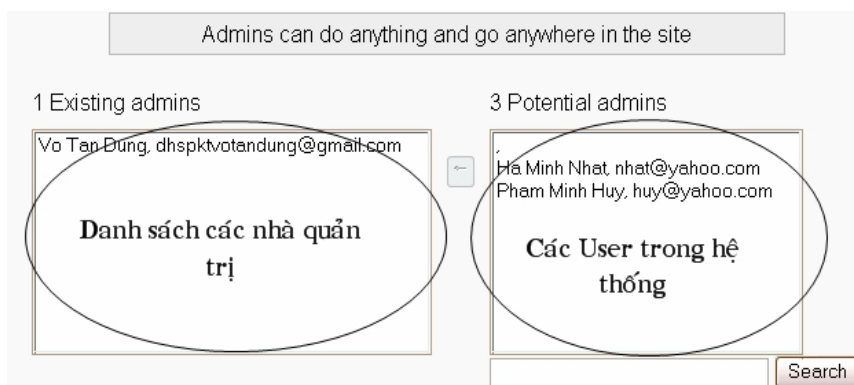


Hình 4.3 : Phân công người tạo khóa học

Dùng 2 phím mũi trên để di chuyển các User qua lại giữa hai danh sách.

I.2.8. Assign admins - Gán quyền quản trị

Để dễ dàng trong việc quản lý theo dõi, nhà quản trị có thể phân chia quyền với một số thành viên đáng tin cậy.



Hình 4.4 : Gán quyền Admin

I.3. Định cấu hình hệ thống

Trong lúc cài đặt Moodle cho chọn lựa một số cấu hình cho hệ thống, tuy nhiên có thể thay đổi các thiết lập này một cách dễ dàng ngay khi sử dụng Moodle. Hãy sử dụng chức năng Configuration trong khối Administrator. Moodle cho phép cấu hình các phần sau :

Chức năng		Giải thích
Variables	Các biến	Cấu hình các thông số ảnh hưởng đến hoạt động chung của site.
Site settings	Thiết lập Site	Thiết lập giao diện trang đầu
Themes		Giao diện site (các màu sắc, phong chữ vân vân...)
Language	Ngôn ngữ	Kiểm tra và soạn thảo bộ ngôn ngữ hiện hành
Modules	Các module	Quản lý các module được cài đặt
Blocks	Các khối	Quản lý các khối được cài đặt

Filters	Các bộ lọc	Chọn các bộ lọc văn bản và thiết lập có liên quan
Backup	Sao lưu	Định cấu hình các bản sao dự phòng và thiết lập sao lưu biểu tự động
Editor settings	thiết lập soạn thảo	Định nghĩa các thiết lập cơ bản đối với trình soạn thảo HTML
Calendar	Lịch	Cấu hình nhiều loại lịch biểu và ngày/giờ theo cách của Moodle
Maintenance mode		Dùng để nâng cấp, bảo trì và một số công việc khác

Bảng 4.1 : Các tính năng cấu hình Moodle

Chi tiết cấu hình được trình bày trong phụ lục 4.

I.4. Xây dựng khóa học trong Moodle

Mỗi khóa học trong Moodle được đặt trong một danh mục khóa học. Mỗi khóa được tạo bởi nhiều thành phần nhỏ gọi là tài nguyên hoặc hoạt động.

I.4.1. Danh mục khóa học - Course categories

Sử dụng danh mục khóa học, để phân chia các khóa học vào các bộ môn hay catalog khác nhau. Ví dụ có thể tạo ra các danh mục như: Tin học căn bản, Mạng, Hệ thống thông tin... trong đó ở danh mục tin học căn bản bao gồm các khóa học về word, excel, frontpage, access... Danh mục mạng bao gồm các khóa học về mạng căn bản, Unix, Cisco...

Để tạo ra danh mục khóa học sử dụng chức năng của khối Administrator. Sau đây là màn hình tạo ra các danh mục mới :

The screenshot shows the Moodle course category creation interface. It contains the following fields and options:

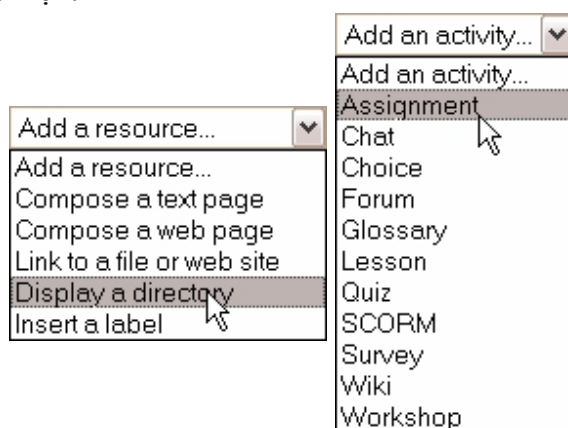
- Category:** Miscellaneous (dropdown menu)
- Full name:** Course Fullname 101 (text input)
- Short name:** CF101 (text input)
- ID number:** (empty text input)
- Summary:** A rich text editor with a toolbar (font: Trebuchet, size: 1 (8 pt)) and a text area containing the placeholder text: "Write a concise and interesting paragraph here that explains what this course is about".
- Format:** Weekly format (dropdown menu)
- Course start date:** 4 January 2006 (date selector)
- Enrolment duration:** Unlimited (dropdown menu)
- Number of weeks/topics:** 10 (dropdown menu)

Hình 4.5 : Các danh mục khóa học

Cứ lần lượt nhập tên các danh mục và nhấn nút Add new category.

I.4.2. Cấu hình khóa học - Course

Từ màn hình 4.13, nhấp vào nút “Add a new course” màn hình cấu hình cho khóa học mới xuất hiện:

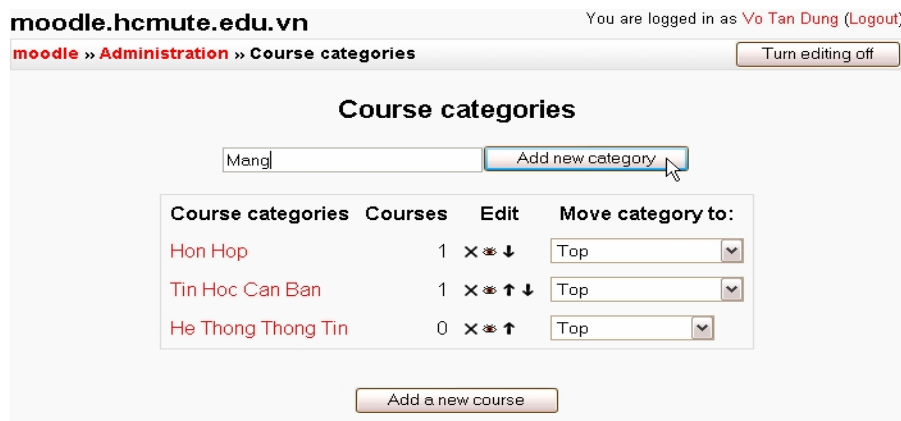


Hình 4.6: Cấu hình khóa học

Thông tin chi tiết về cấu hình khóa học tham khảo phụ lục 5.

I.3. Thêm các thành phần vào khóa học

Mỗi khóa học chứa các hoạt động (activity) và các tài nguyên (Resource). Để thêm các tài nguyên và hoạt động vào trong một khóa học, Moodle cung cấp cho nhà biên soạn khóa học 2 Combo box:



Hình 4.7: Chèn hoạt động, tài nguyên

Nhà biên soạn lần lượt chọn các tài nguyên hay hoạt động và thực hiện cấu hình. Việc sắp xếp, bố trí liên kết các module này tùy thuộc vào quan điểm cũng như nội dung bài giảng của từng môn học. Để thiết kế ra một khóa học hay đòi hỏi người soạn thảo không những có kiến thức chuyên môn mà còn phải có kiến thức về sự phạm và nắm vững các công cụ mà Moodle cung cấp.

Khi tạo các tài nguyên hay hoạt động trong khóa học cần chú ý đến các biểu tượng lần lượt có ý nghĩa là dịch qua trái, dịch qua phải, di chuyển đến vị trí khác, chỉnh sửa, xóa, ẩn/hiện, chế độ nhóm.

Bảng sau mô tả chức năng của các tài nguyên và hoạt động sẵn có trong Moodle:

Biểu tượng	Module	Diễn dịch	Chức năng
	Assignment	Bài tập lớn	Dùng để giao các nhiệm vụ trực tuyến; người học có thể nộp công việc làm được theo bất kỳ định dạng nào(ví dụ: MS Office, PDF, ảnh ...).
	Chat	Trò chuyện	Cho phép trao đổi thông tin thời gian thực đồng bộ giữa các người học.
	Choice	Lựa chọn	Người giảng dạy có thể tạo một câu hỏi và một số các lựa chọn cho người học; các kết quả được gửi lên để người học xem. Sử dụng module này để thực hiện các cuộc điều tra nhanh chóng về vấn đề cần quan tâm.
	Forum	Diễn đàn	Các cuộc thảo luận được phân chia chủ đề. Tham gia trong các diễn đàn giúp người học hiểu biết về vấn đề quan tâm
	Glossary	Bảng chú giải	Tạo bảng thuật ngữ sử dụng trong khóa thuật ngữ học.
	Hot Potatoes Quiz	Bài thi còn nhiều vấn đề tranh cãi	Module này cho phép người giảng dạy quản lý các bài thi còn nhiều tranh cãi, thông qua Moodle
	Journal	Sổ nhật ký	Người học phản ánh, ghi và xem lại các ý tưởng.
	Label	Nhãn	Đưa thêm các mô tả, hình ảnh đến vị trí bất kỳ trong khóa học.

	Lesson	Bài học	Cho phép người giảng dạy tạo và quản lý một tập các trang được kết nối. Mỗi trang có thể kết thúc bởi một câu hỏi. Người học chọn một câu hỏi từ một tập các câu hỏi, sau đó sẽ đi tiếp, lùi hoặc ở nguyên vị trí cũ.
	Quiz	Bài thi	Tạo tất cả các dạng câu hỏi quen thuộc bao gồm đúng-sai, đa lựa chọn, câu trả lời ngắn, câu hỏi phù hợp, câu hỏi ngẫu nhiên, câu hỏi số, các câu trả lời nhúng với đồ họa và text mô tả.
	Resource	Tài nguyên	Đưa tài nguyên vào khóa học
	SCORM		Import một gói nội dung theo chuẩn SCORM
	Survey	Bản khảo sát	Tạo bảng khảo sát (COLLES, ATTLS)
	Wiki	Wiki	Module này cho phép các thành viên làm việc với nhau trên cùng các trang Web để thêm, mở rộng và thay đổi nội dung
	Workshop	Hội thảo	Người học có thể đánh giá bài tập của nhau. Giáo viên thực hiện đánh giá cuối cùng.

Bảng 4.2 : Các Module của Moodle

4.5. Quản lý và theo dõi người học

Moodle hỗ trợ việc theo dõi các hoạt động của người học, sau khi người học đăng nhập vào hệ thống, thì bất cứ người học đi đến trang nào thuộc hệ thống quản lý thì các thông tin về liên kết và thời điểm sẽ được ghi nhận lại trong cơ sở dữ liệu của Moodle.

4.5.1. Phân nhóm người dùng

Việc phân nhóm người dùng giúp dễ dàng quản lý hơn. Có thể chia nhóm theo nhiều tiêu chuẩn khác nhau như: làm đề tài chung, cùng tổ, cùng lớp... Để chia nhóm hãy vào một khóa học chọn Groups (các nhóm) trong phần Administration (Điều hành). Moodle cho phép chia nhóm các user có trong khóa học. Có thể tạo nhóm, thêm user vào nhóm, hoặc xóa user ra khỏi nhóm.

4.5.2. Theo dõi việc truy cập của người dùng

Giáo viên muốn xem người học đã tìm hiểu tài liệu trong khóa học như thế nào, đã truy cập vào những trang nào, vào thời điểm nào thì giáo viên sẽ phải cần đến chức năng logs (thông tin truy cập). Chọn logs từ khối administration trong bất kỳ khóa học nào, lúc này Moodle cho phép bạn lựa chọn điều kiện để xem các thông tin truy cập của người dùng.

Những điều kiện cần lựa chọn bao gồm: khóa học nào, người dùng nào, thời gian nào, và hoạt động nào. Ví dụ : hình 4.8 tìm thông tin truy cập của Phạm Minh Huy trong khóa học Mạng Căn Bản vào ngày 20/11/2005 ở hoạt động kiểm tra.

Mạng Căn Bản: Phạm Minh Huy, Tuesday, 20 December 2005 (Giờ địa phương của máy chủ)

Mạng Căn Bản | Phạm Minh Huy | Ngày hôm nay, 20 December 2005 | Kiểm tra

Hiện các thông tin lưu này

Hiện thị 8 bản ghi

Thời gian	Địa chỉ IP	Tên đầy đủ	Hành động	Thông tin
Tue 20 December 2005, 09:16 PM	127.0.0.1	Phạm Minh Huy	lesson end	Kiểm tra
Tue 20 December 2005, 09:16 PM	127.0.0.1	Phạm Minh Huy	lesson view	Trả lời câu hỏi sau
Tue 20 December 2005, 09:16 PM	127.0.0.1	Phạm Minh Huy	lesson view	Trả lời câu hỏi sau
Tue 20 December 2005, 09:16 PM	127.0.0.1	Phạm Minh Huy	lesson view	Trả lời câu hỏi sau
Tue 20 December 2005, 09:15 PM	127.0.0.1	Phạm Minh Huy	lesson view	Trả lời câu hỏi sau
Tue 20 December 2005, 09:15 PM	127.0.0.1	Phạm Minh Huy	lesson start	Kiểm tra
Tue 20 December 2005, 09:15 PM	127.0.0.1	Phạm Minh Huy	lesson view	Cluster
Tue 20 December 2005, 09:15 PM	127.0.0.1	Phạm Minh Huy	lesson view	Trả lời câu hỏi sau

Hình 4.8: Theo dõi thông tin truy cập

Moodle cung cấp nhiều tính năng giúp nhà quản trị quản lý user và các nội dung học tập, nắm vững các tính năng này đem lại hiệu quả cao khi áp dụng moodle vào giảng dạy.

PHẦN II: CẤU TRÚC MOODLE VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chương này tìm hiểu cấu trúc site của Moodle từ đó tìm hiểu cách phát triển một module mới.

II.1 Cấu trúc của site

Cấu trúc site được trình bày tóm tắt trong bảng:

Tập tin/Thư	Ý nghĩa
--------------------	----------------

mục	
config.php	Là tập tin cấu hình, file này chứa các thông tin như : kiểu CSDL, tên CSDL kết nối đến, host chứa CSDL, tên người dùng và mật khẩu để kết nối CSDL, thư mục gốc của website trên server, thư mục data, nhà quản trị...
version.php	Tập tin chỉ định phiên bản hiện tại của Moodle
index.php	Trang đầu tiên của site
admin/	Thư mục chứa mã lệnh để quản trị toàn server
auth/	Thư mục chứa Module hỗ trợ chứng thực tài khoản người dùng
course/	Thư mục chứa mã lệnh để hiển thị và quản lý các khóa học
doc/	Thư mục chứa tài liệu hướng dẫn Moodle
files/	Thư mục chứa mã lệnh để hiển thị và quản lý các file được tải lên
lang/	Thư mục chứa các thư mục ngôn ngữ
lib/	Thư mục chứa thư viện cốt lõi của Moodle, đây được xem là nhân của Moodle.
login/	Thư mục chứa mã lệnh để điều khiển đăng nhập và tạo tài khoản người dùng
mod/	Thư mục chứa tất cả các modul phục vụ cho khóa học
pix/	Thư mục chứa các biểu tượng, hình ảnh sử dụng trong site
theme/	Thư mục chứa các thư mục giao diện site.
user/	Thư mục chứa mã lệnh để hiển thị và quản lý người dùng

Bảng 5.1: Cấu trúc site Moodle

Lưu ý: Khi viết thêm module mới, phần nhân của Moodle được sử dụng lại, khi đó cần include tập tin config.php trong thư mục gốc của Moodle vào phần code. Trong tập tin config này có dòng: `require_once("$CFG->dirroot/lib/setup.php");` dòng này include tập tin setup.php trong lib/, đây là tập tin chỉ đường dẫn đến các file thư viện của Moodle.

II.2 Thư viện Moodle:

Thư viện Moodle được đặt trong thư mục lib/, bảng sau tóm tắt chức năng một số file trong thư mục này:

Tập tin	Chức năng
adminlib.php	Chứa các hàm cần dùng cho nhà quản trị
weplib.php	Chứa các hàm xuất kết quả dạng HTML
uploadlib.php	Lớp điều khiển viện upload các file pagelib.php Chứa lớp cha của các trang trong Moodle
Moodlelib.php	Bộ thư viện chính của Moodle
graphlib.php	Lớp vẽ các hình đồ họa như đường thẳng, HCN...
gdlib.php	Tập hợp các chức năng liên quan đến xử lý file ảnh nhờ sử dụng GD
filterlib.php	Chứa các hàm riêng biệt hỗ trợ lọc dữ liệu
datalib.php	Thư viện chứa các hàm để thao tác với CSDL
blocklib.php	Chứa hàm cần thiết để sử dụng các khối
setup.php	Thiết lập session, kết nối vào cơ sở dữ liệu

Bảng 5.2: Thư viện Moodle

Khi có nhu cầu phát triển các Module mới cần nắm vững các hàm trong ba tập tin datalib.php, weplib.php, Moodlelib.php. Tham khảo bộ thư viện này ở phụ lục 6.

II.3 Module - cấu trúc và phát triển

Module chính là các đơn vị riêng rẽ cấu thành nên Moodle. Các hoạt động (activity) hoặc tài nguyên (resource) cũng được xem là module. Moodle được xây dựng để nhiều người cùng nhau phát triển, tùy theo quan điểm về khóa học của mỗi người mà họ có thể tạo ra một module riêng. Ví dụ: có thể tạo ra module bài kiểm tra, module lý thuyết...

Các module Moodle được đặt ở trong thư mục 'mod!'. Có một số module mặc định: assignment, choice, forum, journal, quiz, resource, và survey. Mỗi module là một thư mục con riêng biệt chứa các phần tử có tính bắt buộc sau:

- mod.html: form để nhập mới hoặc cập nhật thông tin cho mỗi thể hiện (instance) của module.
- version.php: thông tin về phiên bản.
- icon.gif: biểu tượng 16x16 pixel đại diện cho module
- db/: Chứa file .sql tạo các bảng cần sử dụng cho module.
- index.php: Trang liệt kê tất cả instance của module trong khóa học.
- view.php: Trang dùng để xem một thể hiện.
- lib.php: chứa các hàm cần thiết để tạo nên một instance. Nếu tên module là widget, thì các hàm được yêu cầu bao gồm:
 - widget_add_instance() - thêm một instance widget mới.
 - widget_update_instance() - cập nhật một instance đã có.
 - widget_delete_instance() - xóa một instance.
 - widget_user_outline() - Trả về tóm tắt ý kiến đóng góp của một người về một instance.
 - widget_user_complete() - Trả về đầy đủ ý kiến đóng góp của một người về một instance.
 - Để ngăn chặn khả năng xung đột, bất kỳ hàm nào của module có tên widget Moodle khuyến cáo nên đặt tên bắt đầu với widget_ và bất kỳ hằng nào được định nghĩa trong module nên bắt đầu với WIDGET_.
- Cuối cùng, mỗi module có một số file ngôn ngữ chứa các chuỗi đặc trưng cho module đó.

Để thuận lợi hơn cho người phát triển Moodle cung cấp mẫu module mới tại http://moodle.org/mod/newmodule_template.zip. Tải về giải nén vào thư mục mod/ và làm theo các bước sau để tạo một module:

1. Đổi tên thư mục mới giải nén thành tên module muốn thực hiện. Tên này nên

được đặt bằng một từ duy nhất, nên đặt toàn bằng chữ thường và chỉ chứa các ký tự từ a-z. Ví dụ: mymodule.

2. Mở từng file dạng web (.php, .html) trong thư mục này, thay đổi từ NEWMODULE thành tên module mới. (ví dụ: mymodule).
3. Viết lệnh SQL để tạo các bảng sử dụng trong module vào tập tin db/mysql.sql. Tên của bất kỳ bảng mới nào cũng phải có tiền tố 'prefix_' thay vì 'mdl_' để sau này khi thực hiện cài đặt Moodle sẽ yêu cầu điền tiền tố.
4. Thay đổi các từ NEWMODULE trong tập tin db/mysql.php thành tên module mới.
5. Tạo một hay nhiều file ngôn ngữ sử dụng trong module mới ở thư mục lang/LANG/NEWMODULE.php trong đó LANG là thư mục ngôn ngữ tương ứng. Moodle khuyên nên sử dụng thư mục 'en' để những người phát triển khác có thể dịch sang ngôn ngữ của họ). Tạo file ngôn ngữ tương tự các file có sẵn.
6. Mở cơ sở dữ liệu Moodle, thêm một mẫu tin đại diện cho module mới trong bảng prefix_modules.
7. Tới đây module mới đã được cập nhật vào combo Activity. Tùy vào chức năng của module mà cách viết mã lệnh cho các hàm sẽ khác nhau.

II.4. Mối quan hệ CSDL giữa module và khóa học (COURSE)

Nhằm mục đích không phụ thuộc vào khuôn mẫu Moodle, đồng thời tăng khả năng sử dụng lại các bảng ở các module khác phần này trình bày mối quan hệ giữa các module và khóa học.

Nếu có module mymodule thông thường sẽ có bảng prefix_mymodule trong cơ sở dữ liệu. Trong bảng này, mỗi mẫu tin yêu cầu phải có mã id đại diện cho từng phần tử (instance) của module. Đồng thời phải có thuộc tính course là mã khóa học cho biết phần tử này thuộc khóa học nào.

Mỗi khóa học được chia thành nhiều phần (chủ đề, section) khác nhau. Vì

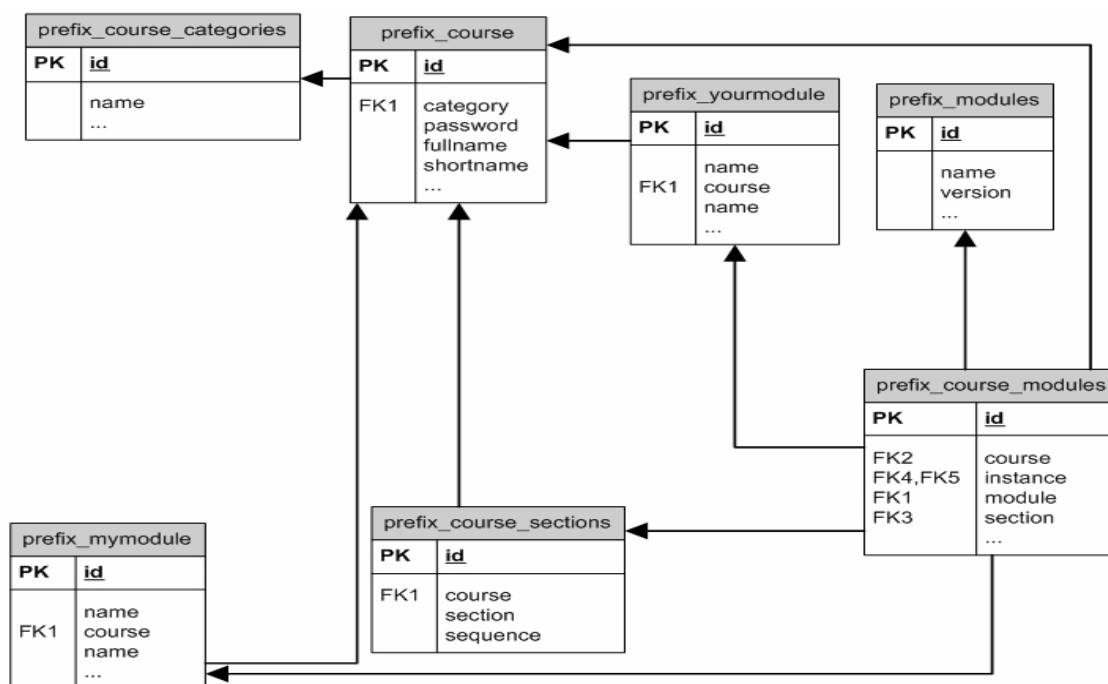
vậy

Moodle có bảng `prefix_course_sections` chứa thông tin các section của một khóa học.

Để biết mỗi phần tử của module nằm ở section nào trong khóa học ta có bảng `prefix_course_modules`. Trong bảng này, mỗi record chứa mã khóa học, mã module, mã section và mã một phần tử của module.

Để quản lý thứ tự các phần tử xuất hiện trong section thì bảng `prefix_course_sections` có cột `sequence` chứa lần lượt mã `course_module` theo thứ tự xuất hiện.

Quan hệ giữa các bảng được mô tả như hình 5.1:



Hình 5.1: Quan hệ giữa Module và Course

Chức năng các bảng trong hình 5.1

Tên bảng	Mô Tả
Prefix_course_categories	Danh mục khóa học
Prefix_course	Khóa học

Prefix_mymodule, prefix_yourmodule	Bảng chứa các instance của module tương ứng
Prefix_course_sections	Các phần (chủ đề) của khóa học
Prefix_modules	Danh mục module
Prefix_course_modules	Quan hệ giữa module và khóa học

Bảng 5.6: Mô tả chức năng các bảng hình 5.1

Như vậy để tạo một khóa học hoàn chỉnh (gồm các module) có thể thực hiện theo trình tự sau:

- Tạo khóa học (Chèn thông tin vào bảng prefix_course).
- Tạo lần lượt từng SECTION cho khóa học. Trong mỗi bước tạo section thực hiện:
 - Chèn thông tin SECTION vào bảng prefix_course_sections. (Lúc này cột Sequece bằng rỗng vì chưa có instance của module nào).
 - Tạo instance của các module (chèn thông tin vào bảng prefix_<ten module>).
 - Tạo mối quan hệ giữa Instance với khóa học (chèn thông tin vào bảng prefix_course_module).
 - Cập nhật lại thứ tự xuất hiện các instance (cập nhật lại thuộc tính sequence của section mới tạo).

Kết luận

Moodle cung cấp bộ thư viện quan trọng hỗ trợ nhà phát triển trong xử lý dữ liệu, quản lý người dùng và xuất bản web. Ba tập tin thư viện quan trọng là datalib.php, moodlelib.php, weblib.php. Nhà phát triển không cần nắm vững tất cả mối quan hệ trong moodle, chỉ cần nắm rõ mối quan hệ giữa module họ tạo và khóa học.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Võ Tấn Dũng, Trần Thị Anh Đào, Trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật - Khoa

Công Nghệ Thông Tin.

[2]. <http://el.edu.net.vn> website của mạng giáo dục.

[3]. <http://www.moodle.org> website của Moodle.

E-LEARNING (HỌC TRỰC TUYẾN) SỰ LỰA CHỌN CỦA THỜI ĐẠI

Võ Thúy Diệp

Chương trình Vietnamlearning - Công ty GK

Với sự phát triển mạnh mẽ cùng với những tiện ích mà Internet đem lại, việc cung cấp các khoá học trực tuyến đang trở thành một giải pháp hữu hiệu cho các tổ chức giáo dục, các doanh nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Đối với Việt Nam, đây đồng thời còn là hình thức để có thể tiến hành thành công sự nghiệp xã hội hoá giáo dục theo đúng nghĩa và sâu sắc nhất!

Đặc điểm

Có rất nhiều đổi mới và tiến bộ so với các hình thức học truyền thống, học trực tuyến hứa hẹn cung cấp cho học viên sự kết hợp hoàn hảo của NGHE, NHÌN và SỰ CHỦ ĐỘNG. Những lợi ích của học trực tuyến đó là giúp cho việc đào tạo hiệu quả tới được nhiều đối tượng học viên khác nhau trên toàn cầu, cắt giảm được chi phí in ấn, xuất bản và phân phối khi việc đào tạo qua mạng được áp dụng.

Người học trực tuyến có thể chủ động chọn những kiến thức phù hợp với mình so với hình thức tiếp thu thụ động trên lớp. Cùng với việc đánh giá được nhu cầu thực tế, học trực tuyến có thể áp dụng cho tất cả các nhu cầu cụ thể nhất.

Thêm vào đó, đào tạo trực tuyến đồng bộ giúp người học có khả năng tự kiểm soát cao thông qua việc tự đặt cho mình tốc độ học phù hợp, bỏ qua những phần hướng dẫn đơn giản không cần thiết mà vẫn đáp ứng được tiến độ chung của khoá học.

Với những đặc điểm cơ bản như vậy, học trực tuyến là giải pháp tối ưu cho một lượng học viên rất lớn khác nhau về cách học, trình độ và nhu cầu học.

Một cách học mang tính tương tác cao

Với việc cung cấp tốt nhất các loại hình đào tạo đồng bộ hay công nghệ từ xa như hệ thống tin nhắn, chat, thư điện tử và đàm thoại qua mạng sẽ giảm được khả năng học viên bị cô lập, tạo ra sự tương tác cần thiết trong quá trình học. Nếu có thể tạo ra được các hình thức tương tác trực tuyến mạnh mẽ hơn nữa giữa học viên và giảng viên thì hiệu quả sẽ được nâng cao rõ rệt.

Lợi ích đối với Nhà quản lý đào tạo và các tổ chức

Có thể kể đến một số những lợi ích to lớn mà học trực tuyến đem lại như sau:

- **Tiết kiệm chi phí đào tạo** như: lương của giáo viên, chi phí thuê phòng học, chi phí đi lại ăn ở cho học viên và đặc biệt nữa là cắt giảm được chi phí hao tổn năng suất do thời gian nhân viên phải đi học.
- **Tận dụng được nguồn giảng viên chất lượng cao từ nhiều nơi trên thế giới do môi trường học trực tuyến đem lại.**
- **Giảm thời gian học** khoảng 40 – 60% (theo như nghiên cứu của Brandon Hall)
- **Nội dung truyền tải nhất quán, phù hợp với yêu cầu của người học**, cung cấp khả năng tự kiểm soát tốc độ học, nội dung học...
- **Kết quả hoàn thành chương trình đào tạo** được tự động hóa và được thông báo chính xác, khách quan.

Lợi ích cho học viên

Kèm theo việc tăng khả năng tiếp tục đáp ứng được công việc, giảm thời gian học và nhiều lợi ích như đã kể ở trên học trực tuyến còn đem lại cho học viên những lợi ích đặc biệt khác:

- **Học mọi lúc, mọi nơi** cho phép học viên có thể hoàn thành chương trình đào tạo một cách thuận tiện ngoài giờ làm việc hay ở nhà
- **Tiếp cận nhiều nguồn tài liệu ngay trong quá trình tiếp thu kiến thức**

- **Tự điều chỉnh tốc độ học** nhanh hoặc chậm giúp học viên giảm áp lực và tăng hứng thú học
- **Tự tin** hơn với việc học lại hoặc tham khảo thêm các nguồn tài liệu bổ sung mà không gặp phải áp lực bị kiểm soát.

Trong những năm qua, công nghệ thông tin, đặc biệt là Internet đã có những bước tiến vượt bậc, hỗ trợ đổi mới nội dung và phương pháp dạy và học. Những ưu, nhược điểm của học trực tuyến có được hoặc tồn tại phụ thuộc vào mục đích học, đối tượng học, cách thức tổ chức đào tạo khác nhau. Nhưng một điều không thể phủ nhận là học trực tuyến đang phát triển rất nhanh chóng và với tất cả những lợi ích to lớn từ phương thức học này, các tổ chức, doanh nghiệp hay cá nhân chắc chắn sẽ có được một chiến lược đào tạo tổng thể ưu việt nhất để phát triển thành công nguồn nhân lực của mình.

(Theo nguồn từ www.vietnamlearning.vn)

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN

Hoàng Mạnh Hà

Viện Nghiên cứu Giáo dục

I. LỢI ÍCH CỦA ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN:

1. Các đặc điểm của E-learning:

- **E-learning là một loại hình đào tạo năng động.** Nội dung thông tin mang tính thời đại, thực tế, không phải là những thông tin cũ hoặc “những thông tin ít phổ biến”. Các chuyên gia về mạng trực tuyến, các nguồn thông tin đáng tin cậy nhất, các phương pháp tiếp cận trong trường hợp khẩn cấp nhanh chóng và đơn giản.
- **E-Learning là hoạt động thực tế.** Người học học những kiến thức mình cần vào thời điểm nào người học cần.
- **E-learning là loại hình đào tạo mà học viên là chủ đạo.** Người tham gia vào loại hình đào tạo E-learning tự kiểm soát tốc độ học, công cụ học tập, địa điểm học cũng như khối lượng kiến thức mà họ muốn thu nhận, họ được tự mình quyết định cách thức thu nhận kiến thức, kỹ năng và khả năng phù hợp với phong cách học của chính mình.
- **E-learning là một loại hình đào tạo mang tính cá nhân.** Mỗi học viên của chương trình đào tạo E-learning lựa chọn các hoạt động từ danh mục cơ hội học tập cá nhân liên quan trực tiếp nhất tới kiến thức nền tảng, nhiệm vụ và công việc của mình tại thời điểm đó.
- **E-learning là loại hình đào tạo tổng quát.** E-learning cung cấp các hoạt động đào tạo từ rất nhiều nguồn khác nhau, bao gồm tất cả các chủ đề có thể nghĩ ra được, cho phép học viên lựa chọn dạng thức hoặc phương pháp học tập hoặc nhà cung cấp dịch vụ đào tạo tùy ý.

- **E-learning là loại hình đào tạo hiệu quả.** E-learning cho phép học viên tương tác với công cụ học tập để có thể **ghi nhớ được tối đa khối lượng kiến thức đã học được.**
- **E-learning là loại hình đào tạo tiết kiệm thời gian.** E-learning cho phép học viên có thể **học với tốc độ hiệu quả nhanh nhất có thể.** Loại hình đào tạo E-learning tự học giúp cho học viên **ghi nhớ kiến thức nhanh hơn** thông qua tính tương tác của nó, cho phép học viên tăng tốc độ học thông qua các công cụ học tập mà họ đã quen thuộc và tiếp nhận những công cụ học tập mà họ ít sử dụng nhất.

2. Lợi ích đầu tư cho đào tạo trực tuyến:

(Nguồn:

<http://www.gkcorp.com.vn/modules.php?name=Fun&file=article&sid=41>)

Cho đến gần đây, người ta vẫn gọi việc “chia sẻ kiến thức” là giáo dục – hay đào tạo – và thông thường nó có kết cấu tương đối chặt chẽ. Sinh viên tập trung trong phòng học có trang bị bảng đen (hoặc bảng trắng, trong môi trường tập thể) và nghe giáo viên thuyết giảng. Khi giáo viên giao bài tập về nhà thì một số sinh viên đã hoàn thành bài tập xuất sắc và ngược lại, số khác lại làm không tốt lắm. Bạn hãy nhớ cách thực hiện của phương thức đào tạo này.

Ngày nay, công nghệ có thể hỗ trợ quá trình học tập, cho phép mọi người học từ xa, tự học và học hỏi lẫn nhau. Công nghệ cũng giúp cho các công ty tiết kiệm được một khoản tiền lớn do giảm được chi phí đi lại và tăng tính hiệu quả. Lý tưởng hơn, nếu mọi người tự học, đồng thời trao đổi với giáo viên và bạn bè trong lớp, họ có thể tiếp thu nhiều thông tin hơn, nâng cao hiệu quả giúp cho toàn bộ quy trình.

Ưu điểm của đào tạo trực tuyến là:

- Tỷ lệ sinh viên hoàn thành khóa học cao hơn
- Thu được lợi nhuận nhanh hơn từ các sản phẩm mới
- Khóa học liên tục được triển khai ở nhiều nơi

- Giảm thiểu thời gian rời khỏi văn phòng hoặc khu vực kinh doanh
- Khóa học được cập nhật và triển khai nhanh chóng
- Kiểm soát thời gian thực hiện khóa học

Ai có thể tận dụng các ưu điểm của Chương trình đào tạo trực tuyến?

Việc áp dụng công nghệ vào quy trình học tập nghe có vẻ thú vị, nhưng điều đó có thật sự cần thiết không? Tất nhiên, thành công của doanh nghiệp phụ thuộc vào chính bản thân doanh nghiệp và vai trò của nhân viên trong doanh nghiệp đó. Để tìm hiểu xem liệu đào tạo trực tuyến có đem lại lợi ích cho doanh nghiệp hay không, bạn phải hiểu rõ doanh nghiệp của mình và những giá trị mà doanh nghiệp đem lại cho khách hàng.

Nếu tri thức là tài nguyên quan trọng đối với công ty của bạn thì việc chia sẻ kiến thức sẽ có một vai trò chủ chốt.

Nếu một chương trình học trực tuyến có thể giúp cải thiện vốn kiến thức của nhân viên, nó sẽ đem lại lợi ích cho toàn thể công ty, ví dụ như giúp nhân viên phục vụ khách hàng tốt hơn, tăng năng suất và lợi nhuận.

Công nghệ có vai trò hỗ trợ

Công nghệ giúp các công ty mở rộng chương trình học trên toàn cầu mà nhân viên không cần phải di chuyển đến các trung tâm đào tạo xa xôi, hay cử các chuyên gia đến đào tạo nhân viên của họ ở các nơi khác nhau trên thế giới. Tuy nhiên, công nghệ sẽ không giúp ích gì nếu bạn không có các tài liệu học tập tốt.

Để thiết kế một khóa học đem lại lợi ích cho nhân viên và công ty của bạn, bạn cần cân nhắc nhiều yếu tố khác nhau. Các yếu tố đó là:

- Người sử dụng có cơ hội tiếp cận khóa học không?
- Quá trình đào tạo của học viên có được ghi chép theo một cách thức hữu ích cho công ty không?

- Có các công cụ đánh giá nhằm xác nhận rằng học viên thực sự đang học trước khi họ nhấp chuột vào màn hình tiếp theo không?
- Nội dung có phù hợp với người học không?
- Khóa học có được trình bày một cách hấp dẫn và thuyết phục không, đồng thời có ảnh hưởng gì đến vấn đề văn hóa của người học không?

Công nghệ có vai trò hỗ trợ và có thể bổ sung chức năng cho hệ thống quản lý kiến thức, cho phép các nhà quản lý sắp xếp hợp lý quy trình truyền tải thông điệp đồng thời theo dõi khả năng tiếp nhận thông điệp của nhân viên. Quan trọng nhất là công nghệ có thể hỗ trợ chia sẻ kiến thức trực tiếp.

Công nghệ giúp mở rộng giới hạn chức năng của hệ thống học tập, giúp hệ thống hỗ trợ nhanh hơn, tương tác tốt hơn và trong phạm vi lớn hơn. Công nghệ là công cụ phục vụ cho con người. Công nghệ không thể viết lại những kiến thức nhằm chán nhằm làm cho chúng trở nên thú vị hơn. Công nghệ không giúp bạn quyết định được có nên cho đội ngũ tiếp thị tại Nhật của bạn tiếp cận các quy trình bán hàng do đội ngũ tiếp thị tại Đức phát triển không?

Bạn vẫn phải học tập chăm chỉ và tư duy theo cách của bạn.

Có đáng để đầu tư không?

Sẽ mất rất nhiều thời gian, tiền của và công sức để chuyển giao hệ thống đào tạo truyền thống thành các hệ thống đào tạo trực tuyến. Vậy có đáng để đầu tư không? Cũng giống như các quyết định kinh doanh quan trọng khác, sau khi tiến hành những nghiên cứu cần thiết nhằm thuyết phục bản thân mình rằng bạn đã quyết định đúng, bạn sẽ phải tự mình quyết định.

Hiệu quả đầu tư từ chương trình đào tạo trực tuyến có thể đến từ một trong hai cách sau hoặc cả hai cách. Cách thứ nhất là cải thiện việc trao đổi kiến thức thông qua cải thiện việc tiếp cận thông tin trong toàn công ty; và triển khai các hệ thống giúp nhân viên hợp tác làm việc nhằm làm tăng giá trị cho khách hàng, tối đa hóa hiệu quả làm việc của các thành viên trong công ty.

Cách thứ hai là giảm chi phí đào tạo hàng năm của doanh nghiệp như chi phí đi lại, chi phí mua tài liệu, học phí. Đúng vậy, bạn sẽ phải đầu tư vào hệ thống đào tạo trực tuyến, vào nội dung đào tạo. Tuy nhiên, bạn sẽ giảm được đáng kể chi phí mua vé máy bay, thuê khách sạn và tăng năng suất làm việc của nhân viên. Đối với các công ty lớn, chi phí này có thể lên đến hàng chục triệu đô-la.

Thời gian là tiền bạc, tri thức là sức mạnh

Công nghệ đã tạo ra các cơ hội lớn cho các công ty nâng cao vốn tri thức của nhân viên, giúp nhân viên không chỉ chia sẻ kiến thức bất kỳ lúc nào có thể, dù ở bàn uống nước hay tại các hội nghị bán hàng thường niên, mà còn có thể trao đổi hàng ngày với nhau thông qua hệ thống mạng nội bộ và các phòng chat trực tuyến.

Đào tạo trực tuyến đem lại cho các công ty cơ hội tập huấn và chia sẻ kiến thức để phát huy và thích ứng với các mục tiêu kinh doanh cũng như các hoạt động hàng ngày. Đào tạo trực tuyến còn tạo cơ hội cho các công ty trao đổi và trau dồi kiến thức hiệu quả hơn khi kiến thức được cung cấp theo nhiều cách khác nhau chứ không phải chỉ áp đặt từ trên xuống.

Đào tạo trực tuyến cũng giống hình thức đào tạo truyền thống, đó là phụ thuộc vào người học. Các hệ thống đào tạo trực tuyến thành công cũng không khác gì những chương trình đào tạo thành công mà không ứng dụng các công nghệ Internet. Cả hai phương pháp này đều đòi hỏi người học phải suy nghĩ, lập kế hoạch kỹ lưỡng và học tập chăm chỉ.

3. Sức mạnh của E-learning:

(Nguồn: <http://www.vietnamlearning.vn/thongtin/thongtin7.html>)

Tổng quan về E-learning

Trong xã hội toàn cầu hóa ngày nay, học tập là việc cần làm trong suốt cuộc đời không chỉ để đứng vững trong thị trường việc làm đầy cạnh tranh mà còn giúp nâng cao kiến thức văn hóa và xã hội của mỗi người. Chúng ta cần học những kỹ

năng mới, đồng thời bồi dưỡng nâng cao những kỹ năng sẵn có và tìm ra những cách thức mới và nhanh hơn để học những kỹ năng này.

E-learning là một phương pháp hiệu quả và khả thi, tận dụng tiến bộ của phương tiện điện tử, internet để truyền tải các kiến thức và kỹ năng đến những người học là cá nhân và tổ chức ở bất kì nơi nào trên thế giới tại bất kì thời điểm nào. Với các công cụ đào tạo truyền thông phong phú, cộng đồng người học online và các buổi thảo luận trực tuyến, E-learning giúp mọi người mở rộng cơ hội tiếp cận với các khóa học và đào tạo nhưng lại giúp giảm chi phí.

Tăng thời gian học tập – Tiết kiệm thời gian tìm kiếm

Tất cả những tổ chức và cá nhân muốn tìm kiếm các khóa đào tạo linh hoạt, xin mời đến với VietnamLearning để tham khảo rất nhiều những giải pháp về E-learning. Những giải pháp E-learning này bao gồm các khóa học online, các chương trình đào tạo có cấp chứng chỉ, các khóa đào tạo thường xuyên và chuyên nghiệp.

VietnamLearning giúp các bạn tìm được các nguồn đào tạo một cách nhanh chóng và dễ dàng nhất có thể. Thời gian của các bạn rất quý giá. Do đó, VietnamLearning cố gắng cung cấp cho các bạn những chương trình đào tạo trực tuyến phù hợp, theo những chủ đề được phân loại với hướng dẫn đơn giản và các bạn có thể tìm được những khoá học mong muốn chỉ đơn giản bằng mấy cú click chuột.

Tại sao E-learning lại hữu ích với bạn?

Dưới đây là một số tiện ích của E-learning:

- Học theo lịch của bạn, học bất cứ khi nào thuận tiện.
- Có thể học ở nhà hoặc ở nơi làm việc
- Công nghệ multimedia, học với cộng đồng online và các buổi thảo luận trực tuyến giúp bạn có được những kinh nghiệm học tập toàn diện song song với những kinh nghiệm của phương pháp học truyền thống.
- Phát triển những kỹ năng làm việc mới hoặc đào tạo một công việc mới

- Cung cấp cơ hội để giao lưu với những học viên khác.

4. Những tiện ích của E-learning:

(Nguồn: <http://www.vietnamlearning.vn/thongtin/thongtin3.html>)

E-learning mang lại rất nhiều tiện ích khác nhau cho các tổ chức và cá nhân. Và mỗi tổ chức, cá nhân lại có những cách nhìn khác nhau về tiện ích của E-learning. Dưới đây là tổng kết về một số tiện ích mà E-learning mang lại.

Mọi người chúng ta đều muốn có “Lợi thế tuyệt đối”. Lợi thế cạnh tranh. Lợi thế trong chiến dịch quảng bá mới. Lợi thế hoàn tất công việc.

Chúng ta đều muốn giành được lợi thế tuyệt đối so với người khác. Lợi thế tuyệt đối về mặt công nghệ. Lợi thế tuyệt đối về khả năng lãnh đạo. Lợi thế tuyệt đối về quy trình hoạt động.

Có lợi thế và đặc biệt là lợi thế tuyệt đối chính là điều mà E-learning hướng tới. Thông qua E-learning, bạn có thể giành được lợi thế mình muốn. Và, bạn có thể có được lợi thế tuyệt đối về mặt công nghệ và quy trình hoạt động. Hãy học cách có được lợi thế đó với E-learning.

Ưu điểm nổi bật E-learning cho học viên

- **Các khóa học có giá trị giúp tăng cơ hội kiếm tiền của bạn** – Học từ các công ty và chuyên gia hàng đầu ngay tại nhà hoặc tại nơi làm việc, tham gia khóa đào tạo trực tuyến học viên không cần phải di chuyển đến bất kì đâu.
- **Dễ sử dụng** - bạn chỉ cần có bộ trình duyệt internet; có định dạng HTML và được thiết kế để có thể tải về nhanh và giúp bạn tiến hành việc học một cách nhanh chóng; giao diện thiết kế đào tạo trực tuyến đã được kiểm nghiệm và chứng minh với hướng dẫn từng bước và dễ dàng. Các đặc điểm bao gồm: Công cụ bookmark (đánh dấu) chỉ cho bạn biết phần mình đang học vì thế bạn có thể quay trở lại một cách dễ dàng; Mục lục chủ đề để tìm kiếm thông tin về tất cả các phần của khóa học trong khi bạn đang tham gia một khóa học

- dễ dàng di chuyển từ một phần của một khóa học đến một phần cụ thể khác cũng thuộc khóa học đó.
- **Phần trợ giúp hữu ích và hiệu quả** - rất nhiều thông tin trợ giúp có trong các khóa học trực tuyến, hoặc do đội ngũ nhân viên của chúng tôi cung cấp.
- **Kiến thức thu về thỏa đáng với khoản đầu tư mà bạn bỏ ra** – chi phí đào tạo trực tuyến rất hợp lý – rẻ hơn so với các khóa đào tạo có người hướng dẫn, E-learning thực sự là một khoản đầu tư hiệu quả và dễ dàng.
- **Tương tác** – các bài tập mô phỏng cho phép học viên thực hành những kiến thức mà mình đang học, giúp cho học viên ghi nhớ được khối lượng kiến thức nhiều hơn; cung cấp các phương pháp học khác nhau thông qua các bài tập bằng phương tiện nghe nói, biểu đồ hiển thị, các bài kiểm tra và các bài tập có thể in ra được với các file định dạng PDF có thể tải xuống để luyện tập thêm.
- **Tự học và Thuận tiện** – học với tốc độ tùy chọn, nhanh chóng và tiết kiệm thời gian. Tập trung vào những kiến thức mà bạn cần- bỏ qua những kiến thức bạn đã biết hoặc không cần thiết Hoặc các phần lặp lại Bạn luôn luôn kiểm soát được không gian, thời gian và phương thức học với cách tiếp cận không hạn chế 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần.
- **Các bài học hoàn chỉnh** – học chuyên sâu các môn học – các bảng tra thuật ngữ khóa học được cung cấp, không cần đến từ điển; được xây dựng trên các ghi chú, thủ thuật học, tham khảo nhanh, các đường link cụ thể và các bài tập mô phỏng; với các bài tập và các file luyện tập giúp tăng khả năng ghi nhớ của bạn và nâng cao mức độ sử dụng các công cụ học tập cũng như luôn cập nhật các công cụ học tập này.
- **Các bài kiểm tra đánh giá kỹ năng trước và sau khóa đào tạo để kiểm tra tiến độ học của bạn** – có thể sử dụng trước, trong hoặc sau khi kết thúc khóa học. Kiểm tra thử lần đầu, kiểm tra thử đạt kết quả cao nhất và trình độ khóa đào tạo trực tuyến đều được theo dõi. Nếu qua được các bài kiểm tra, biểu

tượng đánh dấu đã qua màu xanh sẽ xuất hiện, thể hiện bạn “đã hoàn thành khóa học”. Trang lưu kết quả - có những đường link trực tiếp đến từng đơn vị học trình, vì thế nếu học viên không qua một đơn vị học trình, họ có thể truy cập trực tiếp để làm lại bài kiểm tra của đơn vị học trình đó.

- **Tương thích với nhiều hệ điều hành** – học viên có thể sử dụng hệ điều hành Windows, Mac và Unix để truy cập vào khóa đào tạo trực tuyến.

Những lợi ích của E-learning cho doanh nghiệp

Tại sao E-learning được coi là một công cụ quyền năng? Có rất nhiều lý do. Cụ thể là, E-learning cho phép bạn:

Loại bỏ sự lãng phí thời gian và tiền bạc

Với phương pháp đào tạo truyền thống, càng có nhiều người tham gia thì càng có nhiều sự phân tán về địa lý và chi phí đào tạo càng lớn. Thông thường, tiền không được sử dụng trực tiếp cho đào tạo mà thông qua vé máy bay, nơi ở, ăn uống, thuê phòng hội thảo... Với giải pháp E-learning, chi phí không thay đổi cho dù bạn đào tạo 100 người hoặc 1000 người, và 100 % chi phí đào tạo thực sự được sử dụng cho đào tạo.

Tập trung đào tạo

Trong phương pháp đào tạo truyền thống, người học gặp phải rất nhiều những hoạt động vô nghĩa bằng lời chẳng hạn như chào hỏi và giới thiệu, các câu hỏi không liên quan của người học cùng, thông tin về nơi ở, những từ “ừm”, “à” và một vài sự theo đuổi. Trên thực tế, khi chúng ta bỏ qua tất cả những hoạt động vô nghĩa bằng lời đó và chuyển một cuộc hội thảo kéo dài một ngày thành định dạng đa phương tiện, chúng ta thường chỉ mất 3 hoặc 4 giờ đào tạo thực sự. Điều này có nghĩa là đối với một lớp học 12 người kéo dài trong 2 ngày thì một công ty có thể tiết kiệm 120 h cho mỗi người bằng cách đưa lớp học trực tuyến.

Tạo hiệu quả làm việc cho nhân viên mới

Những nhân viên mới thường mất bao lâu chờ đợi để được hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ và trách nhiệm của mình? Sẽ chỉ mất một ngày để đào tạo cho họ tất cả các điều cơ bản. E-learning cho phép bạn dễ dàng giúp họ thành công

Duy trì năng suất làm việc của nhân viên

Với giải pháp E-learning, nhân viên có thể được đào tạo mọi lúc mọi nơi như vào giờ giải lao trong các cuộc họp, lúc ở nhà chăm sóc con ốm, trong lúc chờ đợi lên máy bay hoặc thậm chí khi ở trên máy bay. Việc đào tạo có thể được thực hiện linh hoạt thay vì bắt buộc nếu không có lợi cho kinh doanh. Điều này đặc biệt quan trọng đối với đào tạo kỹ năng bán hàng bởi vì mỗi một giờ đào tạo nhân viên kinh doanh đồng nghĩa với việc bạn mất đi lợi nhuận bán hàng tương ứng. E-learning phù hợp với kế hoạch của mọi người và giúp tận dụng tối đa thời gian.

Theo kịp tốc độ

Một số người nắm bắt các khái niệm nhanh hơn những người khác, do đó rất nhiều người lãng phí thời gian ngồi trong các buổi đào tạo hoặc không thể áp dụng đối với họ hoặc gồm các chủ đề họ đã biết. E-learning cho phép mỗi người được đào tạo tùy theo tốc độ nắm bắt của mình và tập trung vào những gì họ thấy khó khăn.

Nâng cao tính nhất quán và hiệu quả

Việc cung cấp đào tạo sẽ không nhất quán khi cung cấp cùng một khoá học đào tạo với cùng một chương trình đào tạo trong nhiều dịp khác nhau. Với E-learning, bạn có thể đảm bảo rằng tất cả học viên nhận được cùng một thông tin mỗi khi thông tin đó được đưa ra. Điều này rất có lợi khi bạn phải chứng minh những khái niệm trong đào tạo của bạn trong những tình huống được hỏi ý kiến .

Đào tạo được TẤT CẢ MỌI NGƯỜI

Bạn có thể có cơ hội để tập trung tất cả nhân viên trong công ty vào cùng một địa điểm và cùng một thời điểm để đào tạo hay không? Câu trả lời là gần như không thể. Ngay cả khi buổi đào tạo đó rất hiệu quả nhưng còn những cá nhân không thể tham dự thì sao? Hãy đào tạo cho tất cả mọi người bằng cách sử dụng công cụ

multimedia. Chúng tôi cung cấp những giải pháp giúp nhanh chóng đưa tất cả những nội dung quan trọng lên mạng theo định dạng mà mọi người có thể truy cập từ các kết nối có dải thông thấp hoặc cao.

Đánh giá khả năng nắm bắt của nhân viên.

E-learning cung cấp các cơ hội nhằm đánh giá sự hiểu biết và khả năng nắm bắt vấn đề chính của nhân viên. Bạn có thể dễ dàng kiểm tra đầu vào của nhân viên để thấy loại hình đào tạo nào là thực sự cần thiết. Sau đó, bạn có thể tiến hành đào tạo và kiểm tra sau đào tạo để đánh giá chính xác họ đã học được những gì.

Cung cấp các mô phỏng tránh rủi ro

Đào tạo trong quá trình làm việc là hình thức rất hiệu quả nhưng đối với một số công việc bạn không muốn gây ra sai sót để học tập. Các bài tập mô phỏng của E-learning có thể giúp bạn đào tạo nhân viên cách tránh những sai sót, khó khăn không ngờ tới bằng cách học từ chính những sai sót của họ trong các mô phỏng ảo.

II. THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN HIỆN NAY:

1. Đào tạo ngoại ngữ trực tuyến đang “lên ngôi”?

(Nguồn: <http://www.globaledu.com.vn/ViewDetail.aspx?contentID=1541>)

Ngày nay, một trong những tiêu chí hàng đầu được các nhà tuyển dụng đặt ra là trình độ ngoại ngữ. Tại các doanh nghiệp, ngoại ngữ (nhất là tiếng Anh) trở thành cơ sở để xét thăng cấp hay tăng lương đối với mỗi nhân viên. Chính vì thế, không ít người đi làm đã “đổ xô” đi học tiếng Anh, nhưng hình thức học tập nào là hiệu quả, có tính chủ động cao và tiết kiệm chi phí?

Hình thức học ngoại ngữ trực tiếp “thoái vị”?

Nếu như đến một trung tâm ngoại ngữ loại tốt như Apollo, Language Link, Hội đồng Anh... có chuyên gia nước ngoài giảng dạy, người học phải bỏ ra ít nhất từ 200-300.000 đồng/buổi. Đổi lại, người học được học tập trong môi trường tiếng Anh, trao đổi trực tiếp với giảng viên bản xứ, luyện nói và luyện tiếng theo nhóm,

tăng cường khả năng giao tiếp tiếng Anh của mình... Với sự hỗ trợ của các phương tiện học tập hiện đại, trình độ tiếng Anh của người học thực sự được nâng cao.

Tuy nhiên, không phải ai cũng sẵn sàng bỏ ra một khoản tiền lớn để “đầu tư” cho học tập. Phần đông, họ lựa chọn đăng ký học ở một trung tâm “thường thường bậc trung” nào đó, vốn đang mọc lên như nấm từng ngày trước nhu cầu ngày càng cao của mọi đối tượng. Thanh Tâm, sinh viên năm cuối ĐH Công nghiệp cho biết: “Em sắp ra trường rồi nên cũng cần biết chút tiếng Anh. Em đã đăng ký học một lớp tiếng Anh giao tiếp ở trung tâm ngoại ngữ X dưới Thanh Xuân. Toàn giáo viên Việt Nam dạy, vài tuần mới có một người nước ngoài đến nhưng toàn dạy lại những gì giáo viên Việt Nam đã dạy. Muốn bỏ ngang nhưng tiếc tiền nên cố học cho xong”. Do chi phí mời chuyên gia giảng dạy khá tốn kém, một số trung tâm đã thuê Tây balô đứng lớp, khiến người học sau một thời gian đi học trung tâm mà trình độ tiếng Anh chẳng khá lên bao nhiêu, thậm chí phát âm còn bị “ngọng”, bị sai rất nhiều.

Đào tạo trực tuyến "lên ngôi"?!

Hình thức đào tạo trực tuyến không còn xa lạ trên thế giới. Theo Cyber Universities, gần 90% trường ĐH tại Singapore sử dụng phương pháp đào tạo trực tuyến và ở Mỹ con số này là hơn 80%. Tại Việt Nam, sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin kéo theo số người sử dụng Internet tăng vọt. Thống kê của Trung tâm Internet Việt Nam (VNNIC) – Bộ Thông tin - Truyền thông đến tháng 9/2007, Việt Nam có 17,5 triệu người sử dụng Internet (chiếm 20,85% dân số) và 5 triệu thuê bao Internet quy đổi.

Cùng với sự gia tăng nhanh chóng này, cách làm việc, học tập, giải trí của người sử dụng Internet tại Việt Nam cũng thay đổi theo những công thức mới. Trong lĩnh vực giáo dục, xu hướng đào tạo trực tuyến ngày càng phổ biến, nhất là trong đào tạo ngoại ngữ. Hiện nay, cả nước có khoảng 20 đơn vị đào tạo ngoại ngữ trực tuyến và chắc chắn sẽ không dừng lại ở con số này.

Giống như phương thức đào tạo ngoại ngữ trực tiếp, đào tạo trực tuyến cũng có giáo viên, chương trình học được cung cấp bởi các trường đại học danh tiếng trên thế giới và sau khi kết thúc khóa học, người học nhận được chứng chỉ có giá trị.

Tuy nhiên, điểm khác biệt cơ bản của đào tạo trực tuyến là người học hoàn toàn chủ động về thời gian, địa điểm và tiền bạc. Với sự trợ giúp của Internet, người học được tiếp cận với [nguồn tư liệu phong phú](#) không giới hạn và học tập được nhiều hơn so với số tiền mà họ phải bỏ ra. Theo Global Education, đơn vị đào tạo tiếng Anh trực tuyến uy tín tại Việt Nam, với các mệnh giá thẻ mà công ty này phát hành thì người học chỉ mất khoảng 3.000 đồng cho cả ngày học (24/24). Thậm chí, với [iCard online 24 tháng](#) mà Global Education vừa phát hành thì người học chỉ phải bỏ ra 1.500 đồng cho 24 giờ học tiếng Anh.

Tự do lựa chọn chương trình học tập phù hợp với trình độ của bản thân, lại được tiếp xúc với giọng chuẩn của các chuyên gia bản ngữ với sự hỗ trợ của Audio, Video, người học được phát triển hoàn chỉnh cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Học viên cũng có thể trao đổi trực tiếp với giáo viên thông qua hệ thống Yahoo Messenger hay giao lưu, trò chuyện với hàng nghìn học viên khác qua các diễn đàn. Điều quan trọng là bằng phương pháp học tập mới, học viên rèn luyện cho mình tính tự giác cao, kỷ luật và độc lập.

Vẫn song song tồn tại cùng nhau, nhưng rõ ràng đào tạo ngoại ngữ trực tuyến ngày càng khẳng định sự phát triển mạnh mẽ và điều này hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ thông tin.

2. SV ĐH trực tuyến chịu nhiều thiệt thòi:

(Nguồn:<http://vietnamnet.vn/giaoduc/2005/10/503133/>)

Ngày nay ở Hàn Quốc, khi số đơn đăng ký học các trường ĐH trực tuyến (trường đào tạo từ xa qua mạng Internet) tăng, những lời phàn nàn liên quan đến vị thế của SV ĐH trực tuyến cũng tăng lên.

Không được coi là SV ĐH

Lee Sang-mi, 29 tuổi, SV trường ĐH trực tuyến Kyung Hee Cyber đã gặp khó khăn khi cố gắng mua vé tháng xe điện ngầm. Cô hy vọng sẽ được hưởng mức giảm 20% dành cho SV song không được.

Một nhân viên ga điện ngầm nói Lee không đủ điều kiện được giảm tiền bởi vì cô là một SV trường ĐH trực tuyến, không phải trường ĐH thông thường.

Nhân viên ga Kwanghwamun ở Trung Seoul cho phóng viên *Thời báo Hàn Quốc* biết, anh ta không có sự lựa chọn nào khác là phải tuân theo luật lệ. Bởi, theo quy định, SV trường ĐH trực tuyến và SV cao học không được chiết khấu khi mua vé tàu điện ngầm.

Không chỉ mất khoản chiết khấu giá vé tàu xe, SV trường ĐH trực tuyến cũng không được giảm giá vào cửa các bảo tàng và các tổ chức nhà nước khác.

Kim Min-soo, 35 tuổi, SV trường ĐH trực tuyến Hanyang ở Seoul cho biết anh và bạn cùng lớp đi chơi núi Pukhan. Họ xuất trình thẻ SV để được giảm giá vé vào cửa. Song một nhân viên bán vé từ chối với lý do trông họ quá già, không phải là SV.

Ngoài ra, khi những SV ĐH trực tuyến đăng ký học trường y, những chứng chỉ học tập của họ đôi khi không được một số trường công nhận vì những trường này không coi ĐH trực tuyến là “ĐH thông thường”.

Cội nguồn vấn đề

Ngày nay ở Hàn Quốc, có nhiều người đăng ký học các trường ĐH trực tuyến để tiếp tục học tập. Những lời phàn nàn liên quan đến vị thế của những SV ĐH trực tuyến đang tăng lên. Vấn đề chủ yếu phát sinh từ cơ sở của việc thành lập các trường ĐH trực tuyến.

Các trường ĐH khác ở Hàn Quốc tuân theo luật “Giáo dục Bậc cao” của Chính phủ, còn các trường ĐH trực tuyến được thành lập dựa theo luật “Giáo dục Suốt đời”.

SV theo học lớp chính quy các trường ĐH thông thường được hưởng mức trợ cấp toàn phần của SV như giảm giá vé tàu xe công cộng.

Một quan chức Bộ Giáo dục và Phát triển Nhân lực Hàn Quốc giải thích mục đích việc giảm giá vé tàu xe cho SV là cung cấp cho họ những lợi ích của việc đi học. Nhưng các trường ĐH trực tuyến có các lớp học trên mạng Internet. Đó là lý do tại sao SV các trường này không được hưởng phúc lợi như SV thông thường.

Mặt khác, SV trường ĐH trực tuyến là những người đã đi làm. Do vậy, họ có thể chi trả chi phí đi lại. Theo quan chức trên, tất nhiên, chính phủ Hàn Quốc muốn cung cấp nhiều lợi ích cho SV nhưng SV trường ĐH trực tuyến nên hiểu thực trạng này.

Cần định nghĩa rõ ràng vị thế các trường ĐH trực tuyến

Theo các chuyên gia giáo dục Hàn Quốc, chính phủ nên định nghĩa rõ ràng vị thế các trường ĐH trực tuyến.

Ông Hur Jong-ryol, giáo sư trường ĐH Giáo dục Quốc gia Seoul ở Nam Seoul nhận định: Theo quy định của luật “Giáo dục Suốt đời”, các trường ĐH trực tuyến được định nghĩa là các cơ sở giáo dục suốt đời dưới hình thức một trường ĐH trực tuyến.

Khái niệm này quá mập mờ và khiến nhiều người lẫn lộn. Theo ông Hur, chính phủ Hàn Quốc cũng cần làm rõ về vị thế của SV các trường ĐH trực tuyến. Nếu không sẽ còn có nhiều người bị nhầm lẫn.

3. Học "từ xa" có quá xa?

(*Nguồn:* <http://vietnamnet.vn/giaoduc/vande/2005/04/415257/>)

10 năm, đã có hơn 54.000 người nhận bằng ĐH qua hình thức học từ xa. Trong quan niệm của nhiều người, vẫn còn "lấn cấn" ít nhiều về chất lượng của hình thức học tập này. Làm thế nào để phát triển và nâng chất lượng hệ đào tạo từ xa (ĐTTX) là vấn đề được thảo luận sôi nổi tại buổi tổng kết 10 năm ĐTTX do Bộ GD - ĐT tổ chức hôm nay, tại Hà Nội.

Từ xa na ná tại chức

Đến sát giờ bế mạc, vẫn có nhiều địa phương kiến nghị: *cần nâng chất lượng đào tạo cần mở rộng đầu vào và cần "thắt chặt" đầu ra hơn*. Bộ không nên quy định cụ thể về chỉ tiêu cũng như tỷ lệ tốt nghiệp hiện nay.

Ông Hồ Xuân Cường, trưởng Phòng Giáo dục Chuyên nghiệp (Sở GD - ĐT Bình Định) dẫn dụ, đối tượng tham gia loại hình ĐTTX rất đa dạng, phần lớn là những người không vào được hệ chính quy. Có người tham gia vì động cơ để lấy bằng, có người vì mục đích nâng cao kiến thức... Vì vậy, Bộ không nên can thiệp quá sâu trong việc phân bổ chỉ tiêu. Hơn nữa, quy định tỷ lệ tốt nghiệp của các Trung tâm từ 50 - 60% là thiếu thực tế và không khoa học. Bởi "cứng" như vậy sẽ khiến cơ sở "xé rào" để đạt thành tích.

Ông Cường lý giải, đặc thù của giáo dục từ xa là người học tự học là chính, họ cần gì thì học nội dung đó. Khống chế chỉ tiêu nghĩa là hạn chế đối tượng tham gia và không thực hiện được chủ trương xã hội hóa. Mặt khác, các đơn vị đào tạo từ xa phải tự chủ kinh phí. Điều này không loại trừ những đơn vị đặt mục tiêu lợi nhuận lẫn át mục tiêu đào tạo.

Ông Võ Duy Linh, Phó GD Trung tâm ĐTTX (trường ĐH Dân lập Bình Dương) đề xuất, việc "mở rộng-thắt chặt" này nhằm mục đích để ĐTTX không là biến tướng của đào tạo tại chức như nhiều người nhìn nhận. Bên cạnh đó, phải có một bộ đề thi thống nhất để các cơ sở triển khai.

Nếu học viên vượt qua được "ngưỡng" quy định của Bộ thì mới đủ tiêu chuẩn tốt nghiệp. Chứ hiện nay, chương trình đào tạo mỗi nơi làm một kiểu nên việc kiểm soát gian lận rất khó.

Kiến nghị của ông Lê Bình, quyền GD Trung tâm GDTX (Nghệ An) cũng là mong muốn của nhiều đơn vị ĐTTX trong nước: Bộ GD - ĐT sớm ban hành các quy định liên quan đến ĐTTX có định hướng rõ ràng để học viên yên tâm khi lựa chọn hình thức đào tạo này.

Gian nan kinh phí

Tổng số học viên tốt nghiệp ĐH theo hình thức học từ xa trong 10 năm là 54.354 người. Trong đó, Sư phạm: 67%; Kinh tế: 18%; Ngoại ngữ : 10% và Khoa học Xã hội và Nhân văn: 4%(Báo cáo tổng kết 10 năm ĐTTX của Bộ GD - ĐT).

Năm 2001 - 2002, Học viện Công nghệ Bưu chính viễn thông đã xây dựng mạng ĐTTX trực tuyến kết nối 18 điểm trong cả nước và trường ĐH Waseda (Nhật Bản) để đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ của ngành.

Theo ông Lê Hữu Lập, phó GD Học viện, hiện trường đang tập trung triển khai hình thức đào tạo E-Learning qua mạng Internet với hệ thống quản lý đào tạo khoảng 25.000 người học, các bài giảng đều được xây dựng ở dạng Multimedia. Trong năm nay, học viện đủ điều kiện để đào tạo ĐH qua mạng 3 chuyên ngành: CNTT, Điện tử Viễn thông và Quản trị Kinh doanh.

Lợi thế của Học viện là đường truyền có sẵn, nên công tác ĐTTX thuận lợi hơn. Còn các trường ĐH, các trung tâm ĐTTX đang đứng trước khó khăn về kinh phí để đầu tư cơ sở vật chất.

Là trường duy nhất trong cả nước triển khai ĐTTX qua truyền hình, được sự hỗ trợ 100% kinh phí phát sóng từ UBND và Tỉnh ủy, nhưng quy trình làm học liệu Trung tâm ĐTTX (trường ĐH Dân lập Bình Dương) vẫn gặp nhiều khó khăn.

Để có nội dung phát sóng liên tục ngày/2 buổi toàn bộ chương trình (trương ứng 4 năm) trên đài truyền hình Bình Dương, Bến Tre và một số đài truyền hình miền Đông Nam Bộ, trường phải mời các giảng viên "gạo cội" biên soạn chương trình. Ví dụ: thù lao mời giảng viên cho 1 bài giảng 20 phút ít nhất phải chi từ 500.000 đồng trở lên... chưa kể từ đó in sao sang băng hình, băng tiếng, đĩa CD ROM dùng phát không cho học viên trong quá trình ĐTTX.

4. Đào tạo trực tuyến: Cơ hội nhập và xuất khẩu tri thức

(Nguồn: <http://www.evnpt.com.vn/ViewNews/View/ShowNews/News/viewMaterDetailNews.aspx?MaTinTucHoatDong=200508080002>)

Một dự báo đang được nhiều người tán đồng: từ năm 2004, đào tạo trực tuyến sẽ mở ra nhiều cơ hội mới, tốn ngoại tệ nhưng ít hơn và quan trọng là đối tượng sẽ mở rộng, người học thuận lợi hơn. Và tại sao không dám nghĩ đã đến lúc giáo dục Việt Nam cũng xuất khẩu để thu ngoại tệ?

Nhập khẩu giá rẻ!

Nếu bạn đến một trung tâm Anh văn loại tốt để có thể học trực tiếp với người bản xứ (đôi khi chỉ là những chàng Tây ba lô sang du lịch, đi dạy thêm kiếm tiền) thì một giờ học phải mất từ 50.000 đồng là ít. Nhưng với đào tạo trực tuyến, một giờ học tiếng Anh với một thạc sĩ Mỹ, Anh chuyên ngành dạy tiếng Anh cho người nước ngoài, bạn chỉ mất khoảng 15.000 đồng, tính luôn cước phí Internet và điện thoại kết nối thì cũng trên dưới 20.000 đồng/giờ!

Từ giữa năm 2003, FPT đã đưa vào hệ thống học tiếng Anh trực tuyến ở địa chỉ: www.elearning.com.vn. Chỉ cần mua thẻ để đăng ký gia nhập vào lớp học EnglishTown (một hệ thống toàn cầu của Mỹ), bạn sẽ được làm bài test phân loại trình độ và xếp lớp theo giờ bất kỳ mà bạn thấy thuận tiện, vì trường học hoạt động trên mạng 24/24 suốt 7 ngày trong tuần.

Mỗi lớp như vậy có khoảng 10 sinh viên đủ quốc tịch và học với một ông thầy thật qua giao diện máy tính: làm bài tập, hỏi đáp, phát âm... với thầy và bạn học cùng lớp một cách thoải mái. Cứ sau mỗi mức học thì được cấp chứng chỉ của EnglishTown hoặc ĐH Suffolk, Harvard (Mỹ). Trong đó những chương trình được nhiều người chọn nhất là luyện thi Toefl, Toeic rất tiện lợi trên mạng.

Theo con số của nhà phân phối thẻ học tại Việt Nam là FPT cung cấp, thì đến cuối năm vừa qua có gần 5.000 người theo học, so với 3 triệu học viên trên toàn cầu của mạng này vẫn là một con số ít ỏi.

Trực tuyến kiểu Việt Nam

Từ ba năm nay, ĐH Quốc Gia TP Hồ Chí Minh đã thí điểm chương trình đào tạo trực tuyến của mình dưới tên gọi rất khiêm tốn: “Đào tạo kết hợp qua mạng tin

học viễn thông” ngành CNTT. Nghĩa là vẫn phải đến lớp theo kiểu truyền thống, nhưng càng ngày tỷ lệ giờ tự học qua mạng sẽ càng cao.

Đến cuối năm 2003 vừa qua, Giáo sư - Tiến sĩ khoa học Hoàng Kiếm, Giám đốc Trung tâm Phát triển CNTT, đơn vị triển khai chương trình này của ĐH Quốc gia cho biết: đã đưa xong toàn bộ 52 giáo trình môn học lên mạng dưới dạng bài giảng có hình ảnh.

Từ chỗ đào tạo bậc ĐH, đến nay Bộ Giáo dục và Đào tạo đã cho phép tuyển sinh đào tạo thạc sĩ qua mạng. Ngay từ bước khởi đầu như luyện thi, học viên có thể mua thẻ để truy nhập vào mạng có đầy đủ bài giảng ôn tập luyện thi, đề mẫu và giáo viên hướng dẫn.

Điều thua kém duy nhất của đào tạo trực tuyến kiểu Việt Nam hiện nay là tỷ lệ giờ online trực tiếp giữa giáo viên và sinh viên trên mạng còn thấp, việc trả lời hướng dẫn phải được thực hiện ngượng, thường là sau 24 giờ.

Một cuộc cách mạng đang đến gần!

Nhiều chuyên gia về giáo dục đã không ngần ngại gọi phương thức đào tạo này là một thời kỳ mới của khái niệm đào tạo từ xa. Thay vì gửi bài giảng qua bưu điện, nghe giảng qua radio, tương lai gần đào tạo từ xa sẽ đồng nghĩa với đào tạo qua mạng.

Không chỉ vậy, đào tạo qua mạng cũng trở thành phương thức đào tạo cho hệ cử nhân tài năng, kỹ sư chất lượng cao để lựa chọn nhân tài, bởi các đối tượng này có thể hoàn toàn tự học, bớt thời gian lên lớp để tự nghiên cứu vì bài giảng sẽ có sẵn trên mạng. Những buổi đến giảng đường sẽ là những buổi trao đổi với các chuyên gia, giáo sư đầu ngành, hơn là đi nghe lý thuyết và điếm danh.

Bằng đào tạo trực tuyến đã đến lúc Việt Nam có thể tự mình xuất khẩu tri thức ra thế giới. Một trường ĐH lớn phía nam đang chuẩn bị thực hiện một dự án dạy qua mạng cho người nước ngoài những chuyên đề về văn hóa Việt Nam và tiếng Việt có thu tiền hẳn hoi. Cả một thị trường rất lớn của cộng đồng người Việt hải

ngoại và những nhà kinh doanh muốn tìm đến Việt Nam cũng như sự ngưỡng mộ về giá trị Á Châu là cơ hội cho xuất khẩu tri thức Việt Nam qua mạng.

Đào tạo trực tuyến trên thế giới:

- Tại Mỹ: Khoảng 80% trường ĐH sử dụng phương pháp đào tạo trực tuyến, có khoảng 35% các chứng chỉ trực tuyến được chính thức công nhận.
- Tại Singapore: Khoảng 87% trường ĐH sử dụng phương pháp đào tạo trực tuyến.
- Tại Hàn Quốc: đến nay đã có 9 trường ĐH trực tuyến trên mạng

5. Đào tạo trực tuyến: Cần chú hích trên nhiều bình diện

(Nguồn: <http://www.anninhthudo.vn/tianyon/Index.aspx?ArticleID=33261&ChannelID=5>)

Bên cạnh việc giảng dạy chính thống, trong vòng 1 năm trở lại đây, các bạn học sinh có thêm chương trình đào tạo trực tuyến (ĐTTT). Như một kênh thông tin tham khảo, ĐTTT đã bắt đầu cần một hướng mở cho tương lai, mặc dù còn nhiều vấn đề cần phải bàn.

ĐTTT hiện nay có 3 kênh chính, thứ nhất là những trang web do các công ty lập ra nhằm mục đích kinh doanh tạm gọi là tự phát và không có tính ổn định cao. Thứ hai là ĐTTT chính quy, do các trường đại học tổ chức - một phương thức đào tạo từ xa và có cấp chứng chỉ. Thứ ba là những chương trình ĐTTT từ nước ngoài đưa vào Việt Nam.

Trên thực tế, những chương trình ĐTTT chưa có một đề án nào để quản lý chính thức, đang nằm ở rất nhiều cơ quan chức năng khác nhau. Đơn vị cấp phép thành lập các website này nhằm mục đích kinh doanh nên lại do Bộ Kế hoạch - Đầu tư quản lý, trang web được thành lập lại do Bộ Thông tin - Truyền thông cấp giấy phép, còn nội dung của trang web là những nguồn học liệu mở từ các trường đại học nên một phần thuộc trách nhiệm của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

Theo ông Quách Tuấn Ngọc, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Bộ Giáo dục - Đào tạo đơn vị nhận xây dựng đề án quản lý những trang web ĐTTT thì đây là loại hình đào tạo của tương lai, trên thế giới đã thực sự phát triển và cũng rất nhiều chương trình được giới thiệu đến Việt Nam.

Hiện nay chúng ta có khoảng 10 trang web về lĩnh vực này, một con số không lớn, cho thấy ĐTTT mới chỉ là một lĩnh vực mang tính chất thăm dò. Một số trường đại học cũng đã bắt đầu hướng đến loại hình đào tạo này nhưng vẫn chưa có một quy chuẩn nhất định.

Tới đây với chương trình ĐTTT của các trường đại học mang hình thức chính quy có cấp bằng sẽ được quản lý chặt chẽ, đặt ra yêu cầu về cơ sở vật chất, nội dung bài giảng.

Bộ sẽ triển khai thí điểm chương trình ĐTTT với các lớp bồi dưỡng kiến thức hàng năm cho các giáo viên nhằm tiết kiệm thời gian và tiền của.

Thạc sỹ Tiệp Lê - trường University of Sungkyunkwan, TP Seoul, Hàn Quốc chia sẻ: “Qua tham khảo các đơn vị có đào tạo trực tuyến trong ngành giáo dục, có thể thấy ĐTTT chính thống của Việt Nam mới ở mức sơ khai cả về số lượng lẫn chất lượng, phạm vi; còn thiếu nhiều công cụ, tính tương tác chưa cao, chưa có chuẩn về công nghệ, hình và tiếng không khớp nhau, có hình mất tiếng, có tiếng mất hình, thiếu phương pháp và đội ngũ cán bộ giảng dạy.

Với tình trạng đó, tôi nghĩ có lẽ ĐTTT ở Việt Nam rất cần một cú hích lớn trên nhiều bình diện... So với các nước phát triển mà mũi lòng! Các nước có hẳn những cơ quan chuyên nghiên cứu về e-learning, sẵn sàng trả lương cao để mời chuyên gia giỏi”. Đây cũng là những yếu tố cần được xem xét khi đề án quản lý ĐTTT bắt đầu triển khai.

ĐTTT cũng có thể coi như một loại hình đào tạo từ xa và giáo dục thường xuyên. Người học có thể chọn cho mình những bài học phù hợp và thời điểm học thích hợp. ĐTTT ở Việt Nam hiện nay mới chỉ thuần túy là việc mua bài giảng (mua

thể học như những trò chơi gameonline bình thường khác), và không có đủ khả năng thay thế những bài học truyền thống.

Tại các quốc gia tiên tiến trên thế giới, dù công nghệ thông tin rất phát triển nhưng việc ĐTTT vẫn phải kết hợp với những bài giảng truyền thống. ĐTTT đòi hỏi tính tự giác của người sử dụng vì không chịu sự quản lý về mặt hành chính của bất cứ ai.

Nếu như với những lớp học truyền thống, sinh viên cần lên lớp, thầy cô điếm danh, đủ số giờ đi học thì người đó mới được thi học phần kết thúc môn. Còn với học trực tuyến, người học không cần phải đến trường, không bó buộc thời gian nhưng đồng nghĩa với nó là không đảm bảo về chất lượng nếu người học không chủ động và tự giác.

Và vì thế, sau này ĐTTT nếu có phát triển, chỉ nên sử dụng vào những lớp bồi dưỡng kiến thức thời gian ngắn, chứ việc đào tạo dài hạn và cấp bằng, chứng chỉ với điều kiện của nước ta hiện nay chưa thể cho phép.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP:

1. Một số ý kiến của chuyên gia

a. Tiến sỹ Quách Tuấn Ngọc (Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Bộ Giáo dục - Đào tạo): Nên có những quy định thống nhất

ĐTTT hiện nay mới trong giai đoạn bắt đầu. Tuy không phải là nhà quản lý trực tiếp nhưng bằng nhãn quan của người làm công tác công nghệ thông tin của Bộ Giáo dục - Đào tạo, chúng tôi cũng có những quan tâm.

Quan điểm của chúng tôi là khuyến khích việc làm này, vì dù sao nó cũng mang lại hiệu quả nhất định, và ĐTTT cũng là một mảnh đất để những người khai phá nó thỏa sức sáng tạo. Chúng tôi chỉ khuyến cáo với những người chịu trách nhiệm các trang web này là không được vi phạm thuần phong mỹ tục của văn hóa Việt Nam.

Chúng ta cũng nên có một cái nhìn thoáng hơn về những website ĐTTT, bởi nó cũng như quy luật thị trường, tự nó sẽ bị đào thải nếu như đó là những trang web thiếu chất lượng, người học sẽ không mất tiền cho những bài giảng không có giá trị.

Theo tôi ở thời điểm hiện tại, khi những trang web ĐTTT đang mọc lên như một trào lưu thì chúng ta hãy để cho nó phát triển bình thường, nếu có đoạn nào chưa phù hợp thì sẽ dần điều chỉnh, không cho vượt quá khuôn khổ cho phép. Còn trong tương lai, nhất thiết chúng ta phải có những quy định thống nhất về ĐTTT kể cả chính thống và không chính thống.

b. Ngô Văn Khoát - Nguyên chuyên viên Vụ Giáo dục thường xuyên: Hướng mở trong tương lai

Là một cựu chuyên viên của Vụ Giáo dục thường xuyên, tôi nhận thấy tính hữu ích của đào tạo từ xa nhiều năm về trước, còn hiện nay khi công nghệ thông tin phát triển, mạng Internet phổ biến hơn, đặc biệt là đến các vùng quê thì việc ĐTTT cũng sẽ dần đến với nhiều người hơn. Tuy nhiên, nếu để ĐTTT phát triển một cách tự phát thì là điều không nên.

Hiện nay vì mới nên các nhà quản lý còn chưa biết xử trí ĐTTT như thế nào, còn trong tương lai, khi chúng ta đã kiểm soát được đường đi của nó thì nhất thiết phải có những quy chuẩn, những văn bản cho những đơn vị (kể cả với mục đích kinh doanh), điều kiện cần thiết để ĐTTT.

Hệ thống đào tạo từ xa qua rất nhiều kênh khác nhau, thậm chí qua cả phát thanh truyền hình và có thể cấp chứng chỉ với những bài dự thi gửi qua đường bưu điện thì tôi tin rằng, ĐTTT sẽ là hướng mở trong tương lai nếu chúng ta biết tận dụng tính ưu việt một cách tối đa. Nhà nước ta đang áp dụng rất nhiều hình thức trực tuyến, đặc biệt là những cuộc họp, để đỡ tốn kém kinh phí thì ĐTTT cũng góp phần làm giảm ngân sách cho ngành giáo dục.

c. Mai Chi Vương (Trường The University of Alabama, Tiểu bang Alabama, USA):Bước ngoặt mới của giáo dục

Nhiều chuyên gia về giáo dục trên thế giới đã không ngần ngại gọi phương thức đào tạo này là một thời kỳ mới của khái niệm đào tạo từ xa. Thay vì gửi bài giảng qua bưu điện, nghe giảng qua radio, tương lai gần đào tạo từ xa sẽ đồng nghĩa với đào tạo qua mạng.

Không chỉ vậy, đào tạo qua mạng cũng trở thành phương thức đào tạo cho hệ cử nhân tài năng, kỹ sư chất lượng cao để lựa chọn nhân tài, bởi các đối tượng này có thể hoàn toàn tự học, bớt thời gian lên lớp để tự nghiên cứu vì bài giảng sẽ có sẵn trên mạng. Những buổi đến giảng đường sẽ là những buổi trao đổi với các chuyên gia, giáo sư đầu ngành, hơn là đi nghe lý thuyết và điểm danh. Bằng ĐTTT, đã đến lúc Việt Nam có thể tự mình nhập và xuất khẩu tri thức ra thế giới.

Đã có dự báo được nhiều người tán đồng, đó là nếu đào tạo trực tuyến Việt Nam phát triển sẽ mở ra nhiều cơ hội mới, tốn ít ngoại tệ hơn và quan trọng bậc nhất là đối tượng trong giáo dục sẽ được mở rộng, thuận lợi hơn rất nhiều cho người học. Và tại sao chúng ta không dám nghĩ đã đến lúc giáo dục Việt Nam cũng xuất khẩu tri thức để thu ngoại tệ...

d. Thạc sỹ Tiệp Lê (Trường University of Sungkyunkwan, TP Seoul, Hàn Quốc): Một lối đi rộng

Phong phú và linh hoạt, dễ tiếp cận và tiện lợi, tiết kiệm và hiệu quả..., giáo dục trực tuyến (e-learning) mở ra một lối đi rộng cho giáo dục Việt Nam. Nhưng dường như loại hình đào tạo này còn chưa được coi trọng. ĐTTT là một cuộc cách mạng về học tập.

Người học có thể ngồi một chỗ để... “đến trường” bất cứ thời gian nào, bất kể trường đó ở đâu trên thế giới. ĐTTT cũng thay đổi cách tiếp cận, lĩnh hội tri thức. Các hoạt động đọc, xem, khám phá, nghiên cứu, tương tác, thực hành, giao tiếp, thảo luận, chia sẻ kiến thức trên mạng mang lại cho người học nhiều hứng thú và niềm vui tìm tòi, suy nghĩ. ĐTTT đem lại hiệu quả kinh tế cao, chỉ cần một giáo viên giỏi có thể giảng cho hàng nghìn người; có thể dễ dàng mời giảng viên, chuyên gia nước ngoài giảng dạy với chi phí không đắt...

Như vậy, ĐTTT giúp nâng cao quy mô và chất lượng đào tạo, làm giảm chênh lệch về cơ hội học tập giữa người giàu và người nghèo, giữa nông thôn và thành thị, giúp giáo dục Việt Nam hội nhập nhanh hơn với thế giới.

2. Chấn chỉnh hoạt động liên kết đào tạo từ xa

(Nguồn: <http://vietnamnet.vn/giaoduc/tintuc/2004/08/228172/>)

Đó là nhiệm vụ trọng tâm Bộ GD-ĐT chỉ đạo các địa phương thực hiện trong năm học này đối với hệ giáo dục không chính quy.

Bộ GD-ĐT lưu ý: Các địa phương cần tổng kết rút kinh nghiệm, có biện pháp cụ thể để khắc phục những yếu kém trong công tác quản lý; tăng cường học liệu, thiết bị dạy học nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả, đặc biệt là các khoá đào tạo bồi dưỡng giáo viên bằng hình thức học từ xa.

Đối với các trung tâm, các cơ sở bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng văn hoá, nghiệp vụ, kinh tế, kỹ thuật của các Bộ, ngành, đoàn thể, các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn đều phải đăng ký và chịu sự quản lý của các Sở GD-ĐT. Bộ cho phép: Ngoài việc cấp độ A, B, C, căn cứ yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội địa phương và nhu cầu người học, có thể mở các lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học chuyên ngành, kỹ thuật viên tin học, công nghệ thông tin-viễn thông.

Tuy nhiên, Bộ GD-ĐT yêu cầu tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cơ sở có tổ chức bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, bảo đảm có đội ngũ giáo viên đủ trình độ, dạy học theo đúng chương trình quy định.

Đến nay, cả nước có 300 trung tâm bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học, cùng mười trung tâm đào tạo từ xa của các trường ĐH. Số học viên học chương trình bồi dưỡng ngoại ngữ A, B, C là 300.000 người; số dự bồi dưỡng tin học A, B, C là 250.000 người, và 100.000 sinh viên đang theo học chương trình ĐH từ xa. Một số tỉnh, thành phố trong năm học qua đã làm tốt việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ là: Hải Phòng, Khánh Hoà, Đà Nẵng, TP.HCM, Cần Thơ, Phú Thọ, Phú Yên...

ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN – MỘT HÌNH THỨC HỌC TẬP HỮU HIỆU TRONG TƯƠNG LAI

Nguyễn Đức Hiệp

GV THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa-TP HCM

Đào tạo từ xa đã có từ lâu qua các phương tiện khác nhau như gửi thư, truyền hình... nhưng từ khi có Internet thì phương tiện chủ yếu được áp dụng trong đào tạo từ xa là Internet và các phần mềm hỗ trợ trên nền Web và góp phần hình thành một hình thức dạy và học mới : “**đào tạo trực tuyến (e-learning)**”. Hiện nay, đào tạo từ xa và e-learning vẫn tiếp tục phát triển mạnh ở khắp các trường đại học trên thế giới.

Bảng dưới đây so sánh các hoạt động của thầy giáo trong dạy học truyền thống với các hoạt động mà người thầy giáo đã "truyền" vào bài giảng e-learning thông qua các phương tiện Internet :

Hoạt động của GV	Thể hiện trên máy tính hoặc trình chiếu
Thuyết giảng	Ghi âm và phát lại dưới dạng các file audio (mp3)
Đưa ra các câu hỏi gợi mở	Hiện thị các câu hỏi, vấn đề mang tính chất gợi mở
Viết bảng	Hiện thị các đoạn văn bản, nội dung chính của bài giảng
Làm thí nghiệm	Hiện thị video mô phỏng các thí nghiệm, các hoạt động tương tác giữa GV và HS...
Trình bày các hình ảnh	Hiện thị các hình ảnh trực quan, video, audio, flash...

trực quan	
Kiểm tra	Các dạng bài thi trắc nghiệm, các bài tập ở nhà...
...	...

Hiện tại trên thế giới phong trào xuất bản các course học mở, miễn phí (Open Course Ware - OCW) ngày càng phát triển mạnh. Các course học thường được lấy ra từ chương trình giảng dạy của các trường đại học. Đầu tiên là các trường đại học ở Mỹ (tiên phong là MIT), sau đó đến các trường đại học khác ở Mỹ, Nhật, Trung Quốc và Pháp. Sau đây là danh sách các trường đã công bố cung cấp học liệu mở (OCW).

Danh sách các trường cung cấp học liệu mở

1. Massachusetts Institute of Technology – MIT

Website: <http://ocw.mit.edu/index.html> MIT là trường học hàng đầu thế giới về công nghệ. MIT đã công bố trên 1000 cours học. Đây là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá cho các trường trên toàn thế giới cũng như ở Việt Nam.

2. Các trường đại học công nghệ của Pháp (ParisTech), Website: <http://graduateschool.paristech.org>. ParisTech là tập hợp của 11 trường học công nghệ uy tín nhất tại Pháp.

3. Fulbright Economics Teaching Program OCW tại Việt Nam, Website: <http://ocw.fetp.edu.vn>

4. John Hopkins University, Website: <http://ocw.jhsph.edu/>

5. Keio University, Website: <http://ocw.dmc.keio.ac.jp/>

6. Utah State University, Website: http://ocw.usu.edu/Index/ECIndex_view

7. Tokyo Institute of Technology, Website: <http://www.ocw.titech.ac.jp>

8. Osaka University, Website: <http://ocw.osaka-u.ac.jp>

9. University of Tokyo, Website: <http://ocw.u-tokyo.ac.jp>

10. Waseda University. Website: <http://www.waseda.jp/ocw/index.html>

11. Các trường đại học của Trung Quốc, Website: <http://www.core.org.cn/cn/jpkc/>

12. Đại học mở Anh - Open University of UK, Website: <http://oci.open.ac.uk/pressrelease.html>

VietNam OCW:

<http://www.voice.net.vn>;

<http://www.ocwconsortium.org/>;

<http://ocw.mit.edu/OcwWeb/Global/>

Xin đơn cử vài ví dụ :

- Ở trường TH Quốc tế Nam Sài Gòn (VHS)
- Ở ĐH RMIT
- Ở một số lớp học trực tuyến do cá nhân các GV thành lập :
www.ePhysicsvn.com, www.thaytro.com, www.abcdonline.vn...

Ngoài ra còn nhiều Website dạy học theo hình thức elearning khác trong nước :

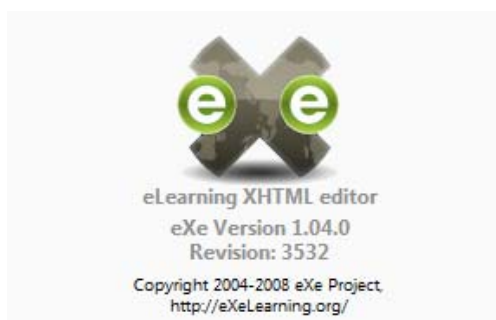
1. EVietnam Group <http://courses.evietnamese.net/>
2. Khoa quản trị kinh doanh - Đại học Đà Nẵng
<http://www.dbavn.com/elearning/>
3. Đại học Mở TPHCM <http://elearning.ou.edu.vn/>
4. Viện Khoa học và Công nghệ - Phân viện TPHCM <http://elearning.ioit-hcm.ac.vn/>
5. Khoa quản trị & du lịch - Đại học Ngoại ngữ <http://web.hufs.edu.vn/fmt/>
6. Trung tâm Thông tin Thư viện - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội
<http://lic.hufs.edu.vn/>
7. Đại học Sư Phạm Hà Nội <http://elearning.dhsphn.edu.vn/>
8. Khoa Nhật - Đại học Ngoại ngữ <http://web.hufs.edu.vn/jp/>

9. Ephysics <http://www.ephysicsvn.com/>
10. Đại học Ngoại Ngữ - Foundation Studies Department
<http://www.fsdhufs.org/moodle/>
11. Công bồi dưỡng sư phạm cho giáo viên kỹ thuật
<http://www.dbavn.com/elearning/>
12. Đại học Công nghệ - Đại học Quốc Gia <http://fotech.vnu.edu.vn/courses/>
- 13 Khoa CNTT- ĐH hoa Học Tự Nhiên-ĐHQGTPHCM
<http://courses.cs.hcmuns.edu.vn/>
- 14 Đại học Thủy lợi <http://baigiang.wru.edu.vn/baigiang/>
- 15 Đại học Mở - Địa Chất <http://www.humg.edu.vn/thtd/>
- 16 VietMaths.NET <http://www.vietmaths.net/>
- 17 Khoa CNTT – Đại học Cần Thơ <http://elcit.ctu.edu.vn/>
- 18 Hóa học phổ thông <http://www.hoahocphothong.com/moodle/>
- 19 Công ty điện lực số 2 <http://e-learning.pc2.com.vn/>
- 20 Đại học xây dựng <http://www.uce-hn.edu.vn/moodle/>

Dưới đây, xin được giới thiệu qua một số phần mềm hỗ trợ việc soạn thảo bài giảng trên nền Web (web based learning) khá hữu ích, dễ dùng và tuân thủ các chuẩn về elearning :

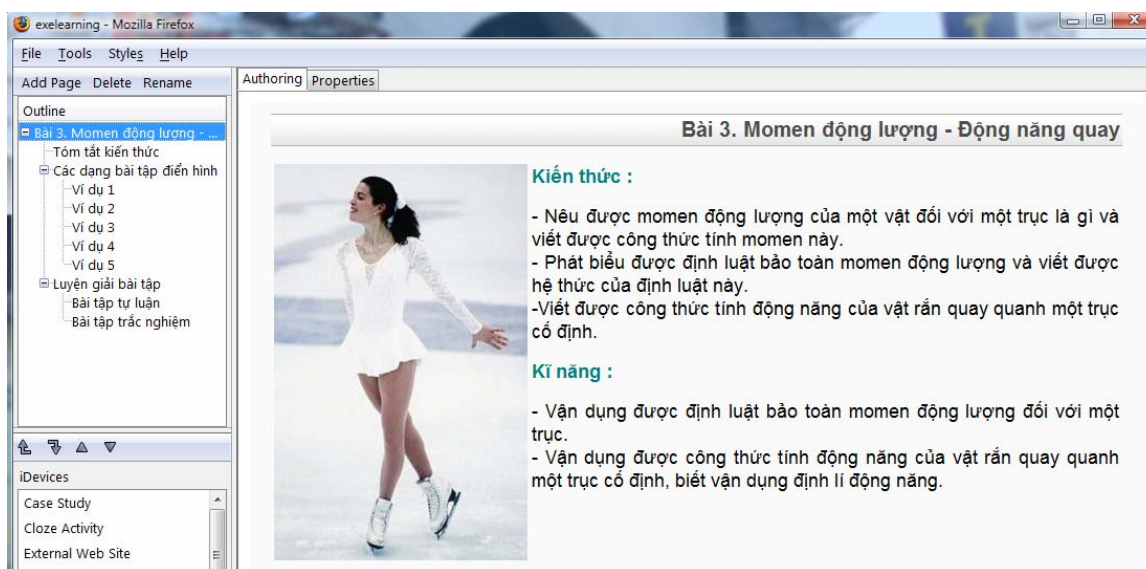
1. eLearning XHTML editor (EXE-1.0) : Đây là phần mềm mã nguồn mở)

Website: <http://exelearning.org/>.



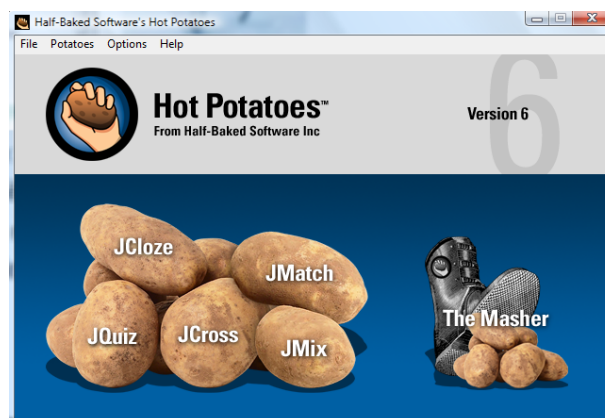
ELearning XHTML editor (eXe) là một công cụ xây dựng nội dung đào tạo (authoring) được thiết kế chạy trên môi trường web để giúp đỡ các giáo viên và các trường (THPT, ĐH và CĐ) trong việc thiết kế, phát triển và xuất bản các tài liệu dạy và học trên web mà không đòi hỏi người soạn phải thành thạo về HTML, XML hay các ứng dụng xuất bản web rắc rối khác.

Công cụ mã nguồn mở này được phát triển bởi ĐH New Auckland - New Zealand. Giáo viên có thể phát triển các bài giảng điện tử offline (không cần kết nối vào mạng Internet) sau đó xuất ra dưới dạng các trang Web hoặc một gói tuân theo chuẩn SCORM hoặc IMS Content Packaging.

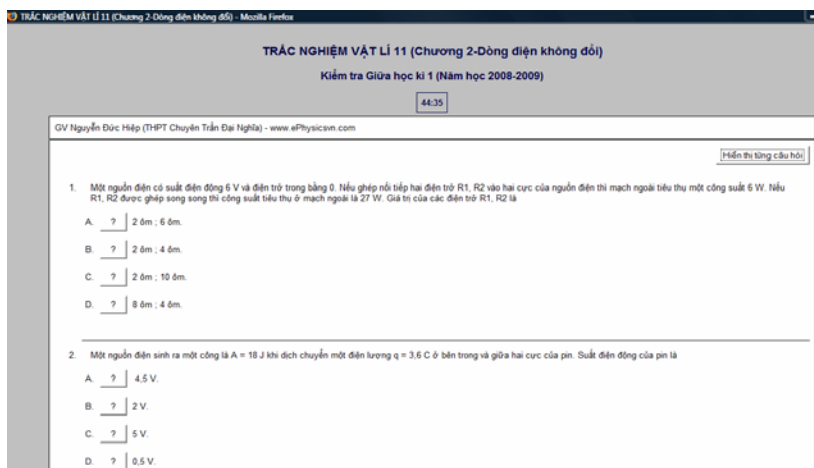


2. Hot Potatoes (Công cụ tạo bài kiểm tra với nhiều hình thức).

Website: <http://www.halfbakedsoftware.com/>



Phần mềm này miễn phí, hỗ trợ rất nhiều định dạng câu hỏi: điền vào chỗ trống, Trắc nghiệm nhiều lựa chọn, kéo/thả.... Bạn có thể đưa các bài kiểm tra đã tạo xong lên mạng rất dễ dàng. Tuy nhiên, phần mềm hỗ trợ chuẩn chưa tốt.



3. CourseGenie

Website: <http://www.coursegenie.com/index.htm>.

Đây là công cụ giúp tạo bài giảng có tính tương tác cao ngay trong MS Word, rất tiện lợi cho mọi người. Công cụ nổi bật với khả năng hỗ trợ chuẩn: chuẩn SCORM, IMS QTI, SENDA. Ngoài ra công cụ cũng có tính tương tác cao với các hệ thống khác trên thế giới như BlackBoard, WebCT, LRN Toolkit.

Còn nhiều phần mềm soạn thảo bài giảng elearning theo chuẩn SCORM khá lí thú và hiệu quả, nhưng do thời gian cho phép trình bày có hạn, tôi xin được tạm dừng phần tham luận tại đây và mong có dịp được trao đổi thêm cùng quý vị đã quan tâm về đề tài này trong thời gian tới.

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH: TRAINING ONLINE

Nguyễn Thành Nhân

Trung tâm Đào tạo Công nghệ mạng Cisnet

Trung Tâm Đào Tạo CISNET xin giới thiệu về chương trình đào tạo Training Online (TOL)- phương pháp đào tạo hiện đại, tiên tiến trên thế giới và đã xuất hiện tại Việt Nam.

D) Giới thiệu TOL:

CISNET là trung tâm áp dụng phương pháp học tập Training Online lần đầu xuất hiện tại Việt Nam với công nghệ vượt trội giúp học viên học tập trực quan các nội dung bài giảng được mô phỏng từ thực tế Doanh Nghiệp.

Hệ thống Training Online cho phép học và thực hành như thật. Là một hệ thống đào tạo trực tuyến hiện đại, tiên tiến trên thế giới nâng cao khả năng học mạng, lập trình và thực hành thực tế hoàn thiện trên mô hình đào tạo hiện nay. Hệ thống này sẽ là công cụ đắc lực hỗ trợ cho Học viên vừa học tập, kiểm tra và thi lấy các Chứng chỉ Quốc tế.



II) Mục tiêu:

Mục tiêu của hệ thống là cung cấp, đào tạo và chia sẻ kiến thức về khóa học mạng và lập trình web, đảm bảo cho học viên nguồn tài nguyên tri thức CNTT vững chắc và đầy đủ. Học viên hoàn toàn chủ động trong công tác học tập của mình, có thể học tập ở bất cứ đâu có kết nối mạng Internet, không bị ảnh hưởng đến công việc khác mà vẫn đảm bảo sự hiểu sâu biết rộng về CNTT để theo kịp nhịp sống năng động, quốc tế hóa hiện nay. Việc đưa các bài giảng Training online cũng nhằm mở rộng cho các bạn học viên ở các tỉnh thành, vùng miền xa chưa có điều kiện tham gia học tập tại CISNET.

III) Hệ thống Bài giảng:

Giáo trình bài giảng được chuẩn hóa bởi những giảng viên giàu kinh nghiệm thực tế, được công nhận của Microsoft. Giáo trình được biên soạn rất đầy đủ và phong phú với nội dung đi từ các ví dụ thực tế doanh nghiệp và bám sát giáo trình chính thức của Microsoft. Hệ thống bài giảng được xây dựng với công nghệ vượt trội bao gồm 3 kỹ năng chính: thực hành lab trực tuyến, lý thuyết, testing...

IV) Chi phí, học phí Training Online:

Chi phí cho một khóa học trực tuyến sẽ giảm đi rất nhiều (chỉ từ 30% - 50% chi phí so với khóa học tại chỗ) nhưng vẫn cho chất lượng tốt nhất. Ngoài ra, học viên vẫn có thể tiếp thu đầy đủ 100% kiến thức về Lab thông qua chương trình Training Online CISNET tại www.cisnetonline.net

V) Qui trình đào tạo online:

Chương trình đào tạo online được thực hiện hoàn toàn thông qua Internet bằng việc học và thực hành lab trên hệ thống máy ảo.

Qui trình đào tạo online hoàn toàn không khác qui trình đào tạo quốc tế tại Cisnet. Tuy nhiên, chúng ta sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian, sức khỏe và tiền bạc cũng như hiệu quả và chất lượng đào tạo được nâng cao.

Website: <http://www.cisnetonline.net>

Chịu trách nhiệm chung

PGS.TS. Phạm Xuân Hậu

Biên tập nội dung

ThS. Võ Đình Bảy

CN. Nguyễn Thị Phú

Trình bày và thiết kế bìa

Nguyễn Thị Phú

Nguyễn Tiến Phát